

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỚI “QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH; QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU; QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG”
(PHỤ LỤC I - ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT)

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIẾN NGHỊ VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
1. MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA THUẦN				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình sản xuất lúa thuần	Mô hình cây lương thực (cây lúa)	Mô hình sản xuất lúa thuần	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình sản xuất lúa thuần” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây lúa	1. Đối tượng: cây lúa	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sử dụng giống	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			đạt cấp xác nhận trở lên, áp dụng phương pháp sạ hàng, sạ thưa, sạ theo cụm, cây...	<p>- Đề xuất kế thừa Thời gian thực hiện: 5 tháng để phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trung ương.</p> <p>- Đề xuất bổ sung nội dung: “<i>sử dụng giống đạt cấp xác nhận trở lên, áp dụng phương pháp sạ hàng, sạ thưa, sạ theo cụm, cây...</i>” tại mục 2 và “<i>Thực hiện theo quy trình sản xuất lúa thuần</i>” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trên cây lúa tại Quyết định số</p>
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Thực hiện theo quy trình sản xuất lúa thuần, quy trình kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp	
		Thời gian triển khai: 5 tháng	4. Thời gian thực hiện: 5 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa một phần nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND để phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN - Đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10 - 15 ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 20 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng (≤ 10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	1. Máy làm đất	Không quy định	1. Máy làm đất	Đề xuất kế thừa một phần

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	2. Khâu gieo cấy - Máy sạ hàng - Máy trộn đất - Máy gieo hạt - Máy cấy 3. Máy phun thuốc BVTV 4. Máy gặt đập liên hợp (Áp dụng phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)		2. Khâu gieo cấy - Thiết bị sạ (hàng/ cụm) - Máy thu gom rơm - Máy trộn đất - Máy gieo hạt - Máy cấy 3. Máy phun thuốc BVTV 4. Máy gặt đập liên hợp (Áp dụng phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	<u>nội dung</u> theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN. Đồng thời điều chỉnh “Máy sạ hàng” thành “Thiết bị sạ (hàng/ cụm) và bổ sung Máy thu gom rơm” dựa trên tham khảo Quyết định số 1390/QĐ-BNNMT ngày 20/4/2026
<i>d. Định mức giống, vật tư (tính cho 01ha)</i>				
Không quy định	1. Giống lúa: 100 kg (từ cấp xác nhận trở lên) 2. Đạm nguyên chất (N): 80 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 60 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 2.000 kg 6. Thuốc BVTV: 1.000.000 đồng	1. Giống lúa: 100 – 120 kg hạt 2. N: 115 kg 3. P ₂ O ₅ : 90 kg 4. K ₂ O: 90 kg 5. Vôi: 0,5 tấn 6. Thuốc BVTV: 5 kg/lít	1. Giống lúa: 100 kg (từ cấp xác nhận trở lên) 2. Đạm nguyên chất (N): 80 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 60 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 2.000 kg 6. Thuốc BVTV: 5 kg/lít 7. Vật rẻ tiền mau hỏng	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định số 726/ QĐ-BNN-KN. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	7. Vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất (Theo quy trình kỹ thuật) (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)		phục vụ sản xuất (Theo quy trình kỹ thuật) (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...).	định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát. - Thay thế nội dung: “Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng” thành: “Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...”
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Bảng mô hình: <i>Không quy định</i>	đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Bảng mô hình: <i>Không quy định</i>	thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biểu mô hình: ≤10 cái	64/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biểu mô hình để phù hợp với bố cục.
2. MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA HỮU CƠ				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình sản xuất lúa hữu cơ	Không quy định	Mô hình sản xuất lúa hữu cơ	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình sản xuất lúa hữu cơ” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	a. Định mức lao động	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
	b. Định mức máy móc, thiết bị		b. Định mức lao động	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	c. Định mức giống, vật tư		c. Định mức máy móc, thiết bị	<p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND</p> <p>- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: <i>áp dụng phương pháp sạ hàng, sạ thưa, sạ theo cụm, cây...</i>” và Yêu cầu về kỹ thuật: <i>Thực hiện quy trình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, hữu cơ; sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc BVTV (và các chế phẩm khác) có nguồn gốc sinh học trong quản lý dịch hại</i>”. Đồng thời đối với hạng mục Thuốc phòng trừ sâu bệnh, thảo mộc, sinh học đề xuất thay thế số lượng từ “600.000 đồng” thành “3,3 – 8 kg/lít” nhằm đảm bảo tính thực tiễn,</p>
	d. Định mức triển khai		d. Định mức giống, vật tư	
			đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				ôn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát dựa trên tham khảo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. (Mô hình/điểm trình diễn trên cây lúa)
3. MÔ HÌNH SẢN XUẤT BẮP				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình sản xuất bắp	Mô hình cây lương thực (cây bắp)	Mô hình sản xuất bắp	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình sản xuất bắp” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng.
<i>a. Yêu cầu chung</i>				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây bắp Không quy định	1. Đối tượng: cây bắp 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng các giống bắp lai F1 có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh.	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 4 tháng để phù hợp với Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: năng suất 7 – 12 tấn/ha	định số 726/QĐ-BNN-KN
		Thời gian triển khai: 5 tháng	4. Thời gian thực hiện: 4 tháng	- Đề xuất bổ sung nội dung: “Sử dụng các giống bắp lai F1 có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh” tại mục 2 dựa trên tham khảo Quy trình kỹ thuật canh tác cây bắp lai ban hành kèm theo Quyết định số 740/QĐ-SNN ngày 13/06/2006 của SNN&PTNT tỉnh Bình Thuận - Đề xuất bổ sung nội dung: “Năng suất 7 – 12 tấn/ha” tại mục 3 dựa trên tham khảo thông tin về năng suất trung bình của các giống bắp lai hiện có trên thị trường.
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	kỹ thuật (Người dân đối ứng)		kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa một phần nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND để phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 10ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (≤ 10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	- Đề xuất quy mô “ ≤ 10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Máy gieo hạt (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Máy gieo hạt (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN
d. Định mức giống, vật tư (tính cho 01ha)				
Không quy định	1. Giống bắp lai: 18 kg	1. Giống bắp: 15 kg	1. Giống bắp lai: 18 kg	- Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	(hạt lai F1) 2. Đạm nguyên chất (N): 160 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 80 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 85 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 1.000 kg 6. Thuốc BVTV: 600.000 đồng <i>(TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng)</i>	2. N: 210 kg 3. P ₂ O ₅ : 80 kg 4. K ₂ O: 100 kg 5. HCVS: 1 tấn 6. Vôi: 0,5 tấn 6. Thuốc BVTV: 10 kg/lít	(hạt lai F1) 2. Đạm nguyên chất (N): 160 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 80 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 85 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 1.000 kg 6. Thuốc BVTV: 10 kg/lít <i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)).</i>	theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát. - Thay thế nội dung: “ <i>Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng</i> ” thành: “ <i>Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc</i> ”

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...”
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật) - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i></p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần</p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật) - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: ≤10 cái</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biên mô hình để phù hợp với bố cục.
4. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY KHOAI MÔN, KHOAI SỌ				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình sản xuất cây khoai sọ	Mô hình cây lấy củ (khoai môn, khoai sọ)	Mô hình trồng cây khoai môn, khoai sọ	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng cây Khoai môn, Khoai sọ” do thể hiện cụ thể và bao quát đối tượng cây trồng hơn.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: khoai môn, khoai sọ	1. Đối tượng: khoai môn, khoai sọ	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 6 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung tại mục 2 và mục 3 dựa trên quy trình kỹ thuật của Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Trồng bằng củ, mật độ 40.000 cây/ha	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: năng suất đạt 15 – 20 tấn/ha	
		Thời gian triển khai: 6 tháng	4. Thời gian thực hiện: 6 tháng	
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (<u>Nông dân đối ứng</u>)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa một

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 06 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 06 tháng (≤ 05 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	phần nội dung thực hiện theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND - Đề xuất quy mô “ ≤ 05 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN
d. Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)				
Không quy định	1. Giống: 1400 kg (Từ cấp xác nhận trở lên) 2. Đạm nguyên chất (N): 150 kg	1. Giống: 2.000 - 2500 kg củ 2. N: 150 kg 3. P ₂ O ₅ : 200 kg	1. Giống 2.000 - 2500 kg củ 2. Đạm nguyên chất (N): 150 kg	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 100 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 180 kg 5. Phân hữu vi sinh: 2.000 kg 6. Vôi bột: 1.000 kg 7. Thuốc BVTV: 600.000 đồng <i>(TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng)</i>	4. K ₂ O: 200 kg 5. HCVS: 3 tấn 6. Vôi: 1 tấn 6. Thuốc BVTV: 13 kg/lít	3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 200 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 180 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 3.000 kg 6. Vôi: 1.000 kg 7. Thuốc BVTV: 13 kg/lít <i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)).</i>	dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do định mức các hạng mục tối ưu hơn. Bổ sung thêm nội dung: “Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)”
<i>d. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤5 cái	29/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biên mô hình để phù hợp với bố cục.
5. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY KHOAI MỠ				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây lấy củ (khoai mỡ)	Mô hình trồng cây khoai mỡ	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng cây khoai mỡ” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng hơn.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND - Đề xuất bổ sung nội dung: “Trồng bằng củ, mật độ 40.000 cây/ha” tại mục 2 và “Năng suất 15 – 20 tấn/ha” tại mục 3 của điểm a dựa trên quy trình kỹ thuật của Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	
6. MÔ HÌNH SẢN XUẤT THÂM CANH KHOAI MÌ				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình sản xuất thâm canh khoai mì	Mô hình cây lương thực (khoai mì)	Mô hình sản xuất thâm canh khoai mì	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình sản xuất thâm canh khoai mì” theo Quyết định số 29/2024-UBND do thể hiện rõ đối tượng cây trồng hơn
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: khoai mì	1. Đối tượng: khoai mì	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất thời gian thực
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Trồng thâm canh sử dụng giống sạch	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			bệnh có khả năng cho tinh bột cao	hiện: 10 tháng do phù hợp với “Mô hình sản xuất thâm canh sản an toàn dịch bệnh” tại Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN - Đề xuất bổ sung nội dung tại mục 2 và mục 3 dựa trên quy trình kỹ thuật của Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: năng suất đạt 20 – 35 tấn/ha	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 10 tháng	
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung thực hiện theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND để phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 10 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 10 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 10 tháng (≤ 10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
<i>c. Định mức máy móc, thiết bị</i>				
Không quy định	1. Máy cày (rạch hàng) 2. Máy rạch hàng cầm	Không quy định	1. Máy cày (rạch hàng) 2. Máy rạch hàng cầm	Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	tay (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)		tay (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	định số 29/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)				
Không quy định	1. Giống: 12.000 – 14.000 hom (Giống sạch bệnh, tinh lệ nảy mầm trên 95%) 2. Đạm nguyên chất (N): 140 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 50 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 180 kg 5. Thuốc xử lý hom giống: 2.000.000 đồng 6. Thuốc cỏ: 2.400.000 đồng 7. Thuốc BVTV: 4 kg/lít (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)	1. Giống: 12.000 hom 2. N: 92 kg 3. P ₂ O ₅ : 56 kg 4. K ₂ O: 120 kg 5. HCVS: 7 tấn 6. Thuốc BVTV: 7 kg/lít	1. Giống: 12.000 – 14.000 hom (Giống sạch bệnh, tinh lệ nảy mầm trên 95%) 2. Đạm nguyên chất (N): 140 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 50 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 180 kg 5. Thuốc xử lý hom giống: 2.000.000 đồng 6. Thuốc cỏ: 2.400.000 đồng 7. Thuốc BVTV: 4 kg/lít (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN. Thay thế nội dung: “Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng” thành: “ Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP,

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			<i>phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...).</i>	NPK...”
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biên mô hình để phù hợp với bố cục. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
7. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÂY KHOAI LANG				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình sản xuất cây khoai lang	Mô hình cây lương thực (khoai lang)	Mô hình sản xuất cây khoai lang	Đề xuất kế thừa “Mô hình sản xuất cây khoai lang” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do thể hiện rõ đối tượng cây trồng hơn.
<i>a. Yêu cầu chung</i>				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: khoai lang	1. Đối tượng: khoai lang	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung; “Trồng bằng hom, sử dụng giống sạch bệnh có khả năng cho tinh bột cao” tại mục 2 và “năng suất đạt 15 - 20 tấn/ha” tại mục 3 dựa trên tham khảo quy trình kỹ thuật trồng khoai lang từ thực tế.
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Trồng bằng hom, sử dụng giống sạch bệnh có khả năng cho tinh bột cao	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: năng suất đạt 15 - 20 tấn/ha	
		Thời gian triển khai: 04 tháng	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa một phần nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất quy mô “≤ 05 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (≤ 05 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
<i>c. Định mức máy móc, thiết bị</i>				
Không quy định	1. Máy làm đất 2. Máy lên luống 3. Máy thu hoạch (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	1. Máy làm đất 2. Máy lên luống 3. Máy thu hoạch (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
d. Định mức giống, vật tư (tính cho 01 ha)				
Không quy định	<p><i>MH nhân giống</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Hom giống: 2.500 kg (Từ cấp xác nhận trở lên) Đạm nguyên chất (N): 90 kg Lân nguyên chất (P₂O₅): 60 kg Kali nguyên chất (K₂O): 90 kg Phân hữu vi sinh: 700 kg Thuốc BVTV: 700.000đ Vôi bột: 500 kg <p><i>MH sản xuất</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Hom giống: 1.500 kg (Từ cấp xác nhận trở lên) Đạm nguyên chất (N): 90 kg Lân nguyên chất 	<ol style="list-style-type: none"> Giống: 1.500 kg dây N: 60 kg P₂O₅: 156 kg K₂O: 120 kg HCVS: 1,5 kg BL: 5 kg/lít Vôi: 500 kg BVTV: 2 kg/lít 	<p><i>MH nhân giống</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Hom giống: 2.500 kg (Từ cấp xác nhận trở lên) Đạm nguyên chất (N): 90 kg Lân nguyên chất (P₂O₅): 60 kg Kali nguyên chất (K₂O): 90 kg Phân hữu vi sinh: 700 kg Thuốc BVTV: 2 kg/lít Vôi bột: 500 kg <p><i>MH sản xuất</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Hom giống: 1.500 kg (Từ cấp xác nhận trở lên) Đạm nguyên chất (N): 90 kg Lân nguyên chất (P₂O₅): 60 kg 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN-KN. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát. - Thay thế nội dung: “Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng” thành: “Các loại phân đạm, lân, kali nguyên

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<p>(P₂O₅): 60 kg 4. Kali nguyên chất (K₂O): 100 kg 5. Phân hữu vi sinh: 1.000 kg 6. Thuốc BVTV: 700.000đ 7. Vôi bột: 500 kg</p> <p><i>(TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng)</i></p>		<p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 100 kg 5. Phân hữu vi sinh: 1.000 kg 6. Thuốc BVTV: 2 kg/lít 7. Vôi bột: 500 kg</p> <p><i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))</i></p>	<p>chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...”</p>
đ. Định mức triển khai				
Không quy định	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biển mô hình để phù hợp với bố cục. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	29/2024/QĐ-UBND
8. MÔ HÌNH TRỒNG RAU ĂN LÁ THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Mô hình trồng rau ăn lá theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Mô hình sản xuất rau ăn lá TGST 60-75 ngày (cải các loại, mùng tơi, rau dền, rau muống, xà lách,..) theo VietGAP	Mô hình trồng rau ăn lá, rau gia vị	Mô hình trồng rau ăn lá theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình trồng rau ăn lá theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có phạm vi áp dụng bao quát hơn và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
1. Đối tượng: rau ăn lá, rau ăn thân	Không quy định	Đối tượng: rau ăn lá, rau gia vị	1. Đối tượng: rau ăn lá, rau ăn thân	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do quy định chi tiết và cụ thể hơn.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Năng suất ≥ 16 tấn/ha/vụ		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Năng suất ≥ 16 tấn/ha/vụ	
4. Thời gian thực hiện: 03 tháng		Thời gian triển khai: 02 tháng	4. Thời gian thực hiện: 03 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 3ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái	Không có nội dung	Không quy định	1. Bẫy côn trùng: ≥ 10	Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
(Bẫy đèn, dín, bẫy khác) 2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.) 3. Nhà lưới: 01 cái			cái (Bẫy đèn, dín, bẫy khác) 2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.) 3. Nhà lưới: 01 cái	và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư (tính cho 1.000 m²)				
1. Giống (hạt) - Rau dền: 0,3 kg - Cải xanh ăn lá: 0,6 kg - Mồng tơi: 02 kg - Rau muống: 05 kg - Cải củ: 104.000 hạt 2. Đạm nguyên chất (N): 2,76 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 1,92 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 5,4 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 150 kg 6. Thuốc BVTV: 0,2 lít/kg	1. Giống - Dền: 1,5 kg - Cải xanh, cải ngọt: 0,6kg - Mùng tơi: 2,5 kg - Rau muống: 12 kg - Xà lách: 0,1 kg 2. Đạm nguyên chất (N): 3,5 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 2,5 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 4,5 kg 5. Phân hữu cơ sinh học:	1. Giống (hạt) - Rau dền: 0,3 kg - Cải xanh ăn lá: 0,6 kg - Mồng tơi: 03 kg - Rau muống: 10 kg - Xà lách: 0,2 kg 2. N: 4,6 – 7,3 kg 3. P ₂ O ₅ : 1,6 - 8 kg 4. K ₂ O: 1,8 – 7,2 kg 5. HCVS: 150 – 200 kg 6. CPSH: 1,5 – 2 kg/lít 7. Vôi: 50 – 200 kg 8. BVTV: 0,24 – 0,36 kg/lít	1. Giống (hạt) - Rau dền: 1,5 kg - Cải xanh các loại: 0,6 kg - Mồng tơi: 2,5 kg - Rau muống: 12 kg - Xà lách: 0,1 kg - Cải củ: 104.000 hạt 2. Đạm nguyên chất (N): 2,76 – 3,5 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 1,92 – 2,5 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 4,5 – 5,4 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 150 kg	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. - Đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))	1.500 kg 6. Phân bón lá: 50.000 đ 7. Thuốc BVTV: 50.000 đ 8. Vôi bột: 40 – 80 kg 9. Bẫy côn trùng: 10 cái (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)		6. Phân bón lá: 50.000 đ 7. Thuốc BVTV: 0,2 - 0,36 kg/lit 8. Vôi bột: 40 – 80 kg (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))	tiêu cực từ biến động lạm phát. - Riêng đối với cải củ, đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với điều kiện địa phương. - Đối với hạng mục Bẫy côn trùng do tại tiêu mục c) Định mức máy móc, thiết bị đã có đề cập đến nên đề xuất loại bỏ tại tiêu mục d) Định mức giống, vật tư.
đ. Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biến mô hình để phù hợp với bố cục.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN)</p> <p>- Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN)</p> <p>3. Biện mô hình: ≤10 cái</p>	<p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i></p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN</p> <p>- Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN</p> <p>4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i></p> <p>- Hội nghị tổng kết: 1 lần</p> <p>4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN)</p> <p>- Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN)</p> <p>3. Biện mô hình: ≤ 10 cái</p>	<p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND</p>
9. MÔ HÌNH TRỒNG RAU ĂN LÁ HỮU CƠ				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng rau ăn lá hữu cơ	Mô hình sản xuất rau ăn lá TGST 60-75 ngày (cải các loại, mùng toi, rau dền, rau muống, xà lách,..) theo hữu cơ	<p>- Mô hình rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ hoai mục.</p> <p>- Mô hình rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học.</p>	Mô hình trồng rau ăn lá hữu cơ	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình trồng rau ăn lá hữu cơ” theo theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do thể hiện bao quát và rõ đối tượng hơn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: rau ăn lá,	Không quy định	Đối tượng: rau ăn lá	1. Đối tượng: Rau ăn lá,	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
rau ăn thân			rau ăn thân	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất hữu cơ		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất hữu cơ	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ	
4. Thời gian thực hiện: 03 tháng		Thời gian triển khai: 02 tháng	4. Thời gian thực hiện: 03 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 3ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác)	Không có nội dung	Không quy định	1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác)	Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-
2. Máng, khay chứa giá				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.)</p> <p>3. Nhà lưới: 01 cái (- Nhà kín hoặc hở - Chiều cao nhà từ $\geq 2,5m$ - Trụ, khung bằng thép mạ kẽm, sắt, bê tông, gỗ, vật liệu cứng chắc khác - Mái che: lưới phân tán hạt mưa - Vách: lưới chặn côn trùng)</p>			<p>2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.)</p> <p>3. Nhà lưới: 01 cái (- Nhà kín hoặc hở - Chiều cao nhà từ $\geq 2,5m$ - Trụ, khung bằng thép mạ kẽm, sắt, bê tông, gỗ, vật liệu cứng chắc khác - Mái che: lưới phân tán hạt mưa - Vách: lưới chặn côn trùng)</p>	UBND.
d. Định mức giống, vật tư (tính cho 1.000 m²)				
<p>1. Giống (hạt) - Rau dền: 1,5 kg - Cải xanh ăn lá: 0,6 kg - Mồng tơi: 2,5 kg - Rau muống: 05 kg - Cải củ: 104.000 hạt</p> <p>2. Vật tư phân bón</p>	<p>I. Giống - Dền: 1,5 kg - Cải xanh, cải ngọt: 0,6 kg - Mồng tơi: 2,5 kg - Rau muống: 11 - 12 kg</p>	<p>1. Giống (hạt) - Rau dền: 1,5 kg - Cải xanh ăn lá: 0,6 kg - Mồng tơi: 2,5 kg - Rau muống: 5 kg - Xà lách: 0,2 kg</p>	<p>1. Giống - Rau dền: 1,5 kg - Cải xanh ăn lá: 0,6 kg - Mồng tơi: 2,5 kg - Rau muống: 12 kg - Xà lách: 0,1 kg - Cải củ: 104.000 hạt</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. - Đề xuất kế thừa nội</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ sinh học: 150 kg - Phân bón lá hữu cơ: 0,3 lít - Phân bón gốc hữu cơ: 25 kg - Lân nguyên chất (P_2O_5): 5,6 kg (<i>Sử dụng phân lân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)</i>) - Kali nguyên chất (K_2O): 1,8 kg (<i>Sử dụng Kali sulphate $K_2O \leq 30\%$)</i>) - Chất điều hòa pH đất: 70 kg (Vôi bột hoặc Dolomite) 3. Thuốc BVTV <ul style="list-style-type: none"> - Trichoderma: 3 kg - Chế phẩm sinh học BVTV: 0,3 kg/lít - Bẫy Ferromon: 2 chiếc - Xử lý phế phụ phẩm: 50.000 đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Xà lách: 0,1 kg II. Vật tư <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân hữu cơ sinh học: 150 kg 2. Phân bón lá hữu cơ: 0,5 lít 3. Phân bón gốc hữu cơ: 25 kg 4. Lân nguyên chất (P_2O_5): 6 kg (<i>Sử dụng phân lân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)</i>) 5. Kali nguyên chất (K_2O): 2 kg (<i>Sử dụng Kali sulphate $K_2O \leq 30\%$)</i>) 6. Chất điều hòa sinh trưởng: 70 kg (Vôi bột hoặc Dolomite) 7. Trichoderma: 3 kg 8. Chế phẩm sinh học BVTV: 0,3 kg/lít 	<ol style="list-style-type: none"> 2. Phân hữu cơ hoaï mục: 1.000 - 1.5000 kg 3. Phân hữu cơ vi sinh/hữu cơ sinh học: 200 - 300 kg 4. Phân bón lá hữu cơ: 0,5 kg/lít 5. Chế phẩm sinh học: 3 kg/lít. 6. Vôi: 50 – 100 kg 7. Thuốc BVTV sinh học: 0,4 kg/ lít 8. Bẫy côn trùng: 30 cái 	<ol style="list-style-type: none"> 2. Vật tư phân bón <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ sinh học: 150 kg - Phân bón lá hữu cơ: 0,5 lít - Phân bón gốc hữu cơ: 25 kg - Lân nguyên chất (P_2O_5): 6 kg (<i>Sử dụng phân lân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)</i>) - Kali nguyên chất (K_2O): 2 kg (<i>Sử dụng Kali sulphate $K_2O \leq 30\%$)</i>) - Chất điều hòa pH đất: 70 kg (Vôi bột hoặc Dolomite) 3. Thuốc BVTV <ul style="list-style-type: none"> - Trichoderma: 3 kg - Chế phẩm sinh học BVTV: 0,3 kg/lít 	<p>dung về định mức cải củ theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với điều kiện địa phương.</p> <p>-Đối với hạng mục Bẫy côn trùng do tại tiêu mục c) Định mức máy móc, thiết bị đã có đề cập đến nên đề xuất loại bỏ tại tiêu mục d) Định mức giống, vật tư.</p> <p>- Đề xuất bổ sung ghi chú với nội dung: “Định mức này có thể áp dụng cho các mô hình trồng rau ăn lá theo hướng hữu cơ” nhằm hỗ trợ người dân trong giai đoạn chuyển đổi từ sản xuất thường/ GAP sang giai đoạn hữu cơ.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
(TCCS) (<i>Định mức này có thể áp dụng cho các mô hình trồng rau ăn lá theo hướng hữu cơ</i>)	9. Bẫy côn trùng: 10 cái 10. Xử lý phế phụ phẩm: 50.000 đồng. (TCCS)		- Xử lý phế phụ phẩm: 50.000 đồng (TCCS)	
đ. Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biên mô hình để phù hợp với bố cục. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
10. MÔ HÌNH TRỒNG RAU ĂN LÁ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng rau ăn lá ứng dụng công nghệ cao	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng rau ăn lá ứng dụng công nghệ cao	Đề xuất kế thừa tên và toàn bộ nội dung ĐMKTKT của mô hình theo Quyết định số 64/2024-UBND.
11. MÔ HÌNH TRỒNG RAU GIA VỊ THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng rau ăn lá theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) – Rau gia vị	-Mô hình sản xuất rau ăn lá TGST 90 - 100 ngày (hành lá,...) theo VietGAP. -Mô hình sản xuất cây họ	Mô hình trồng rau ăn lá, rau gia vị	Mô hình trồng rau gia vị theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng rau gia vị theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện bao quát, cụ thể đối tượng cây trồng hơn và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: rau ăn lá, rau ăn thân	Không quy định	Đối tượng: rau ăn lá, rau gia vị	1. Đối tượng: rau gia vị	- Đề xuất kế thừa bố cục và một phần nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất theo		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất theo	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
quy trình GAP			quy trình GAP	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa nội dung đối tượng là rau gia vị theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND - Đề xuất thời gian thực hiện là 03 tháng theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Năng suất ≥ 16 tấn/ha/vụ		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.	
4. Thời gian thực hiện: 03 tháng		Thời gian triển khai: + Rau gia vị khác: 02 tháng + Hẹ: 04 tháng	4. Thời gian thực hiện: 03 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 4 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 3ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác)	Không có nội dung	Không quy định	1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác)	<ul style="list-style-type: none"> Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-
2. Máng, khay chứa giá				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.) 3. Nhà lưới: 01 cái			2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.) 3. Nhà lưới: 01 cái	UBND.
<i>d. Định mức giống, vật tư (tính cho 1.000 m²)</i>				
1. Giống (hạt): 0,07 kg 2. Đạm nguyên chất (N): 2,76 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 1,92 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 5,4 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 150 kg 6. Thuốc BVTV: 0,2 lít/kg (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP,	Hành lá 1. Giống: 450 – 470 kg 2. Đạm nguyên chất (N): 10 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 6 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 9 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 150 kg 6. Thuốc BVTV: 100.000đ 7. Vôi bột: 100 kg 8. Bẫy côn trùng: 10 cái Cây họ 1. Giống: 450 – 470 kg	1. Giống (hạt) - Húng các loại, lá é, tía tô, kinh giới, thì là, ngò rí): 0,3 - 1,5kg hạt - Hẹ, hành lá, hành củ: 250 - 500 kg củ 2. N: 4,6 - 11 kg 3. P ₂ O ₅ : 1,6 - 8 kg 4. K ₂ O: 1,8 - 7,2 kg 5. HCVS: 150 - 300 kg 6. CPSH: 1,5 - 3 kg/lít 7. Vôi: 50 - 200 kg 8. BVTV: 0,24 - 1,2 kg/lít	1. Giống (hạt) - Húng các loại, lá é, tía tô, kinh giới, thì là, ngò rí): 0,3 - 1,5kg hạt - Hẹ, hành lá, hành củ: 250 - 500 kg củ. - Rau gia vị khác: 0,07kg 2. N: 2,76 - 11 kg 3. P ₂ O ₅ : 1,6 - 8 kg 4. K ₂ O: 1,8 - 7,2 kg 5. HCVS: 150 - 300 kg 6. CPSH: 1,5 - 3 kg/lít 7. Phân hữu cơ sinh học: 150 kg (áp dụng cho các loại rau gia vị khác)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định 18/2022/QĐ-UBND do quy định cụ thể và chi tiết hơn. Đồng thời kế thừa nội dung của Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND nhằm đa dạng hóa chủng loại cây trồng, cụ thể như sau: + Đối với các loại rau gia vị không có tên trong Quyết định số 18 đề xuất áp dụng ĐMKTKT theo

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
NPK...)	2. Đạm nguyên chất (N): 14 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 16 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 7 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 150 kg 6. Thuốc BVTV: 100.000đ 7. Vôi bột: 100 kg 8. Bẫy côn trùng: 10 cái 9. Phân hữu cơ vi sinh: 200 kg 10. Thuốc xử lý đất: 2 kg 11. Thuốc trừ sâu: 0,3 kg/lít 12. Thuốc trừ bệnh: 0,3 kg/lít 13. Chế phẩm sinh học: 6 kg/lít (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ		8. Vôi: 50 - 200 kg 9. BVTV: 0,2 - 1,2 kg/lít (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))	Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<i>quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng)</i>			
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật) - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: ≤10 cái</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật) - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i></p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: +Rau gia vị khác: 1 lần +Hẹ: 2 lần - Thời gian: Không quy định <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần</p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật) - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: ≤ 10 cái</p>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
12. MÔ HÌNH TRỒNG RAU GIA VỊ HỮU CƠ				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng rau ăn lá	-Mô hình sản xuất rau ăn	- Mô hình rau hữu cơ sử	Mô hình trồng rau gia vị	Đề xuất sử dụng tên “Mô

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
hữu cơ (rau gia vị)	lá TGST 90 - 100 ngày (hành lá,...) theo VietGAP.	dụng phân hữu cơ hoai mục (Hành lá, hành củ, họ) - Mô hình rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học. (Hành lá, hành củ, họ)	hữu cơ	hình trồng rau gia vị hữu cơ” do thể hiện bao quát, cụ thể đối tượng cây trồng hơn và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: rau ăn lá, rau ăn thân	Không quy định	Đối tượng: Hành lá, hành củ, họ	1. Đối tượng: Rau gia vị	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất nội dung đối tượng là “Rau gia vị” nhằm thể hiện rõ loại cây trồng
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất hữu cơ		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất hữu cơ	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ	
4. Thời gian thực hiện: 03 tháng		Thời gian triển khai: + Hành lá: 02 tháng + Họ: 04 tháng	4. Thời gian thực hiện: 03 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Người dân đối ứng)</u>	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Người dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 3ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác) 2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.) 3. Nhà lưới: 01 cái (- Nhà kín hoặc hở - Chiều cao nhà từ $\geq 2,5m$ - Trụ, khung bằng thép mạ kẽm, sắt, bê tông, gỗ, vật liệu cứng chắc khác - Mái che: lưới phân tán hạt mưa - Vách: lưới chặn côn	Không có nội dung	Không quy định	1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác) 2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.) 3. Nhà lưới: 01 cái (- Nhà kín hoặc hở - Chiều cao nhà từ $\geq 2,5m$ - Trụ, khung bằng thép mạ kẽm, sắt, bê tông, gỗ, vật liệu cứng chắc khác - Mái che: lưới phân tán hạt mưa	Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
trùng)			- Vách: lưới chặn côn trùng)	
d. Định mức giống, vật tư (tính cho 1.000 m²)				
<p>1. Giống rau gia vị: 0,07 kg</p> <p>2. Vật tư phân bón</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ sinh học: 150 kg - Phân bón lá hữu cơ: 0,3 lít - Phân bón gốc hữu cơ: 25 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 5,6 kg (Sử dụng phân lân tự nhiên (Roc phosphate P₂O₅ ≥ 28% hoặc Apatit P₂O₅ ≥ 14%)) - Kali nguyên chất (K₂O): 1,8 kg (Sử dụng Kali sulphate K₂O ≤ 30%) - Chất điều hòa pH đất: 70 kg (Vôi bột hoặc Dolomite) 3. Thuốc BVTV 	<p>I. Giống: 450 – 470 kg</p> <p>II. Vật tư</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Phân hữu cơ sinh học: 150 kg 2. Phân bón lá hữu cơ: 0,3 lít 3. Phân bón gốc hữu cơ: 25 kg 4. Lân nguyên chất (P₂O₅): 5,6 kg (Sử dụng phân lân tự nhiên (Roc phosphate P₂O₅ ≥ 28% hoặc Apatit P₂O₅ ≥ 14%)) 5. Kali nguyên chất (K₂O): 7,5 kg (Sử dụng Kali sulphate K₂O ≤ 30%) 6. Chất điều hòa sinh trưởng: 30 kg (Vôi bột 	<p>1. Giống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành lá, hành củ: 250 kg củ - Hẹ: 500 kg củ <p>2. Phân hữu cơ hoai mục: 1.500 kg</p> <p>3. Phân hữu cơ vi sinh/hữu cơ sinh học: 300 kg</p> <p>4. Phân bón lá hữu cơ: 0,5 – 0,8 kg/lít</p> <p>5. Chế phẩm sinh học: 2,5 – 3 kg/lít.</p> <p>6. Vôi: 100 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV sinh học: 0,3 – 0,5 kg/ lít</p> <p>8. Bẫy côn trùng: 30 cái</p>	<p>1. Giống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại Rau gia vị khác: 0,07 kg hạt - Hành: 250 kg củ - Hẹ: 500 kg củ <p>2. Vật tư phân bón</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ sinh học: 150 kg - Phân bón lá hữu cơ: 0,3 lít - Phân bón gốc hữu cơ: 25 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 5,6 kg (Sử dụng phân lân tự nhiên (Roc phosphate P₂O₅ ≥ 28% hoặc Apatit P₂O₅ ≥ 14%)) - Kali nguyên chất (K₂O): 1,8 – 7,5 kg (Sử dụng Kali sulphate K₂O 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục, theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đối với hành, đề xuất kế thừa nội dung ĐMKTKT theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. - Đối với hẹ đề xuất số lượng giống là 500 kg củ theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. Các hạng mục vật tư khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do đây là loại rau có TGST 90 – 100 ngày - Đối với các loại rau gia vị khác đề xuất kế thừa

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<ul style="list-style-type: none"> - Trichoderma: 3 kg - Chế phẩm sinh học BVTV: 0,3 kg/lít - Bẫy Ferromon: 2 chiếc - Xử lý phế phụ phẩm: 50.000 đồng (TCCS) <p><i>(Định mức này có thể áp dụng cho các mô hình trồng rau gia vị theo hướng hữu cơ)</i></p>	<p>hoặc Dolomite)</p> <ul style="list-style-type: none"> 7. Trichoderma: 3 kg 8. Chế phẩm sinh học BVTV: 0,5 kg/lít 9. Bẫy côn trùng: 10 cái 10. Xử lý phế phụ phẩm: 50.000 đồng. (TCCS) 		<p>≤ 30%)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất điều hòa pH đất: 30 - 70 kg (Vôi bột hoặc Dolomite) 3. Thuốc BVTV - Trichoderma: 3 kg - Chế phẩm sinh học BVTV: 0,3 – 0,5 kg/lít - Xử lý phế phụ phẩm: 50.000 đồng (TCCS) <p><i>(Định mức này có thể áp dụng cho các mô hình trồng rau gia vị theo hướng hữu cơ)</i></p>	<p>nội dung ĐMKTKT theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hạng mục Bẫy côn trùng do tại tiêu mục c) Định mức máy móc, thiết bị đã có đề cập đến nên đề xuất loại bỏ tại tiêu mục d) Định mức giống, vật tư. - Đề xuất bổ sung ghi chú với nội dung: “Định mức này có thể áp dụng cho các mô hình trồng rau gia vị theo hướng hữu cơ” nhằm hỗ trợ người dân trong giai đoạn chuyển đổi từ sản xuất thường/ GAP sang giai đoạn hữu cơ.
đ. Định mức triển khai				
<ul style="list-style-type: none"> 1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy 	<ul style="list-style-type: none"> . Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>- Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật)</p> <p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN)</p> <p>- Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN)</p> <p>3. Biên mô hình: ≤10 cái</p>	<p>- Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật)</p> <p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i></p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN</p> <p>- Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN</p> <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>định</p> <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần</p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i></p> <p>- Hội nghị tổng kết: 1 lần</p> <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>- Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật)</p> <p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN)</p> <p>- Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN)</p> <p>3. Biên mô hình: ≤10 cái</p>	<p>bổ sung mục biên mô hình để phù hợp với bố cục.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND</p>
13. MÔ HÌNH TRỒNG CẢI BÓ XÔI (RAU CHÂN VỊT) THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng rau ăn lá, rau gia vị (cải bó xôi (rau chân vịt))	Mô hình trồng cải bó xôi (rau chân vịt) theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng cải bó xôi (rau chân vịt) theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm thể hiện cụ

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				thể đối tượng cây trồng và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn chất lượng
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “<i>sản xuất theo quy trình GAP</i>” và Yêu cầu về kỹ thuật: “<i>sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i>” dựa trên tham khảo về yêu cầu của mô hình trồng rau ăn lá GAP
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	
14. MÔ HÌNH TRỒNG CẢI BÓ XÔI (RAU CHÂN VỊT) HỮU CƠ				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	- Mô hình rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ hoai mục. - Mô hình rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học.	Mô hình trồng cải bó xôi (rau chân vịt) hữu cơ	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng cải bó xôi (rau chân vịt) hữu cơ”, theo đó gom 2 mô hình rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ hoai mục và rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học trên đối tượng cải bó xôi thành 01 mô hình để thể hiện rõ Mô hình trồng cải bó xôi hữu cơ nhưng nội dung vẫn thể hiện đầy đủ các hạng mục hỗ trợ.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “sản xuất hữu cơ” và Yêu cầu về kỹ thuật: “sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ” dựa trên tham khảo về yêu cầu của mô hình trồng rau ăn lá hữu cơ.</p> <p>- Đề xuất bổ sung ghi chú với nội dung: “Định mức này có thể áp dụng cho mô hình trồng cải bó xôi theo hướng hữu cơ” nhằm hỗ trợ người dân trong giai đoạn chuyển đổi từ sản xuất thường/ GAP sang giai đoạn hữu cơ.</p>
15. MÔ HÌNH TRỒNG SÚP LỢ, SU HÀO, BẮP CẢI THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng rau ăn lá, rau gia vị (súp lơ, su hào, bắp cải)	Mô hình trồng súp lơ, su hào, bắp cải theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng súp lơ, su hào, bắp cải theo quy trình thực hành sản xuất

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn chất lượng
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung định mức giống vật tư theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Đối với những nội dung khác mà Quyết định số 18 không đề cập đến đề xuất căn cứ vào mô hình “Sản xuất rau ăn lá TGST 90 – 100 ngày bắp cải, súp lơ, cải thảo,...) theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. - Tại điểm a. Yêu cầu
			b. Định mức lao động	
			c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
			đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “ <i>sản xuất theo quy trình GAP</i> ” và Yêu cầu về kỹ thuật: “ <i>sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i> ” dựa trên tham khảo về yêu cầu của mô hình trồng rau ăn lá GAP
16. MÔ HÌNH TRỒNG SÚP LỢ, SU HÀO, BẮP CẢI HỮU CƠ				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ hoai mục. - Mô hình rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học. 	Mô hình trồng súp lơ, su hào, bắp cải hữu cơ	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng súp lơ, su hào, bắp cải hữu cơ”, theo đó gom 2 mô hình rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ hoai mục và rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học trên đối tượng súp lơ, su hào, bắp cải thành 01 mô hình để thể hiện rõ Mô hình trồng súp lơ, su hào, bắp cải

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				hữu cơ nhưng nội dung vẫn thể hiện đầy đủ các hạng mục hỗ trợ.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung định mức giống vật tư theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Đối với những nội dung khác mà Quyết định số 18 không đề cập đến đề xuất căn cứ vào mô hình “Sản xuất rau ăn lá TGST 90 – 100 ngày bấp cải, súp lơ, cải thảo,...) theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “sản
			b. Định mức lao động	
			c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
			đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>xuất hữu cơ” và Yêu cầu về kỹ thuật: “sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ” dựa trên tham khảo về yêu cầu của mô hình trồng rau ăn lá hữu cơ.</p> <p>- Đề xuất bổ sung ghi chú với nội dung: “Định mức này có thể áp dụng cho mô hình súp lơ, su hào, bắp cải theo hướng hữu cơ” nhằm hỗ trợ người dân trong giai đoạn chuyển đổi từ sản xuất thường/ GAP sang giai đoạn hữu cơ.</p>
17. MÔ HÌNH TRỒNG MĂNG TÂY THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng rau ăn lá theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) (măng tây)	Không quy định	Mô hình trồng rau ăn lá, rau gia vị (măng tây)	Mô hình trồng măng tây theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng măng tây theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: rau ăn lá, rau ăn thân	Không quy định	Đối tượng: măng tây	1. Đối tượng: măng tây	- Đề xuất kế thừa bố cục và một phần nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa thời gian triển khai thực hiện theo Quyết định 18/2022/QĐ-UBND dựa trên tham khảo định mức lao động của mô hình trồng măng tây theo hướng hữu cơ của Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Năng suất ≥ 16 tấn/ha/vụ		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.	
4. Thời gian thực hiện: 03 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	Không quy định	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và một phần nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng		2. Cán bộ chỉ đạo: 01	2. Cán bộ chỉ đạo,	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)		người - Quy mô: 2 ha	hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác) 2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.) 3. Nhà lưới: 01 cái	Không có nội dung	Không quy định	1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác) 2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.) 3. Nhà lưới: 01 cái	Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
d. Định mức giống, vật tư (tính cho 1.000 m²)				
1. Giống: 2.835 cây 2. Đạm nguyên chất (N): 2,76 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 1,92 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 5,4 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 150 kg	Không quy định	<u>Giai đoạn trồng mới:</u> 1. Giống: 2.200 hạt/hom 2. N: 34,5 kg 3. P ₂ O ₅ : 28,8 kg 4. K ₂ O: 30 kg 5. HCSH: 400 kg 6. HCVS: 150 kg 7. CPSH: 1 kg/lít <u>Giai đoạn thâm canh:</u>	<u>Giai đoạn trồng mới:</u> 1. Giống: 2.200 hạt/hom 2. Đạm nguyên chất (N): 34,5 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 28,8 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 30 kg 5. Phân hữu cơ sinh	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do quy định giai đoạn chi tiết và cụ thể hơn. - Bổ sung nội dung “Các

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
6. Thuốc BVTV: 0,2 lít/kg (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))		<ol style="list-style-type: none"> 1. N: 34,5 kg 2. P₂O₅: 28,8 kg 3. K₂O: 30 kg 4. HCSH: 200 kg 5. HCVS: 75 kg 6. CPSH: 1 kg/lít 	<p>học: 400 kg</p> <ol style="list-style-type: none"> 6. Phân hữu cơ vi sinh: 150 kg 7. Chế phẩm sinh học: 1 kg/lít <p><u>Giai đoạn thâm canh:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đạm nguyên chất (N): 34,5 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 28,8 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 30 kg 4. Phân hữu cơ sinh học : 200 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 75 kg 6. Chế phẩm sinh học: 1 kg/lít <p>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân</p>	loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...”

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			<i>super, Kali Clorua, DAP, NPK...</i>)	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biễn mô hình: ≤10 cái	Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biễn mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biễn mô hình: ≤ 10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
18. MÔ HÌNH TRỒNG MĂNG TÂY THEO HƯỚNG HỮU CƠ				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng rau ăn lá hữu cơ (măng tây)	Mô hình trồng măng tây theo hướng hữu cơ	Không quy định	Mô hình trồng măng tây theo hướng hữu cơ	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình trồng măng tây theo hướng hữu cơ” theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				29/2024/QĐ-UBND nhằm thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: rau ăn lá, rau ăn thân	Không quy định	Không quy định	1. Đối tượng: măng tây	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất thời gian thực hiện là 09 tháng do phù hợp với quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất hữu cơ			2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất hữu cơ	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ.			3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.	
4. Thời gian thực hiện: 03 tháng			4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và một phần nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính		2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	3ha/vụ/người			
c. Định mức máy móc, thiết bị				
<p>1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác)</p> <p>2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.)</p> <p>3. Nhà lưới: 01 cái (- Nhà kín hoặc hở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao nhà từ $\geq 2,5m$ - Trụ, khung bằng thép mạ kẽm, sắt, bê tông, gỗ, vật liệu cứng chắc khác - Mái che: lưới phân tán hạt mưa - Vách: lưới chặn côn trùng) 	<p>1. Máy làm đất</p> <p>2. Máy lên luống (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)</p>	Không quy định	<p>1. Máy làm đất</p> <p>2. Máy lên luống (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)</p>	Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư (tính cho 1.000 m²)				
<p>1. Giống: 2.835 cây/ hạt</p> <p>2. Vật tư phân bón</p> <p>- Phân hữu cơ sinh học:</p>	<p><u>Năm thứ nhất</u></p> <p>1. Hạt giống: 1.850 hạt</p> <p>- Hạt giống trồng dặm:</p>	Không quy định	<p><u>Năm thứ nhất</u></p> <p>1. Giống: 1.850 hạt</p> <p>- Giống trồng dặm: 350</p>	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>150 kg</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân bón lá hữu cơ: 0,3 lít - Phân bón gốc hữu cơ: 25 kg - Lân nguyên chất (P_2O_5): 5,6 kg (<i>Sử dụng phân lân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)</i>) - Kali nguyên chất (K_2O): 1,8 kg (<i>Sử dụng Kali sulphate $K_2O \leq 30\%$</i>) - Chất điều hòa pH đất: 70 kg (Vôi bột hoặc Dolomite) 3. Thuốc BVTV <ul style="list-style-type: none"> - Trichoderma: 3 kg - Chế phẩm sinh học BVTV: 0,3 kg/lít - Bẫy Ferromon: 2 chiếc - Xử lý phế phụ phẩm: 50.000 đồng <p>(TCCS, Định mức này</p>	<p>350 hạt</p> <ul style="list-style-type: none"> 2. Vật tư làm giàn <ul style="list-style-type: none"> - Cọc: 120 cây (cao 1,5m) - Sợi dây cước PE: 16 kg - Dây buộc (cước PE): 3 kg 3. Đạm nguyên chất (N): 34,5 kg 4. Lân nguyên chất (P_2O_5): 28,8 kg 5. Kali nguyên chất (K_2O): 30 kg 6. Phân hữu cơ sinh học: 400 kg 7. Phân hữu cơ vi sinh: 150 kg 8. Chế phẩm BVTV sinh học: 1 kg <p><u>Năm thứ hai</u></p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Đạm nguyên chất (N): 34,5 kg 2. Lân nguyên chất 		<p>hạt</p> <ul style="list-style-type: none"> 2. Vật tư làm giàn <ul style="list-style-type: none"> - Cọc: 120 cây (cao 1,5m) - Sợi dây cước PE: 16 kg - Dây buộc (cước PE): 3 kg 3. Đạm nguyên chất (N): 34,5 kg 4. Lân nguyên chất (P_2O_5): 28,8 kg 5. Kali nguyên chất (K_2O): 30 kg 6. Phân hữu cơ sinh học: 400 kg 7. Phân hữu cơ vi sinh: 150 kg 8. Chế phẩm BVTV sinh học: 1 kg <p><u>Từ năm thứ hai trở đi</u></p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Đạm nguyên chất (N): 34,5 kg 2. Lân nguyên chất (P_2O_5): 28,8 kg 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. - Thay thế nội dung: “<i>Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng</i>” thành “<i>Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...</i>”

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>có thể áp dụng cho mô hình trồng măng tây theo hướng hữu cơ)</i>	(P ₂ O ₅): 28,8 kg 3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 30 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 200 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 75 kg 6. Chế phẩm BVTV sinh học: 1 kg <i>(TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng Phân hữu cơ sinh học/ vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó.)</i>		3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 30 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 200 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 75 kg 6. Chế phẩm BVTV sinh học: 1 kg <i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...) Phân hữu cơ sinh học/ vi sinh khi thay thế sang phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó.)</i>	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô	1. Tập huấn xây dựng	Không quy định	1. Tập huấn xây dựng	- Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật) - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: ≤10 cái</p>	<p>mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật) - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i></p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>		<p>mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật) - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: ≤ 10 cái</p>	và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
19. MÔ HÌNH TRỒNG RAU MẦM				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng rau mầm	Mô hình trồng rau mầm	Đề xuất kế thừa tên: “Mô hình trồng rau mầm” theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
Các nội dung theo ĐMKT KT				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.</p> <p>- Tại mục a</p> <p>+ Đối với yêu cầu về Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng đề xuất bổ sung nội dung: “Trồng trong khay xốp hoặc nhựa, sử dụng giá thể chuyên dùng hoặc giá thể tự tạo được xử lý đúng quy trình. Mô hình áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn ATTP”.</p> <p>+ Đối với Yêu cầu về kỹ thuật bổ sung nội dung: “Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn”.</p> <p>(Dựa trên sự tham khảo mô hình/điểm trình diễn</p>
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				trồng rau mầm tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.)
20. MÔ HÌNH TRỒNG RAU ĂN QUẢ THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng rau ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Mô hình sản xuất rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, khổ qua, đậu quả, bí xanh, đậu cô ve,..) theo VietGAP	Mô hình rau ăn quả	Mô hình trồng rau ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng rau ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có phạm vi áp dụng bao quát hơn và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: rau ăn quả	Không quy định	Đối tượng: bầu, bí xanh, bí đỏ, dưa leo, khổ qua, mướp, ớt, cà chua, cà tím cà pháo, dưa hấu, đậu bắp, đậu cove, đậu đũa	1. Đối tượng: rau ăn quả	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa một

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất theo quy trình GAP	phần nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Năng suất ≥ 35 tấn/ha/vụ		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Năng suất ≥ 35 tấn/ha/vụ	
4. Thời gian thực hiện: - Đối với khổ qua, dưa leo, dưa hấu: 04 tháng - Đối với bầu, bí, mướp, cà chua, đậu, ớt: 05 tháng		Thời gian triển khai: 02 tháng - Bầu, bí xanh, bí đỏ, cà chua, cà tím, dưa hấu: 05 tháng - Dưa leo, khổ qua, mướp, đậu bắp, đậu cove: 04 tháng - Ớt: 06 tháng	4. Thời gian thực hiện: - Đối với khổ qua, dưa leo, dưa hấu: 04 tháng - Đối với bầu, bí, mướp, cà chua, đậu, ớt, cà tím, cà pháo: 05 tháng	
<i>b. Định mức lao động</i>				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 - 05 tháng (1 - 2 cán bộ -	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng (Trung cấp trở lên,	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 - 05 tháng (1 - 2 cán bộ -	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 3ha/vụ/người		Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác) 2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.) 3. Nhà lưới: 01 cái (- Nhà kín hoặc hở - Chiều cao nhà $\geq 2,5$ m - Trụ, khung bằng thép mạ kẽm, sắt, bê tông, gỗ, vật liệu cứng chắc khác - Mái che: lưới phân tán hạt mưa - Vách: lưới chặn côn trùng)	Máy làm đất (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác) 2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.) 3. Nhà lưới: 01 cái (- Nhà kín hoặc hở - Chiều cao nhà $\geq 2,5$ m - Trụ, khung bằng thép mạ kẽm, sắt, bê tông, gỗ, vật liệu cứng chắc khác - Mái che: lưới phân tán hạt mưa - Vách: lưới chặn côn trùng) 4. Máy làm đất (Phù hợp với quy trình kỹ	- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và 29/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			thuật, quy mô dự án)	
<i>d. Định mức giống, vật tư</i>				
<p>1. Giống (hạt)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà chua: 0,03 kg - Ớt: 0,04 kg - Bí xanh (bí đao): 0,05 kg - Bí đỏ ăn non: 0,11 kg - Dưa hấu: 0,06 kg - Bầu: 0,06 kg - Mướp hương: 0,07 kg - Dưa leo: 0,11 kg - Khổ qua: 0,25 kg - Mướp khía: 0,3 kg - Đậu cove: 04 kg - Đậu bắp: 04 kg <p>2. Đạm nguyên chất (N):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà chua, dưa hấu, dưa leo, khổ qua: 12 kg - Ớt, bí xanh, bầu, mướp hương, mướp khía: 14 kg - Bí đỏ ăn non: 18 kg - Đậu cove: 09 kg - Đậu bắp: 13 kg 	<p>1. Giống (hạt)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà chua: 0,025 kg - Ớt: 0,03 kg - Bí xanh: 0,1 kg - Dưa chuột: 0,07 kg - Khổ qua: 0,25 kg - Đậu quả: 4,5 kg - Đậu cô ve: 2kg - Cà tím: 0,04 kg <p>2. Đạm nguyên chất (N): 12 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 9 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 12 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 200 kg</p> <p>6. Phân bón lá: 100.000 đ</p>	<p>1. Giống (hạt)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bầu, bí xanh: 0,11 kg - Bí đỏ: 0,08 kg - Dưa leo: 0,07 kg - Khổ qua: 0,25 kg - Mướp: 0,12 kg - Ớt: 0,02 kg - Cà chua: 0,02 kg - Cà tím, cà pháo: 0,04 kg - Dưa hấu: 0,03 kg - Đậu bắp: 1,8 kg - Đậu cove, đậu đũa: 2 kg <p>2. N</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bầu, bí đỏ, đậu đũa, đậu cove: 12 kg - Bí xanh: 18,4 - Dưa leo, khổ qua: 9,2 kg - Mướp: 13 kg - Ớt: 12,2 kg - Cà chua: 17,8 kg - Cà tím, cà pháo: 13,8 kg 	<p>1. Giống (hạt)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà chua: 0,03 kg - Ớt: 0,04 kg - Bí xanh (bí đao): 0,05 kg - Bí đỏ ăn non: 0,11 kg - Dưa hấu: 0,06 kg - Bầu: 0,06 kg - Mướp hương: 0,07 kg - Dưa leo: 0,11 kg - Khổ qua: 0,25 kg - Mướp khía: 0,3 kg - Đậu cove: 04 kg - Đậu bắp: 04 kg - Đậu quả: 4,5 kg - Cà tím, cà pháo: 0,04 kg - Bí đỏ: 0,08 kg - Đậu đũa: 2 kg <p>2. Đạm nguyên chất (N):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà chua, dưa hấu, dưa leo, khổ qua: 12 kg - Ớt, bí xanh, bầu, mướp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do quy định chi tiết và bao quát hơn. Đồng thời, bổ sung thêm đối tượng vào mô hình gồm: đậu quả, cà tím, cà pháo, bí đỏ, đậu đũa để đa dạng hóa chủng loại cây trồng. - Đối với cây đậu quả đề xuất kế thừa định mức về giống; phân đạm, lân, kali của Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. Các hạng mục vật tư khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>3. Lân nguyên chất (P_2O_5):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà chua: 10 kg - Ớt: 05 kg - Bí xanh, bầu, mướp hương, mướp khía: 6,4 kg - Bí đỏ ăn non: 21 kg - Dưa hấu: 12 kg - Dưa leo, khổ qua: 09 kg - Đậu cove: 06 kg - Đậu bắp: 14 kg <p>4. Kali nguyên chất (K_2O):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà chua, dưa hấu: 18 kg - Ớt: 24 kg - Bí xanh, bầu, mướp hương, mướp khía: 21 kg - Bí đỏ ăn non: 21 kg - Đậu cove, dưa leo, khổ qua: 12 kg - Đậu bắp: 16 kg <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 250 kg</p>	<p>7. Thuốc BVTV: 100.000đ</p> <p>8. Vật rẻ tiền, mau hỏng phục vụ sản xuất (<i>Theo quy trình kỹ thuật</i>)</p> <p>9. Vôi bột: 40 – 80 kg</p> <p>10. Bẫy côn trùng: 10 cái</p> <p><i>(TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dưa hấu, đậu bắp: 11,5 kg <p>3. P_2O_5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bầu: 7,6 kg - Bí xanh, bí đỏ: 12,8 kg - Dưa leo, khổ qua: 5,5 kg - Mướp: 8 kg - Ớt: 12 kg - Cà chua: 10,4 kg - Cà pháo, cà tím: 7,2 kg - Dưa hấu: 12 kg - Đậu bắp: 5,2 kg - Đậu đũa, đậu cove: 8 kg <p>4. K_2O:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bầu: 10,5 kg - Bí xanh: 18,2 kg - Bí đỏ: 12,2 kg - Dưa leo, khổ qua: 7,2 kg - Mướp: 8,5 kg - Ớt: 17 kg - Cà chua: 20 kg - Cà tím, cà pháo: 17,5 kg - Dưa hấu: 18 kg 	<ul style="list-style-type: none"> hương, mướp khía: 14 kg - Bí đỏ ăn non: 18 kg - Đậu cove: 09 kg - Đậu bắp: 13 kg - Đậu quả, đậu đũa, bí đỏ: 12 kg - Cà tím, cà pháo: 13,8 kg <p>3. Lân nguyên chất (P_2O_5):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cà chua: 10 kg - Ớt: 05 kg - Bí xanh, bầu, mướp hương, mướp khía: 6,4 kg - Bí đỏ ăn non: 21 kg - Dưa hấu: 12 kg - Dưa leo, khổ qua: 09 kg - Đậu cove: 06 kg - Đậu bắp: 14 kg - Đậu quả: 12 kg - Cà tím, cà pháo: 7,2 kg - Bí đỏ: 12,8 kg - Đậu đũa: 8 kg 	<p>- Đối với cây cà tím, cà pháo, bí đỏ, đậu đũa đề xuất kế thừa định mức về giống; phân đạm, lân, kali của Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. Các hạng mục vật tư khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
6. Thuốc BVTV: 0,2 lít/kg (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))		<ul style="list-style-type: none"> - Đậu bắp: 10 - Đậu đũa, đậu cove: 15 kg 5. HCVS: <ul style="list-style-type: none"> - Bàu, bí xanh, mướp, cà chua, cà tím, cà pháo, đậu bắp, đậu cove, đậu đũa: 200 kg - Khổ qua: 250 kg - Bí đỏ, ớt, dưa hấu: 300 kg 6. CPSH <ul style="list-style-type: none"> - Bàu, bí xanh, mướp, cà chua, cà tím, cà pháo, đậu bắp, đậu cove, đậu đũa: 2 kg/lít - Khổ qua: 2,5 kg/lít - Bí đỏ, ớt: 3 kg/lít 7. DD <ul style="list-style-type: none"> - Dưa hấu: 0,1 kg 8. Vôi: 50 kg 9. BVTV 	<ul style="list-style-type: none"> 4. Kali nguyên chất (K₂O): <ul style="list-style-type: none"> - Cà chua, dưa hấu: 18 kg - Ớt: 24 kg - Bí xanh, bàu, mướp hương, mướp khía: 21 kg - Bí đỏ ăn non: 21 kg - Đậu cove, dưa leo, khổ qua, đậu quả: 12 kg - Đậu bắp: 16 kg - Cà tím, cà pháo: 17,5 kg - Bí đỏ: 12,2 kg - Đậu đũa: 15 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 250 kg 6. Thuốc BVTV: 0,2 lít/kg (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc 	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		<ul style="list-style-type: none"> - Dưa hấu: 0,45 kg/lít - Các loại rau ăn quả khác: 0,48 kg/lít 10. Màng phủ - Bầu, bí xanh, mướp, dưa hấu: 1 cuộn - Khổ qua, đậu cove, đậu đũa: 1,5 cuộn - Ớt, cà chua, cà tím, cà pháo: 2 cuộn 10. Bẫy dính: 0,4 cuộn 	<i>phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)</i>	
đ. Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 2 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
(1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	(1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	
21. MÔ HÌNH TRỒNG RAU ĂN QUẢ HỮU CƠ				
Tên mô hình				
Mô hình trồng rau ăn quả hữu cơ	Mô hình sản xuất rau ăn quả (cà chua, dưa chuột, khổ qua, đậu quả, bí xanh, đậu cô ve,..) theo hữu cơ	- Mô hình hữu cơ sử dụng phân hữu cơ hoai mục (nhóm rau ăn quả) - Mô hình rau hữu cơ sử dụng phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học (Nhóm rau ăn quả)	Mô hình trồng rau ăn quả hữu cơ	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng rau ăn quả hữu cơ” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có phạm vi áp dụng bao quát hơn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: rau ăn quả	Không quy định	Đối tượng: bầu, bí xanh, bí đỏ, dưa leo, khổ qua, mướp, ớt, cà chua, cà tím cà pháo, dưa hấu, đậu bắp, đậu cove, đậu đũa	1. Đối tượng: rau ăn quả	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất hữu		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất hữu	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
cơ			cơ	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ	
4. Thời gian thực hiện: 05 tháng		Thời gian triển khai: 02 tháng - Bầu, bí xanh, bí đỏ, cà chua, cà tím, dưa hấu: 05 tháng - Dưa leo, khổ qua, mướp, đậu bắp, đậu cove: 04 tháng - Ót: 06 tháng	4. Thời gian thực hiện: 05 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 3ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 - 05 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
c. Định mức máy móc, thiết bị				
<p>1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác)</p> <p>2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.)</p> <p>3. Nhà lưới: 01 cái (- Nhà kín hoặc hở - Chiều cao nhà $\geq 2,5$ m - Trụ, khung bằng thép mạ kẽm, sắt, bê tông, gỗ, vật liệu cứng chắc khác - Mái che: lưới phân tán hạt mưa - Vách: lưới chặn côn trùng)</p>	Máy làm đất (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	<p>1. Bẫy côn trùng: ≥ 10 cái (Bẫy đèn, dính, bẫy khác)</p> <p>2. Máng, khay chứa giá thể rộng 1,2 - 1,6 m: 500 – 600 m (Nhựa, vật liệu tương đương.)</p> <p>3. Nhà lưới: 01 cái (- Nhà kín hoặc hở - Chiều cao nhà $\geq 2,5$ m - Trụ, khung bằng thép mạ kẽm, sắt, bê tông, gỗ, vật liệu cứng chắc khác - Mái che: lưới phân tán hạt mưa - Vách: lưới chặn côn trùng)</p> <p>4. Máy làm đất (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)</p>	- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và 29/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
1. Giống (hạt)	1. Giống (hạt)	1. Giống (hạt)	1. Giống (hạt)	- Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<ul style="list-style-type: none"> - Cà chua: 0,03 kg - Ớt: 0,04 kg - Bí xanh (bí đao): 0,05 kg - Bí đỏ ăn non: 0,11 kg - Dưa hấu: 0,06 kg - Bàu: 0,06 kg - Mướp hương: 0,07 kg - Dưa leo: 0,11 kg - Khổ qua: 0,25 kg - Mướp khía: 0,3 kg - Đậu cove: 04 kg - Đậu bắp: 04 kg <p>2. Vật tư phân bón</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ sinh học: 200 kg - Phân bón lá hữu cơ: 0,5 lít - Phân bón gốc hữu cơ: 40 kg - Lân nguyên chất (P_2O_5): 7,8 kg (Sử dụng phân lân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)) 	<ul style="list-style-type: none"> - Cà chua: 0,025 kg - Ớt: 0,03 kg - Bí xanh: 0,1 kg - Dưa chuột: 0,07 kg - Khổ qua: 0,25 kg - Đậu quả: 4,5 kg - Đậu cô ve: 2 kg - Cà tím: 0,04 kg <p>II. Vật tư</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân hữu cơ sinh học: 200 kg 2. Phân bón lá hữu cơ: 0,5 lít 3. Phân bón gốc hữu cơ: 40 kg 4. Lân nguyên chất (P_2O_5): 7,8 kg (Sử dụng phân lân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)) 5. Kali nguyên chất (K_2O): 12 kg (Sử dụng Kali sulphate $K_2O \leq$ 	<ul style="list-style-type: none"> - Bí xanh, dưa leo: 0,1 kg - Bí đỏ, dưa hấu: 0,08 kg - Khổ qua: 0,25 kg - Mướp, bầu: 0,12 kg - Ớt, cà tím, cà pháo: 0,04 kg - Cà chua: 0,02 kg - Đậu cove, đậu đũa: 4,5 kg <ol style="list-style-type: none"> 2. Phân hữu cơ hoai mục: 1.500 – 2.000 kg 3. Phân hữu cơ vi sinh/hữu cơ sinh học: 400 - 500 kg 4. Phân bón lá hữu cơ: 0,5 kg/lít 5. Chế phẩm sinh học: 3 kg/lít. 6. Vôi: 100 kg 7. Thuốc BVTV sinh học: 0,8 kg/ lít 8. Bẫy côn trùng: 3 cái 	<ul style="list-style-type: none"> - Cà chua: 0,03 kg - Ớt: 0,04 kg - Bí xanh (bí đao): 0,05 kg - Bí đỏ ăn non: 0,11 kg - Bí đỏ: 0,08 kg - Dưa hấu: 0,06 kg - Bàu: 0,06 kg - Mướp hương: 0,07 kg - Mướp khía: 0,3 kg - Dưa leo: 0,11 kg - Khổ qua: 0,25 kg - Đậu cove: 04 kg - Đậu bắp: 04 kg - Đậu quả: 4,5 kg - Đậu đũa: 4,5 kg - Cà tím, cà pháo: 0,04 kg <p>2. Vật tư phân bón</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ sinh học: 200 kg - Phân bón lá hữu cơ: 0,5 lít - Phân bón gốc hữu cơ: 40 kg - Lân nguyên chất 	<p>theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định chi tiết và bao quát hơn. Đồng thời, bổ sung thêm đối tượng vào mô hình gồm: đậu quả, cà tím, cà pháo, bí đỏ, đậu đũa để đa dạng hóa chủng loại cây trồng. + Đối với cây đậu quả đề xuất kế thừa định mức về giống của Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. Các hạng mục vật tư khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. + Đối với cây cà tím, cà pháo, bí đỏ, đậu đũa đề xuất kế thừa định mức về

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>- Kali nguyên chất (K_2O): 12 kg (<i>Sử dụng Kali sulphate $K_2O \leq 30\%$</i>)</p> <p>- Chất điều hòa pH đất: 70 kg (Vôi bột hoặc Dolomite)</p> <p>3. Thuốc BVTV</p> <p>- Trichoderma: 3 kg</p> <p>- Chế phẩm sinh học BVTV: 0,8 kg/lít</p> <p>- Bẫy Ferromon: 2 chiếc</p> <p>- Xử lý phế phụ phẩm: 200.000 đồng (TCCS)</p> <p><i>(Định mức này có thể áp dụng cho các mô hình trồng rau ăn quả theo hướng hữu cơ)</i></p>	<p>30%)</p> <p>6. Chất điều hòa sinh trưởng: 70 kg (Vôi bột hoặc Dolomite)</p> <p>7. Trichoderma: 3 kg</p> <p>8. Chế phẩm sinh học BVTV: 0,8 kg/lít</p> <p>9. Bẫy côn trùng: 10 cái</p> <p>10. Xử lý phế phụ phẩm: 200.000 đồng. (TCCS)</p>		<p>(P_2O_5): 7,8 kg (<i>Sử dụng phân lân tự nhiên (Roc phosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)</i>)</p> <p>- Kali nguyên chất (K_2O): 12 kg (<i>Sử dụng Kali sulphate $K_2O \leq 30\%$</i>)</p> <p>- Chất điều hòa pH đất: 70 kg (Vôi bột hoặc Dolomite)</p> <p>3. Thuốc BVTV</p> <p>- Trichoderma: 3 kg</p> <p>- Chế phẩm sinh học BVTV: 0,8 kg/lít</p> <p>- Bẫy Ferromon: 2 chiếc</p> <p>- Xử lý phế phụ phẩm: 200.000 đồng (TCCS)</p> <p><i>(Định mức này có thể áp dụng cho các mô hình trồng rau ăn quả theo hướng hữu cơ)</i></p>	<p>giống của Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. Các hạng mục vật tư khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đối với hạng mục Bẫy Ferromon do tại tiêu mục c) Định mức máy móc, thiết bị đã có đề cập đến nên đề xuất loại bỏ tại tiêu mục d) Định mức giống, vật tư.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 2 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
22. MÔ HÌNH TRỒNG RAU ĂN QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng rau ăn lá ứng dụng công nghệ cao	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng rau ăn lá ứng dụng công nghệ cao	Đề xuất kế thừa tên và <u>toàn bộ nội dung ĐMKTKT của mô hình</u>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				theo Quyết định số 64/2024-UBND.
23. MÔ HÌNH TRỒNG ỚT ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng ớt ứng dụng công nghệ cao	Mô hình đề xuất mới
Các nội dung theo ĐMKT KT				
				<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ kết quả các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng tại Trung tâm tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao - Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao. - Mô hình đã được chuyển giao tại HTX Nông nghiệp hữu cơ - Dịch vụ - Thương mại Trường Thịnh từ 04 đến tháng 12 năm 2021
24. MÔ HÌNH TRỒNG CÀ CHUA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng cà chua	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng cà chua	Đề xuất kế thừa tên và

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
ứng dụng công nghệ cao			ứng dụng công nghệ cao	toàn bộ nội dung ĐMKTKT của mô hình theo Quyết định số 64/2024-UBND.
25. MÔ HÌNH TRỒNG DƯA LƯỚI, DƯA LÊ, DƯA VÀNG, DƯA GANG THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng rau ăn quả (dưa lê, dưa dưa vàng, dưa gang)	Mô hình trồng dưa lưới, dưa lê, dưa vàng, dưa gang theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng dưa lưới, dưa lê, dưa vàng, dưa gang theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) do phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn chất lượng.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “sản xuất theo quy trình GAP” và Yêu cầu về kỹ thuật: “sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP” dựa trên tham khảo về yêu cầu của mô hình trồng rau ăn quả theo quy trình GAP.
26. MÔ HÌNH ỨNG DỤNG GIÁ THỂ ĐỂ SẢN XUẤT RAU, QUẢ				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình ứng dụng giá thể để sản xuất rau, quả	Không quy định	Mô hình ứng dụng giá thể để sản xuất rau, quả	Đề xuất kế thừa tên: “Mô hình ứng dụng giá thể để sản xuất rau, quả” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.
	a. Định mức lao động		b. Định mức lao động	
	b. Định mức máy móc, thiết bị		c. Định mức máy móc, thiết bị	
	c. Định mức giống, vật tư		d. Định mức giống, vật tư	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	d. Định mức triển khai		đ. Định mức triển khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất bổ sung các nội dung tại điểm a dựa trên quy trình sản xuất của mô hình. - Đối với hạng mục Thuộc BVTV sinh học đề xuất thay thế số lượng từ “100.000 đồng” thành “0,8 kg/lít” nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát dựa trên tham khảo mô hình Trồng rau ăn quả hữu cơ tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
27. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH BƯỞI THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Mô hình trồng, thâm canh bưởi theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Mô hình trồng, thâm canh bưởi	Mô hình cây ăn quả (Cây bưởi)	Mô hình trồng, thâm canh bưởi theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất kế thừa “Mô hình trồng, thâm canh bưởi theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” theo

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: Bưởi	Không quy định	Đối tượng: cây bưởi	1. Đối tượng: Bưởi	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Mật độ trồng 400 cây/ha, khoảng cách cây x cây: 5 x 5 m. Sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Mật độ trồng 400 cây/ha, khoảng cách cây x cây: 5 x 5 m. Sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Năng suất $\geq 22,5$ tấn/ha/năm vào năm thứ tư		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Năng suất $\geq 22,5$ tấn/ha/năm vào năm thứ tư	
4. Thời gian thực hiện: 09 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Người dân đối ứng)</u>	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Người dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống - Trồng mới: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây (Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 90 kg 3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 70 kg 4. Kali nguyên chất	<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống - Trồng mới: 208 cây - Trồng dặm: 20 cây (Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 47 kg 3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 36 kg 4. Kali nguyên chất	<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống - Trồng mới: 240 cây - Trồng dặm: 12 cây 2. N: 90 kg 3. P_2O_5 : 70 kg 4. K_2O : 120 kg 5. HCSH: 3.000 kg 6. CPSH: 7 kg/lít 7. Vôi: 400 kg 8. BVTV: 5 kg/lít	<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống - Trồng mới: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây (Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 90 kg 3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 70 kg 4. Kali nguyên chất	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>(K₂O): 120 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 6. Vôi bột: 400 kg 6. Thuốc BVTV: 5 lít/kg</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 190 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 180 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 5 lít/kg</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 190 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 300 kg 4. Phân hữu cơ sinh học:</p>	<p>(K₂O): 62 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 1.560 kg 6. Vôi bột: 208 kg 6. Thuốc BVTV: 780.000đ</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 99 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 52 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 94 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 1.560 kg 5. Thuốc BVTV: 1.040.000đ</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 99 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 52 kg 3. Kali nguyên chất</p>	<p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. N: 190 kg 2. P₂O₅: 100 kg 3. K₂O: 180 kg 4. HCSH: 3.000 kg 5. CPSH: 7 kg/lít 6. Vôi: 400 kg 7. BVTV: 6 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. N: 190 kg 2. P₂O₅: 100 kg 3. K₂O: 300 kg 4. HCSH: 3.000 kg 5. CPSH: 10 kg/lít 6. Vôi: 500 kg 7. BVTV: 6 kg/lít</p>	<p>(K₂O): 120 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 6. Vôi bột: 400 kg 6. Thuốc BVTV: 5 lít/kg</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 190 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 180 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 5 lít/kg</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 190 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 300 kg 4. Phân hữu cơ sinh học:</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
3.000 kg 5. Túi bao quả: 20.000 cái (Vải không dệt, giấy, vật liệu khác tương đương) 6. Thuốc BVTV: 6 lít/kg <i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))</i>	(K ₂ O): 156 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 1.560 kg 5. Đậu tương hoặc khô dầu: 624 kg 6. Túi bao quả: 10.400 cái (Vải không dệt, giấy, vật liệu khác tương đương) 7. Thuốc BVTV: 1.040.000đ <i>(TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng)</i>		3.000 kg 5. Túi bao quả: 20.000 cái (Vải không dệt, giấy, vật liệu khác tương đương) 6. Thuốc BVTV: 6 lít/kg <i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))</i>	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	
28. MÔ HÌNH TRỒNG BƯỞI HỮU CƠ				
Tên mô hình				
Mô hình cây ăn quả hữu cơ (cây bưởi)	Không quy định	Mô hình cây ăn quả hữu cơ (cây bưởi)	Mô hình trồng bưởi hữu cơ	Đề xuất lấy tên: “Mô hình trồng bưởi hữu cơ” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng hơn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: cây bưởi	Không quy định	Đối tượng: cây bưởi	1. Đối tượng: cây bưởi	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng cây giống đạt tiêu chuẩn và sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng cây giống đạt tiêu chuẩn và sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	Không quy định	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)		2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không quy định	Không quy định		Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư (tính cho 1 ha)				
1. Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất 1. Giống - Trồng mới: 500 cây	Không quy định	1. Năm thứ nhất, năm thứ hai 1. Giống - Trồng mới: 420 cây	1. Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất 1. Giống - Trồng mới: 500 cây	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do quy định chi

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>- Trồng dặm: 25 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm) 2. Giống cây phân xanh, cây họ đậu (lạc dại) trồng xen làm cây che phủ đất: 100 kg 3. Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch</p> <p>- Giống cây so đũa, khuynh diệp...: 200 cây - Giống cây gừng, sả...: 25 kg 4. Phân hữu cơ - Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 10 tấn - Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 40 lít - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 300 kg 5. Thuốc BVTV sinh học</p>		<p>- Trồng dặm: 12 cây 2. HCM: 27 tấn 3. HCVS, HCSH: 01 tấn 4. BL hữu cơ: 12 kg/ lít 5. CPSH: 30 kg/lít 6. Vôi: 500 kg 7. BVTV sinh học: 20 kg/lít 8. Bể côn trùng: 30 cái</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i> 1. HCM: 27 tấn 2. HCVS, HCSH: 01 tấn 3. BL hữu cơ: 12 kg/ lít 4. CPSH: 30 kg/lít 5. Vôi: 500 kg 6. BVTV sinh học: 20 kg/lít 7. Bể côn trùng: 30 cái</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i> 1. HCM: 240 tấn 2. HCVS, HCSH: 02 tấn 3. BL hữu cơ: 120 kg/ lít 4. CPSH: 40 kg/lít</p>	<p>- Trồng dặm: 25 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm) 2. Giống cây phân xanh, cây họ đậu (lạc dại) trồng xen làm cây che phủ đất: 100 kg 3. Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch</p> <p>- Giống cây so đũa, khuynh diệp...: 200 cây - Giống cây gừng, sả...: 25 kg 4. Phân hữu cơ - Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 10 tấn - Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 40 lít - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 300 kg</p>	tiết và bao quát hơn.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<ul style="list-style-type: none"> - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 18 lít Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 5 kg - Nano bạc đồng: 9 lít <p><i>II. Chăm sóc năm thứ hai, ba</i></p> <p>1. Phân hữu cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 10 lít - Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 60 tấn - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 350 kg <p>2. Thuốc BVTV sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 18 lít - Chế phẩm vi sinh phòng 		<ul style="list-style-type: none"> 5. Vôi: 500 kg 6. BVTV sinh học: 30 kg/lít 7. Bẫy côn trùng: 30 cái 	<ul style="list-style-type: none"> 5. Thuốc BVTV sinh học - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 18 lít Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 5 kg - Nano bạc đồng: 9 lít <p><i>II. Chăm sóc năm thứ hai, ba</i></p> <p>1. Phân hữu cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 10 lít - Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 60 tấn - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 350 kg <p>2. Thuốc BVTV sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dầu khoáng, dầu 	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 6 kg</p> <p>- Nano bạc đồng: 9 lít</p> <p>III. Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cây trồng trong giai đoạn năm thứ hai đến giai đoạn kinh doanh; Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ</p> <p>1. Phân hữu cơ</p> <p>- Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 10 lít</p> <p>- Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 80 tấn</p> <p>- Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 400 kg</p> <p>2. Thuốc BVTV sinh học</p>			<p>neem, dầu tỏi, ớt...: 18 lít</p> <p>- Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 6 kg</p> <p>- Nano bạc đồng: 9 lít</p> <p>III. Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cây trồng trong giai đoạn năm thứ hai đến giai đoạn kinh doanh; Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ</p> <p>1. Phân hữu cơ</p> <p>- Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 10 lít</p> <p>- Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 80 tấn</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<ul style="list-style-type: none"> - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 36 lít - Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 10 kg - Nano bạc đồng: 18 lít 			<ul style="list-style-type: none"> - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 400 kg 2. Thuốc BVTV sinh học - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 36 lít - Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 10 kg - Nano bạc đồng: 18 lít 	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
<ul style="list-style-type: none"> 1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật) - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng 		<ul style="list-style-type: none"> 1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không</i> 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật) - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: 1 - 5 cái		<i>quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: 1 - 5 cái	
29. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH XOÀI THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Mô hình trồng, thâm canh xoài theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Mô hình trồng, thâm canh xoài	Mô hình cây ăn quả (Cây xoài)	Mô hình trồng, thâm canh xoài theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất kế thừa tên: “Mô hình trồng, thâm canh xoài theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: xoài	Không quy định	Đối tượng: cây xoài	1. Đối tượng: cây xoài	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Mật độ trồng 416 cây/ha. Sản xuất theo		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Mật độ trồng 416 cây/ha. Sản xuất	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
quy trình GAP			theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.	
4. Thời gian thực hiện: 09 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
I. Năm thứ nhất	I. Năm thứ nhất, năm	I. Năm thứ nhất, năm thứ	I. Năm thứ nhất	- Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>1. Giống - Trồng mới: 416 cây - Trồng dặm: 20 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm)</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 90 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 416 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 8 lít/kg</p> <p><i>II. Năm thứ hai</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 90 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p>	<p><i>thứ hai</i></p> <p>1. Giống - Trồng mới: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm)</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 90 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 400 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 1.500.000đ</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 120 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P_2O_5): 80 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K_2O): 240 kg</p>	<p><i>hai</i></p> <p>1. Giống - Trồng mới: 278 cây - Trồng dặm: 14cây</p> <p>2. N: 90 kg</p> <p>3. P_2O_5: 65 kg</p> <p>4. K_2O: 90 kg</p> <p>5. HCVS: 1,4 tấn</p> <p>6. Vôi: 400 kg</p> <p>7. BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. N: 120 kg</p> <p>2. P_2O_5: 80 kg</p> <p>3. K_2O: 240 kg</p> <p>4. HCVS: 0,4 tấn</p> <p>5. Vôi: 400 kg</p> <p>6. BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. N: 250 kg</p> <p>2. P_2O_5: 100 kg</p> <p>3. K_2O: 200 kg</p> <p>4. HCVS: 1,4 tấn</p> <p>5. Vôi: 500 kg</p>	<p>1. Giống - Trồng mới: 416 cây - Trồng dặm: 20 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm)</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 90 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 416 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 8 lít/kg</p> <p><i>II. Năm thứ hai</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 90 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p>	<p>và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do quy định chi tiết và bao quát.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>5. Vôi bột: 400 kg 6. Thuốc BVTV: 8 lít/kg</p> <p><i>III. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 120 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 80 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 240 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 8 lít/kg</p> <p><i>IV. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 250 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 200 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Túi bao quả: 70.000 cái</p>	<p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 1.500.000đ</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 250 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 200 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Túi bao quả: 70.000 (Vải không dệt, giấy, vật liệu khác tương đương) 7. Thuốc BVTV: 70.000.000đ <i>(Giống hỗ trợ năm thứ nhất.</i> <i>Lượng vật tư sử dụng cho từng năm</i> <i>Phân hữu cơ sinh học</i></p>	<p>6. BVTV: 4 kg/lít</p>	<p>5. Vôi bột: 400 kg 6. Thuốc BVTV: 8 lít/kg</p> <p><i>III. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 120 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 80 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 240 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 8 lít/kg</p> <p><i>IV. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 250 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 200 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Túi bao quả: 70.000</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
(Vải không dệt, giấy, vật liệu khác tương đương) 6. Thuốc BVTV: 8 lít/kg (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))	<i>khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.</i> (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)		cái (Vải không dệt, giấy, vật liệu khác tương đương) 6. Thuốc BVTV: 8 lít/kg (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))	
đ. Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: ≤ 6 cái	3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: ≤ 6 cái	
30. MÔ HÌNH TRỒNG XOÀI HỮU CƠ				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình cây ăn quả hữu cơ (cây xoài)	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng xoài hữu cơ	Đề xuất lấy tên mô hình “Mô hình trồng xoài hữu cơ” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
a. Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
b. Định mức lao động			b. Định mức lao động	
c. Định mức máy móc, thiết bị			c. Định mức máy móc, thiết bị	
d. Định mức giống, vật tư			d. Định mức giống, vật tư	
đ. Định mức triển khai			đ. Định mức triển khai	
31. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH SÀU RIÊNG THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Tên mô hình				
Mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) (Cây sầu riêng)	Mô hình trồng, thâm canh sầu riêng	Mô hình cây ăn quả (Cây sầu riêng)	Mô hình trồng, thâm canh sầu riêng theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh sầu riêng theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng hơn và phù hợp với định hướng phát triển của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn chất lượng
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: sầu riêng	Không quy định	Đối tượng: cây sầu riêng	1. Đối tượng: sầu riêng	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng giống cây đạt chuẩn và sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng giống cây đạt chuẩn và sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b. Định mức lao động				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai) 1. Giống - Trồng mới: 200 cây - Trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm)	I. Năm thứ nhất, năm thứ hai 1. Giống - Trồng mới: 156 cây - Trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N):	I. Năm thứ nhất, năm thứ hai 1. Giống - Trồng mới: 200 cây - Trồng dặm: 10 cây 2. N: 46 kg 3. P ₂ O ₅ : 32 kg 4. K ₂ O: 40 kg	I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai) 1. Giống - Trồng mới: 200 cây - Trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>2. Đạm nguyên chất (N): 46 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 32 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 40 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 200 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 1.500.000đ</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 70 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 32 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 60 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Vôi bột: 400 kg</p> <p>6. Thuốc BVTV: 1.500.000đ</p>	<p>36 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 25 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 31 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 2.340 kg</p> <p>6. Vôi bột: 156 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 1.170.000đ</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 55 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 25 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 47 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 2.340 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 1.170.000đ</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p>	<p>5. HCSH: 3 tấn</p> <p>6. CPSH: 15 kg/lit</p> <p>7. Vôi: 200 kg</p> <p>8. BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. N: 70 kg</p> <p>2. P₂O₅: 32 kg</p> <p>3. K₂O: 60 kg</p> <p>4. HCSH: 3 tấn</p> <p>5. CPSH: 15 kg/lit</p> <p>6. Vôi: 200 kg</p> <p>7. BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. N: 90 kg</p> <p>2. P₂O₅: 40 kg</p> <p>3. K₂O: 90 kg</p> <p>4. HCSH: 3 tấn</p> <p>5. CPSH: 15 kg/lit</p> <p>6. Vôi: 500 kg</p> <p>7. BVTV: 4 kg/lít</p>	<p>2. Đạm nguyên chất (N): 46 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 32 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 40 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 200 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 70 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 32 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 60 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N):</p>	<p>mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 90 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 40 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 90 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 2.000.000đ</p> <p>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))</p>	<p>1. Đạm nguyên chất (N): 70 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 31 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 70 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 2.340 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 1.560.000đ</p> <p>(Giống hỗ trợ năm thứ nhất.</p> <p>Lượng vật tư sử dụng cho từng năm</p> <p>Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó).</p> <p>(TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng)</p>		<p>90 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 40 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 90 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biễn mô hình: 1 - 5 cái</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i></p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN <p>4. Biễn mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần</p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần <p>4. Biễn mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biễn mô hình: 1- 5 cái</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p>
32. MÔ HÌNH TRỒNG SÀU RIÊNG HỮU CƠ				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình cây ăn quả hữu cơ (cây sàu riêng)	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng sàu riêng hữu cơ	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng sàu riêng hữu cơ” do thể hiện cụ

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				thể đối tượng cây trồng hơn.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
a. Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
b. Định mức lao động			b. Định mức lao động	
c. Định mức máy móc, thiết bị			c. Định mức máy móc, thiết bị	
d. Định mức giống, vật tư			d. Định mức giống, vật tư	
đ. Định mức triển khai			đ. Định mức triển khai	
33. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH NHÃN THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) (Cây nhãn)	Mô hình trồng, thâm canh nhãn	Mô hình cây ăn quả (Cây nhãn)	Mô hình trồng, thâm canh nhãn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh nhãn theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng hơn và phù hợp với định hướng phát triển của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn chất lượng
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: nhãn	Không quy định	Đối tượng: cây nhãn	1. Đối tượng: nhãn	- Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng giống cây đạt chuẩn và sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng giống cây đạt chuẩn và sản xuất theo quy trình GAP	và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
<p><i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i></p> <p>1. Giống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng mới: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây <p>(Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm)</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 70 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 400 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 1.500.000đ</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p>	<p><i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i></p> <p>1. Giống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng mới: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây <p>(Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm)</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 70 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 400 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 1.500.000đ</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p>	<p><i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i></p> <p>1. Giống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng mới: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây <p>2. N: 70 kg</p> <p>3. P_2O_5: 65 kg</p> <p>4. K_2O: 90 kg</p> <p>5. HCSH: 3 tấn</p> <p>6. Vôi: 400 kg</p> <p>7. VL, SH, RH: 6 kg</p> <p>8. BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. N: 92 kg</p> <p>2. P_2O_5: 65 kg</p> <p>3. K_2O: 120 kg</p> <p>4. HCSH: 3 tấn</p> <p>5. Vôi: 400 kg</p> <p>6. VL, SH, RH: 8 kg</p> <p>7. BVTV: 4 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh</i></p>	<p><i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i></p> <p>1. Giống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng mới: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây <p>(Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm)</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 70 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 400 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 92 kg</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>1. Đạm nguyên chất (N): 92 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 65 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 1.500.000đ</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 140 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 210 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 2.000.000đ</p> <p><i>(TCCS, Các loại phân</i></p>	<p>1. Đạm nguyên chất (N): 92 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 65 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 1.500.000đ</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 140 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 1000 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 210 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 2.000.000đ</p> <p><i>(Giống hỗ trợ năm thứ</i></p>	<p><i>(năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. N: 140 kg</p> <p>2. P₂O₅: 100 kg</p> <p>3. K₂O: 210 kg</p> <p>4. HCSH: 3 tấn</p> <p>5. Vôi: 500 kg</p> <p>6. VL, SH, RH: 8 kg</p> <p>7. BVTV: 6 kg/lít</p>	<p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 65 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 140 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 210 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 6 kg/lít</p> <p><i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ</i></p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)</i>	<i>nhất. Lượng vật tư sử dụng cho từng năm. Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó). (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng)</i>		<i>tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...) Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.</i>	
đ. Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: 1 - 5 cái	3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: 1- 5 cái	
34. MÔ HÌNH TRỒNG NHÂN HỮU CƠ				
Tên mô hình				
Mô hình cây ăn quả hữu cơ (cây nhãn)	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng nhãn hữu cơ	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng nhãn hữu cơ” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng hơn.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
a. Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
b. Định mức lao động			b. Định mức lao động	
c. Định mức máy móc, thiết bị			c. Định mức máy móc, thiết bị	
d. Định mức giống, vật tư			d. Định mức giống, vật tư	
đ. Định mức triển khai			đ. Định mức triển khai	
35. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CHÔM CHÔM THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Tên mô hình				
Mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) (Cây chôm chôm)	Mô hình trồng, thâm canh chôm chôm	Mô hình cây ăn quả (Cây chôm chôm)	Mô hình trồng, thâm canh chôm chôm theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh chôm chôm theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng hơn và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn chất lượng
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: chôm chôm	Không quy định	Đối tượng: cây chôm chôm	1. Đối tượng: chôm chôm	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng giống cây đạt chuẩn và sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng giống cây đạt chuẩn và sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
<i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i> 1. Giống - Trồng mới: 210 cây - Trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm)	<i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i> 1. Giống - Trồng mới: 210 cây - Trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm)	<i>I. Năm thứ nhất</i> 1. Giống - Trồng mới: 210 cây - Trồng dặm: 10 cây 2. N: 70 kg 3. P ₂ O ₅ : 65 kg 4. K ₂ O: 60 kg	<i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i> 1. Giống - Trồng mới: 210 cây - Trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
ghép ≥ 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 70 kg 3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg 4. Kali nguyên chất (K_2O): 60 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 6. Vôi bột: 200 kg 7. Thuốc BVTV: 1.500.000đ <i>II. Năm thứ ba</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 110 kg 2. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg 3. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 1.500.000đ	ghép ≥ 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 70 kg 3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg 4. Kali nguyên chất (K_2O): 60 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 6. Vôi bột: 200 kg 7. Thuốc BVTV: 1.500.000đ <i>II. Năm thứ ba</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 110 kg 2. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg 3. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 1.500.000đ	5. HCSH: 3.000 tấn 6. Vôi: 400 kg 7. BVTV: 3 kg/lít <i>II. Năm thứ hai</i> 1. N: 70 kg 2. P_2O_5 : 65 kg 3. K_2O : 60 kg 4. HCSH: 3.000 tấn 5. BVTV: 3 kg/lít <i>III. Năm thứ ba</i> 1. N: 110 kg 2. P_2O_5 : 65 kg 3. K_2O : 90 kg 4. HCSH: 3.000 tấn 5. BVTV: 3 kg/lít <i>IV. Năm thứ 4</i> 1. N: 180 kg 2. P_2O_5 : 130 kg 3. K_2O : 210 kg 4. HCSH: 3.000 tấn 5. BVTV: 4 kg/lít	ghép ≥ 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 70 kg 3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg 4. Kali nguyên chất (K_2O): 60 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 6. Vôi bột: 200 kg 7. Thuốc BVTV: 3 kg/lít <i>II. Năm thứ ba</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 110 kg 2. Lân nguyên chất (P_2O_5): 65 kg 3. Kali nguyên chất (K_2O): 90 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 3 kg/lít <i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i>	đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 180 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 130 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 210 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 2.000.000đ</p> <p>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))</p>	<p>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 180 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 130 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 210 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 2.000.000đ</p> <p>(Giống hỗ trợ năm thứ nhất. Lượng vật tư sử dụng cho từng năm Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó). (TCCS, Có thể sử dụng</p>		<p>1. Đạm nguyên chất (N): 180 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 130 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 210 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)). Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<i>phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng)</i>			
đ. Định mức triển khai				
<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: 1 - 5 cái</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i></p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần</p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: 1- 5 cái</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p>
36. MÔ HÌNH TRỒNG CHỒM CHỒM HỮU CƠ				
<i>Tên mô hình</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Mô hình cây ăn quả hữu cơ (cây chôm chôm)	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng nhãn hữu cơ	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng chôm chôm hữu cơ” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng hơn.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
a. Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
b. Định mức lao động			b. Định mức lao động	
c. Định mức máy móc, thiết bị			c. Định mức máy móc, thiết bị	
d. Định mức giống, vật tư			d. Định mức giống, vật tư	
đ. Định mức triển khai			đ. Định mức triển khai	
37. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CAM, QUÝT THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng, thâm canh cam, quýt	Mô hình cây ăn quả (Cây cam, quýt, chanh)	Mô hình trồng, thâm canh cam, quýt theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh cam, quýt theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn chất lượng.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cam, quýt, chanh	1. Đối tượng: cam, quýt	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng giống cây đạt chuẩn và sản xuất theo quy trình GAP	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.	
		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	<p><i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i></p> <p>1. Giống</p> <p>- Trồng mới: 833 cây</p> <p>- Trồng dặm: 84 cây</p> <p>(Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm)</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 133 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 133 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K_2O): 160 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.998 kg</p> <p>6. Vôi bột: 833 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV:</p>	<p><i>I. Năm thứ nhất, thứ hai</i></p> <p>1. Giống</p> <p>- Trồng mới: 625 cây</p> <p>- Trồng dặm: 30 cây</p> <p>2. N: 100 kg</p> <p>3. P_2O_5: 100 kg</p> <p>4. K_2O: 120 kg</p> <p>5. HCSH: 3 tấn</p> <p>6. CPSH: 50 kg/lít</p> <p>7. Vôi: 625 kg</p> <p>8. VL, DH, RH: 2 kg</p> <p>9. BVTV: 6 kg/lít</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. N: 120 kg</p> <p>2. P_2O_5: 100 kg</p> <p>3. K_2O: 150 kg</p> <p>4. HCSH: 3 tấn</p> <p>5. CPSH: 33 kg/lít</p>	<p><i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i></p> <p>1. Giống</p> <p>- Trồng mới: 833 cây</p> <p>- Trồng dặm: 84 cây</p> <p>(Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm)</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 133 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 133 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K_2O): 160 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.998 kg</p> <p>6. Vôi bột: 833 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 6 kg/lít</p>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<p>2.000.000đ</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 160 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 133 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 200 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.998 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 2.000.000đ</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 187 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 240 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.998 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV:</p>	<p>6. Vôi: 625 kg</p> <p>7. VL, DH, RH: 4 kg</p> <p>8. BVTV: 6 kg/lít</p> <p><i>III. Năm thứ tư trở đi</i></p> <p>1. N: 140 kg</p> <p>2. P₂O₅: 120 kg</p> <p>3. K₂O: 180 kg</p> <p>4. HCSH: 3 tấn</p> <p>5. CPSH: 83 kg/lít</p> <p>6. Vôi: 625 kg</p> <p>7. VL, DH, RH: 8 kg</p> <p>8. BVTV: 8 kg/lít</p>	<p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 160 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 133 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 200 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.998 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 6 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 187 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 240 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.998 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 8 kg/lít</p> <p><i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên</i></p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	2.700.000đ <i>(Giống hỗ trợ năm thứ nhất. Lượng vật tư sử dụng cho từng năm Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó). (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅, K₂O tương ứng)</i>		<i>chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...).</i> <i>Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.</i>	
đ. Định mức triển khai				
	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận	- Đề xuất kế thừa bố cục, theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biển mô hình để phù hợp với bố cục. - Đề xuất kế thừa nội

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 1- 5 cái	dung, theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
38. MÔ HÌNH TRỒNG CAM, QUÝT HỮU CƠ				
Tên mô hình				
Mô hình cây ăn quả hữu cơ (cây cam, quýt)	Không quy định	Mô hình cây ăn quả hữu cơ (cây cam, quýt, chanh)	Mô hình trồng cam, quýt hữu cơ	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng cam, quýt hữu cơ” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng hơn.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: cam, quýt	Không quy định	Đối tượng: cây cam, quýt, chanh	1. Đối tượng: cam, quýt	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng giống		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sử dụng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
cây đạt chuẩn và sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ			giống cây đạt chuẩn và sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn tiêu chuẩn hữu cơ .		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ .	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
<i>b. Định mức lao động</i>				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>		1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)		2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
<i>c. Định mức máy móc, thiết bị</i>				
Không có nội dung	Không quy định	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
<i>d. Định mức giống, vật tư</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p><i>I. Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất</i></p> <p>1. Giống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống trồng mới: 1.200 cây - Giống trồng dặm (5% giống trồng mới): 60 cây <p>2. Giống cây phân xanh, cây họ đậu (lạc dại) trồng xen làm cây che phủ đất: 100 kg</p> <p>3. Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống cây so đũa, khuynh diệp...: 200 cây - Giống cây gừng, sả...: 25 kg <p>4. Phân hữu cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 12 tấn - Phân hữu cơ sinh học 	Không quy định	<p><i>I. Năm thứ nhất, thứ hai</i></p> <p>1. Giống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng mới: 550 cây - Trồng dặm: 50 cây <p>2. HCM: 27 tấn</p> <p>3. HCVS, HCSH: 01 tấn</p> <p>4. BL hữu cơ: 12 kg/lít</p> <p>5. CPSH: 30 kg/lít</p> <p>6. Vôi: 500 kg</p> <p>7. BVTV sinh học: 20 kg/lít</p> <p>8. Bẫy côn trùng: 30 cái</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. HCM: 27 tấn</p> <p>2. HCVS, HCSH: 01 tấn</p> <p>3. BL hữu cơ: 12 kg/lít</p> <p>4. CPSH: 30 kg/lít</p> <p>5. Vôi: 500 kg</p> <p>6. BVTV sinh học: 20 kg/lít</p> <p>7. Bẫy côn trùng: 30 cái</p> <p><i>III. Từ năm tư trở đi</i></p> <p>1. HCM: 40 tấn</p> <p>2. HCVS, HCSH: 02 tấn</p>	<p><i>I. Trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất</i></p> <p>1. Giống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống trồng mới: 1.200 cây - Giống trồng dặm (5% giống trồng mới): 60 cây <p>2. Giống cây phân xanh, cây họ đậu (lạc dại) trồng xen làm cây che phủ đất: 100 kg</p> <p>3. Giống cây trồng vùng đệm, cây ký chủ sinh vật có ích, cây xua đuổi côn trùng, cây dẫn dụ thiên địch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống cây so đũa, khuynh diệp...: 200 cây - Giống cây gừng, sả...: 25 kg <p>4. Phân hữu cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 12 tấn - Phân hữu cơ sinh học 	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do quy định chi tiết và bao quát hơn.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>(bón qua lá, qua rễ): 80 lít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 350 kg <p>5. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 24 lít - Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 10 kg - Nano bạc đồng: 12 lít <p><i>II. Chăm sóc năm thứ hai</i></p> <p>1. Phân hữu cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 12 lít - Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 100 tấn - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 400 kg <p>2. Thuốc bảo vệ thực vật</p>		<p>3. BL hữu cơ: 20 kg/lít</p> <p>4. CPSH: 40 kg/lít</p> <p>5. Vôi: 500 kg</p> <p>6. BVTV sinh học: 30 kg/lít</p> <p>7. Bẫy côn trùng: 30 cái</p>	<p>(bón qua lá, qua rễ): 80 lít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 350 kg <p>5. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 24 lít - Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 10 kg - Nano bạc đồng: 12 lít <p><i>II. Chăm sóc năm thứ hai</i></p> <p>1. Phân hữu cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 12 lít - Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 100 	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 24 lít - Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 12 kg - Nano bạc đồng: 12 lít <p>III. Chăm sóc năm thứ ba</p> <p>1. Phân hữu cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 12 lít - Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 120 tấn - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 450 kg <p>2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 36 lít 			<p>tân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 400 kg <p>2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 24 lít - Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 12 kg - Nano bạc đồng: 12 lít <p>III. Chăm sóc năm thứ ba</p> <p>1. Phân hữu cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 12 lít - Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 120 tấn 	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>- Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 15 kg</p> <p>- Nano bạc đồng: 18 lít</p> <p><i>III. Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cây trồng trong giai đoạn năm thứ hai đến giai đoạn kinh doanh; Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ</i></p> <p>1. Phân hữu cơ</p> <p>- Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 12 lít</p> <p>- Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 150 tấn</p> <p>- Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 500 kg</p> <p>2. Thuốc bảo vệ thực vật</p>			<p>- Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 450 kg</p> <p>2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học</p> <p>- Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 36 lít</p> <p>- Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i>, <i>Bacillus thuringiensis</i>, <i>Trichoderma Bacillus</i>,...): 15 kg</p> <p>- Nano bạc đồng: 18 lít</p> <p><i>III. Giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cây trồng trong giai đoạn năm thứ hai đến giai đoạn kinh doanh; Chăm sóc thâm canh giai đoạn kinh doanh sản xuất hữu cơ</i></p> <p>1. Phân hữu cơ</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
sinh học - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 36 lít - Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i> , <i>Bacillus thuringiensis</i> , <i>Trichoderma Bacillus</i> ,...): 15 kg - Nano bạc đồng: 18 kg			- Phân hữu cơ vi sinh (bón qua rễ): 12 lít - Phân hữu cơ sinh học (bón qua lá, qua rễ): 150 tấn - Phân khoáng hữu cơ (bón qua rễ): 500 kg 2. Thuốc bảo vệ thực vật sinh học - Dầu khoáng, dầu neem, dầu tỏi, ớt...: 36 lít - Chế phẩm vi sinh phòng trừ dịch hại cây trồng (<i>Pseudomonas fluorescens</i> , <i>Bacillus thuringiensis</i> , <i>Trichoderma Bacillus</i> ,...): 15 kg - Nano bạc đồng: 18 kg	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần		1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
- Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 1 - 5 cái		định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	- Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 1- 5 cái	UBND.
39. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CHANH THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng, thâm canh chanh	Mô hình cây ăn quả (Cây cam, quýt, chanh)	Mô hình trồng, thâm canh chanh theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh chanh theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng sản xuất chanh phù hợp với chủ trương phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững.
a. Yêu cầu chung				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cam, quýt, chanh	1. Đối tượng: chanh	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND</p> <p>- Đề xuất bổ sung nội dung: “<i>sản xuất theo quy trình GAP</i>” tại mục 2 và “ - <i>Đối với mô hình trồng mới: tỷ lệ sống các cây giống trên 90%</i>”</p> <p>- <i>Đối với mô hình thâm canh: sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i> ” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng, thâm canh chanh theo GAP tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p>
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: sản xuất theo quy trình GAP	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: - Đối với mô hình trồng mới: tỷ lệ sống các cây giống trên 90% - Đối với mô hình thâm canh: sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.	
		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	ứng)		(Nông dân đôi ứng)	- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	I. Năm thứ nhất 1. Giống - Trồng mới: 1.111 cây (mật độ 3m x 3m) - Trồng dặm: 55 cây 2. Đạm nguyên chất (N): 22 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 94 kg 4. Kali nguyên chất	I. Năm thứ nhất, thứ hai 1. Giống - Trồng mới: 625 cây - Trồng dặm: 30 cây 2. N: 100 kg 3. P ₂ O ₅ : 100 kg 4. K ₂ O: 120 kg 5. HCSH: 3 tấn 6. CPSH: 50 kg/lít 7. Vôi: 625 kg 8. VL, SH, RH: 2 kg	I. Năm thứ nhất, thứ hai 1. Giống - Trồng mới: 625 cây - Trồng dặm: 30 cây 2. N: 100 kg 3. P ₂ O ₅ : 100 kg 4. K ₂ O: 120 kg 5. HCSH: 3 tấn 6. CPSH: 50 kg/lít 7. Vôi: 625 kg 8. VL, SH, RH: 2 kg	- Đề xuất <u>kế thừa bố cục</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do hạng mục giống vật tư tối ưu hơn so với Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND và phù hợp với hướng canh tác bền vững.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	(K ₂ O): 16 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 555 kg 6. Vôi bột: 444 kg 7. Thuốc xử lý đất: 12 kg 8. Thuốc diệt cỏ: 3 lít 9. Thuốc trừ sâu: 3 kg/lít 10. Thuốc trừ bệnh: 1,5 kg/lít <i>II. Năm thứ hai</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 77 kg 2. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 94 kg 3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 144 kg 4. Phân hữu cơ vi sinh: 1.111 kg 5. Vôi bột: 444 kg 6. Thuốc xử lý đất: 6 kg 7. Thuốc diệt cỏ: 3 lít 8. Thuốc trừ sâu: 3 kg/lít 9. Thuốc trừ bệnh: 2,5 kg/lít	9. BVTV: 6 kg/lít <i>II. Năm thứ ba</i> 1. N: 120 kg 2. P ₂ O ₅ : 100 kg 3. K ₂ O: 150 kg 4. HCSH: 3 tấn 5. CPSH: 33 kg/lít 6. Vôi: 625 kg 7. VL, DH, RH: 4 kg 8. BVTV: 6 kg/lít <i>III. Năm thứ tư trở đi</i> 1. N: 140 kg 2. P ₂ O ₅ : 120 kg 3. K ₂ O: 180 kg 4. HCSH: 3 tấn 5. CPSH: 83 kg/lít 6. Vôi: 625 kg 7. VL, DH, RH: 8 kg 8. BVTV: 8 kg/lít	9. BVTV: 6 kg/lít <i>II. Năm thứ ba</i> 1. N: 120 kg 2. P ₂ O ₅ : 100 kg 3. K ₂ O: 150 kg 4. HCSH: 3 tấn 5. CPSH: 33 kg/lít 6. Vôi: 625 kg 7. VL, DH, RH: 4 kg 8. BVTV: 6 kg/lít <i>III. Năm thứ tư trở đi</i> 1. N: 140 kg 2. P ₂ O ₅ : 120 kg 3. K ₂ O: 180 kg 4. HCSH: 3 tấn 5. CPSH: 83 kg/lít 6. Vôi: 625 kg 7. VL, DH, RH: 8 kg 8. BVTV: 8 kg/lít	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<p><i>III. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 111 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 94 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 144 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ vi sinh: 1.666 kg</p> <p>5. Vôi bột: 444 kg</p> <p>6. Thuốc xử lý đất: 6 kg</p> <p>7. Thuốc diệt cỏ: 1,5 lít</p> <p>8. Thuốc trừ sâu: 3,5 kg/lít</p> <p>9. Thuốc trừ bệnh: 3 kg/lít</p> <p>10. Phân bón lá: 1,5 lít</p> <p><i>IV. Năm thứ tư</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 111 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 94 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 177 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ vi sinh: 2.222 kg</p>			

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	5. Vôi bột: 555 kg 6. Thuốc xử lý đất: 6 kg 7. Thuốc trừ sâu: 3,5 kg/lít 8. Thuốc trừ bệnh: 3 kg/lít 9. Phân bón lá: 3 lít (TCCS)			
đ. Định mức triển khai				
	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 1- 5 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục, theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biên mô hình để phù hợp với bố cục. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>			
40. MÔ HÌNH TRỒNG CHANH HỮU CƠ				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây ăn quả hữu cơ (cây chanh)	Mô hình trồng chanh hữu cơ	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng chanh hữu cơ” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng hơn.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “ <i>sản xuất hữu cơ</i> ” và Yêu cầu về kỹ thuật: “ <i>sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ</i> ” dựa trên tham khảo về yêu cầu của mô hình
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				trồng cây ăn quả hữu cơ khác.
41. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH THANH LONG THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây ăn quả (Cây thanh long)	Mô hình trồng, thâm canh thanh long theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh thanh long theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng sản xuất thanh long phù hợp với chủ trương phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại mục a
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>+ Đối với yêu cầu về Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng đề xuất bổ sung nội dung: “<i>Mô hình trồng thanh long kiểu trụ và áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn GAP</i>”.</p> <p>+ Đối với Yêu cầu về kỹ thuật bổ sung nội dung: “<i>Đối với mô hình trồng mới: tỷ lệ sống các hom trên 90%</i>”</p> <p>- <i>Đối với mô hình thâm canh: sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i>”</p> <p>(Dựa trên sự tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng, thâm canh thanh long theo GAP tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.)</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
42. MÔ HÌNH TRỒNG THANH LONG HỮU CƠ				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây ăn quả hữu cơ (Cây thanh long)	Mô hình trồng thanh long hữu cơ	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng thanh long hữu cơ” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng hơn.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “<i>sản xuất hữu cơ</i>” và Yêu cầu về kỹ thuật: “<i>sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ</i>” dựa trên tham khảo về yêu cầu của mô hình trồng cây ăn quả hữu cơ
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				khác.
43. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH MÍT THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) – Cây mít	Mô hình trồng, thâm mít	Mô hình cây ăn quả (Cây mít)	Mô hình trồng, thâm canh mít theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh mít theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: Mít	Không quy định	Đối tượng: cây mít	1. Đối tượng: Mít	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP năm vào năm		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ	1. Công lao động phổ	1. Không quy định Công	1. Công lao động phổ	- Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	lao động phổ thông	thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống - Trồng mới: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây (Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 200 kg	<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống - Trồng mới: 278 cây - Trồng dặm: 28 cây (Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 139 kg	<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống - Trồng mới: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây 2. N: 200 kg 3. P ₂ O ₅ : 100 kg 4. K ₂ O: 100 kg 5. HCSH: 3.000 kg	<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống - Trồng mới: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây (Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 200 kg	- Đề xuất kế thừa bố cục và theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Riêng đối với hạng mục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 100 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 400 kg</p> <p>6. Thuốc BVTV: 1.500.000 đồng</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 240 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 240 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 240 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 1.500.000 đồng</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 280 kg</p>	<p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 70 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 70 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 2.085 kg</p> <p>6. Vôi bột: 278 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 1.043.000đ</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 167 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 167 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 167 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 2.085 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 1.043.000đ</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 195 kg</p>	<p>6. CPSH: 15 kg/lít</p> <p>7. Vôi: 400 kg</p> <p>8. BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. N: 240 kg</p> <p>2. P₂O₅: 240 kg</p> <p>3. K₂O: 240 kg</p> <p>4. HCSH: 3.000 kg</p> <p>5. CPSH: 15 kg/lít</p> <p>6. Vôi: 400 kg</p> <p>7. BVTV: 4 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. N: 280 kg</p> <p>2. P₂O₅: 280 kg</p> <p>3. K₂O: 280 kg</p> <p>4. HCSH: 3.000 kg</p> <p>5. CPSH: 15 kg/lít</p> <p>6. Vôi: 500 kg</p> <p>7. BVTV: 4 kg/lít</p>	<p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 100 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 400 kg</p> <p>6. Thuốc BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 240 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 240 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 240 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 280 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 280 kg</p>	<p>thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 280 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 280 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 2.000.000 đồng</p> <p><i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))</i></p>	<p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 195 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 195 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 2.085 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 1.390.000đ</p> <p><i>(TCCS, Giống hỗ trợ năm thứ nhất. Lượng vật tư sử dụng cho từng năm Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó)</i></p>		<p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 280 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít <i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK... Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó)</i></p>	
đ. Định mức triển khai				
<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <p>- Số lần: 1-2 lần</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <p>- Số lần:</p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật:</p> <p>- Số lần: 1 lần</p> <p>- Thời gian: Không quy</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <p>- Số lần: 1-2 lần</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>- Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN)</p> <p>3. Biên mô hình: 1 - 5 cái</p>	<p>- Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN</p> <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>định</p> <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần</p> <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>- Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN)</p> <p>3. Biên mô hình: 1 – 5 cái</p>	UBND.
44. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH MĂNG CỤT THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) – Cây măng cụt	Mô hình trồng, thâm canh măng cụt	Mô hình cây ăn quả (măng cụt)	Mô hình trồng, thâm canh măng cụt theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng, thâm canh măng cụt theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện cụ thể đối

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				tượng cây trồng và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: măng cụt	Không quy định	Đối tượng: cây măng cụt	1. Đối tượng: măng cụt	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP năm vào năm		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	5ha/vụ/người			
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
I. Năm thứ nhất, năm thứ hai 1. Giống - Trồng mới: 200 cây - Trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 50 kg 3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 35 kg 4. Kali nguyên chất (K_2O): 40 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 6. Vôi bột: 200 kg 6. Thuốc BVTV:	I. Năm thứ nhất, năm thứ hai 1. Giống - Trồng mới: 156 cây - Trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 39 kg 3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 27 kg 4. Kali nguyên chất (K_2O): 31 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 2.340 kg 6. Vôi bột: 156 kg 7. Thuốc BVTV:	I. Năm thứ nhất 1. Giống - Trồng mới: 200 cây - Trồng dặm: 10 cây 2. N: 35 kg 3. P_2O_5 : 32 kg 4. K_2O : 36 kg 5. HCVS: 400 kg 6. CPSH: 10 kg/lít 7. Vôi: 200 kg 8. BVTV: 3 kg/lít II. Năm thứ hai 1. N: 35 kg 2. P_2O_5 : 32 kg 3. K_2O : 36 kg 4. HCVS: 500 kg 5. CPSH: 10 kg/lít	I. Năm thứ nhất, năm thứ hai 1. Giống - Trồng mới: 200 cây - Trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 50 kg 3. Lân nguyên chất (P_2O_5): 35 kg 4. Kali nguyên chất (K_2O): 40 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 6. Vôi bột: 200 kg 6. Thuốc BVTV: 3 kg/lít	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do hạng mục giống vật tư tối ưu nhất. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
1.500.000 đồng <i>II. Năm thứ ba</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 90 kg 2. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 35 kg 3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 1.500.000 đồng <i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 230 kg 2. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 200 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 2.000.000 đồng	1.170.000đ <i>II. Năm thứ ba</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 70 kg 2. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 27 kg 3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 47 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 2.340 kg 5. Thuốc BVTV: 1.170.000đ <i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 179 kg 2. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 78 kg 3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 156 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 2.340 kg 5. Thuốc BVTV: 1.560.000đ	6. Vôi: 200 kg 7. BVTV: 3 kg/lít <i>III. Năm thứ ba, thứ 4</i> 1. N: 65 kg 2. P ₂ O ₅ : 32 kg 3. K ₂ O: 60 kg 4. HCVS: 600 kg 5. CPSH: 20 kg/lít 6. Vôi: 500 kg 7. BVTV: 4 kg/lít <i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ năm trở đi)</i> 1. N: 260 kg 2. P ₂ O ₅ : 100 kg 3. K ₂ O: 200 kg 4. HCVS: 1.000 kg 5. CPSH: 20 kg/lít 6. Vôi: 400 kg 7. BVTV: 8 kg/lít	<i>II. Năm thứ ba</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 90 kg 2. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 35 kg 3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít <i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 230 kg 2. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 200 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít <i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi)</i>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))</i>	<i>(TCCS, Giống hỗ trợ năm thứ nhất. Lượng vật tư sử dụng cho từng năm Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó)</i>		<i>ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)</i>	
đ Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
(1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 1 - 5 cái	kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	(1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 1 - 5 cái	
45. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CHUỐI THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) – Cây chuối	Mô hình trồng, thâm canh chuối	Mô hình cây ăn quả (cây chuối)	Mô hình trồng, thâm canh chuối theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng, thâm canh chuối theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: cây chuối	Không quy định	Đối tượng: cây chuối	1. Đối tượng: cây chuối	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật:		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật:	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP năm vào năm			Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống	<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống	1. Giống - Trồng mới: 2.000 cây - Trồng dặm: 100 cây	<i>I. Năm thứ nhất, năm thứ hai</i> 1. Giống	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>- Trồng mới: 1.800 – 2.500 cây - Trồng dặm: 100 cây (Cây giống cao 70 – 80 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 260 kg 3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg 4. Kali nguyên chất (K₂O): 360 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 6. Vôi bột: 1.000 kg 7. Thuốc BVTV: 2.000.000 đồng 8. Túi bao bùồng: 2.000 túi (Cho năm thứ hai) <i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân</i></p>	<p>- Trồng mới: 1.800 – 2.500 cây - Trồng dặm: 100 cây (Cây giống cao 70 – 80 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 260 kg 3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg 4. Kali nguyên chất (K₂O): 360 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 6. Vôi bột: 1.000 kg 7. Thuốc BVTV: 2.000.000 đồng 8. Túi bao bùồng: 2.000 túi (Cho năm thứ hai)</p>	<p>2. N: 276 kg 3. P₂O₅: 160 kg 4. K₂O: 300kg 5. Vôi: 1.000 kg 6. BVTV: 5 kg/lít</p>	<p>- Trồng mới: 1.800 – 2.500 cây - Trồng dặm: 100 cây (Cây giống cao 70 – 80 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 260 kg 3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg 4. Kali nguyên chất (K₂O): 360 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 6. Vôi bột: 1.000 kg 7. Thuốc BVTV: 5 kg/lít 8. Túi bao bùồng: 2.000 túi (Cho năm thứ hai) <i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua,</i></p>	<p>UBND do hạng mục giống vật tư tối ưu nhất. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>super, Kali Clorua, DAP, NPK...</i>			<i>DAP, NPK...</i>	
<i>đ</i> Định mức triển khai				
<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: 1 - 5 cái</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i></p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần</p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: 1 - 5 cái</p>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
46. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH MĂNG CÀU DAI THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) – Cây măng cầu dai	Mô hình trồng, thâm canh măng cầu dai	Mô hình cây ăn quả (măng cầu ta)	Mô hình trồng, thâm canh măng cầu dai theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng, thâm canh măng cầu dai theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: măng cầu dai	Không quy định	Đối tượng: cây măng cầu ta	1. Đối tượng: măng cầu dai	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP năm vào năm		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	kỹ thuật (Người dân đối ứng)		kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
I. Năm thứ nhất, năm thứ hai 1. Giống - Trồng mới: 1.100 cây - Trồng dặm: 50 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 230 kg 3. Lân nguyên chất	I. Năm thứ nhất 1. Giống - Trồng mới: 1.100 cây - Trồng dặm: 50 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 230 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 160 kg	I. Năm thứ nhất 1. Giống - Trồng mới: 1.111 cây - Trồng dặm: 50 cây 2. N: 109 kg 3. P ₂ O ₅ : 93 kg 4. K ₂ O: 125 kg 5. HCVS: 2.000 kg 6. Vôi: 1.000 kg 7. BVTV: 4 kg/lít	I. Năm thứ nhất 1. Giống - Trồng mới: 1.100 cây - Trồng dặm: 50 cây (Cây giống ghép, mầm ghép ≥ 30 cm) 2. Đạm nguyên chất (N): 230 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 160 kg	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>(P₂O₅): 160 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 2.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 1.000 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 1.000.000đ</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 230 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 180 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 2.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 1.000.000đ</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 300 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất</p>	<p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 2.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 1.000 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 1.000.000đ</p> <p><i>II. Năm thứ hai + ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 230 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 180 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 2.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 1.000.000đ</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 300 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 240 kg</p>	<p><i>II. Năm thứ hai</i></p> <p>1. N: 35 kg</p> <p>2. P₂O₅: 32 kg</p> <p>3. K₂O: 36 kg</p> <p>4. HCVS: 500 kg</p> <p>5. CPSH: 10 kg/lít</p> <p>6. Vôi: 200 kg</p> <p>7. BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>III. Năm thứ ba, thứ 4</i></p> <p>1. N: 65 kg</p> <p>2. P₂O₅: 32 kg</p> <p>3. K₂O: 60 kg</p> <p>4. HCVS: 600 kg</p> <p>5. CPSH: 20 kg/lít</p> <p>6. Vôi: 500 kg</p> <p>7. BVTV: 4 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ năm trở đi)</i></p> <p>1. N: 260 kg</p> <p>2. P₂O₅: 100 kg</p> <p>3. K₂O: 200 kg</p> <p>4. HCVS: 1.000 kg</p> <p>5. CPSH: 20 kg/lít</p> <p>6. Vôi: 400 kg</p>	<p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ sinh học: 2.000 kg</p> <p>6. Vôi bột: 1.000 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 4 kg/lít</p> <p><i>II. Năm thứ hai + ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 230 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 180 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 2.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít</p> <p><i>III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ tư trở đi)</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 300 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 240 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 360 kg</p>	<p>nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>(P₂O₅): 240 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 360 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 2.000.000đ</p> <p><i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))</i></p>	<p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 360 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 2.000.000đ</p> <p><i>(TCCS, Giống hỗ trợ năm thứ nhất. Lượng vật tư sử dụng cho từng năm Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó)</i></p>	7. BVTV: 8 kg/lít	<p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 8 kg/lít</p> <p><i>(TCCS, Lượng vật tư sử dụng cho từng năm Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó)</i></p>	
đ Định mức triển khai				
<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật</p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN)</p> <p>- Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN)</p> <p>3. Biễn mô hình: 1 - 5 cái</p>	<p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i></p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN</p> <p>- Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN</p> <p>4. Biễn mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i></p> <p>- Hội nghị tổng kết: 1 lần</p> <p>4. Biễn mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình)</p> <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN)</p> <p>- Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN)</p> <p>3. Biễn mô hình: 1 - 5 cái</p>	
47. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH ỒI THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) – Cây ổi	Mô hình trồng, thâm canh ổi	Mô hình cây ăn quả (Cây ổi)	Mô hình trồng, thâm canh ổi theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng, thâm canh ổi theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
1. Đối tượng: ổi	Không quy định	Đối tượng: cây ổi	1. Đối tượng: ổi	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP năm vào năm		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không có nội dung	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				UBND.
<i>d. Định mức giống, vật tư</i>				
<p><i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất)</i></p> <p>1. Giống - Trồng mới: 1.111 cây - Trồng dặm: 55 cây</p> <p>2. Vôi nông nghiệp: 1.111 kg</p> <p>3. Phân hữu cơ sinh học: 1.300 kg</p> <p>4. Nấm Trichoderma: 13 kg</p> <p>5. Đạm nguyên chất (N): 65,2 kg</p> <p>6. Lân nguyên chất (P₂O₅): 123,2 kg</p> <p>7. Kali nguyên chất (K₂O): 69,6 kg</p> <p>8. Thuốc trừ sâu, nhện: 06 kg/lít</p> <p>9. Thuốc trừ bệnh: 03 kg/lít</p> <p>10. Thuốc trừ cỏ: 8 kg/lít</p>	<p><i>I. Năm thứ nhất</i></p> <p>1. Giống - Trồng mới: 1.111 cây - Trồng dặm: 56%</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 69 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 37</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 72 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ: 1.500 kg</p> <p>6. Chế phẩm sinh học: 15 kg</p> <p>7. Vôi bột: 500 kg</p> <p>8. Thuốc BVTV: 2 lít</p> <p><i>II. Năm thứ hai</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 92 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 48</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p>	<p><i>I. Năm thứ nhất</i></p> <p>1. Giống - Trồng mới: 1.500 cây - Trồng dặm: 150 cây</p> <p>2. N: 130 kg</p> <p>3. P₂O₅: 270 kg</p> <p>4. K₂O: 120 kg</p> <p>5. HCSH: 3.000 tấn</p> <p>6. CPSH: 16 kg/lít</p> <p>7. Vôi: 1.000 kg</p> <p>7. BVTV: 3 kg/lít</p> <p><i>II. Năm thứ hai</i></p> <p>1. N: 160 kg</p> <p>2. P₂O₅: 350 kg</p> <p>3. K₂O: 180 kg</p> <p>4. HCSH: 5.000 tấn</p> <p>5. CPSH: 16 kg/lít</p> <p>6. Vôi: 1.000 kg</p> <p>7. BVTV: 6 kg/lít</p>	<p><i>I. Năm thứ nhất</i></p> <p>1. Giống - Trồng mới: 1.111 cây - Trồng dặm: 55 cây</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 69 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 123 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 72 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ: 1.500 kg</p> <p>6. Chế phẩm sinh học: 15 kg</p> <p>7. Nấm Trichoderma: 13 kg</p> <p>8. Vôi bột: 1.111 kg</p> <p>9. Thuốc BVTV: 2 lít</p> <p><i>II. Năm thứ hai</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 92 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 48</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa <u>nội dung</u> theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND và <u>1 phần nội dung</u> của Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, cụ thể:</p> <p>- Đối với số lượng cây giống trồng dặm đề xuất thay đổi là 55 cây như Quyết định 64 (tương đương 5%) do tỷ lệ 56% là quá cao và có khả năng khiến vườn cây phát triển không đồng đều.</p> <p>- Kế thừa lượng lân, vôi năm nhất và hạng mục nấm Trichoderma, bao quả của Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND để</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p><i>II. Năm thứ hai</i></p> <p>1. Vôi nông nghiệp: 1.400 kg</p> <p>2. Phân hữu cơ sinh học: 1.300 kg</p> <p>3. Nấm Trichoderma: 13 kg</p> <p>4. Đạm nguyên chất (N): 94,8 kg</p> <p>5. Lân nguyên chất (P₂O₅): 30,4 kg</p> <p>6. Kali nguyên chất (K₂O): 99,2 kg</p> <p>7. Thuốc trừ sâu, nhện: 10 kg/lít</p> <p>8. Thuốc trừ bệnh: 6 kg/lít</p> <p>9. Thuốc trừ cỏ: 7 kg/lít</p> <p>10. Bao quả: 40.000 cái</p> <p><i>III. Từ năm thứ ba trở đi</i></p> <p>1. Vôi nông nghiệp: 1.400 kg</p> <p>2. Phân hữu cơ sinh học: 1.300 kg</p>	<p>4. Phân hữu cơ: 2.000 kg</p> <p>5. Chế phẩm sinh học: 15 kg</p> <p>6. Vôi bột: 500 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 4 lít</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 129 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 72</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ: 3.000 kg</p> <p>5. Chế phẩm sinh học: 15 kg</p> <p>6. Vôi bột: 500 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 5 lít</p> <p><i>II. Năm thứ tư trở đi</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 161 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 88</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 150 kg</p>	<p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ: 2.000 kg</p> <p>5. Chế phẩm sinh học: 15 kg</p> <p>6. Nấm Trichoderma: 13 kg</p> <p>7. Vôi bột: 500 kg</p> <p>8. Thuốc BVTV: 4 lít</p> <p>9. Túi bao trái: 40.000 cái</p> <p><i>II. Năm thứ ba</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 129 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 72</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ: 3.000 kg</p> <p>5. Chế phẩm sinh học: 15 kg</p> <p>6. Nấm Trichoderma: 13 kg</p> <p>7. Vôi bột: 500 kg</p>	<p>hạn chế tỷ lệ cây chết do nấm bệnh.</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>3. Nấm Trichoderma: 13 kg</p> <p>4. Đạm nguyên chất (N): 129 kg</p> <p>5. Lân nguyên chất (P₂O₅): 41,6 kg</p> <p>6. Kali nguyên chất (K₂O): 134,8 kg</p> <p>7. Thuốc trừ sâu, nhện: 12 kg/lít</p> <p>8. Thuốc trừ bệnh: 6 kg/lít</p> <p>9. Thuốc trừ cỏ: 6 kg/lít</p> <p>10. Bao quả: 50.000 cái (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))</p>	<p>4. Phân hữu cơ: 4.000 kg</p> <p>5. Chế phẩm sinh học: 15 kg</p> <p>6. Vôi bột: 1.000 kg</p> <p>7. Thuốc BVTV: 6 lít</p> <p>8. Túi bao trái (bao nylon + bao xốp + dây thun): 10 kg</p> <p>(QCVN 01 – 189: 2019/BNNPTNT)</p>	<p>8. Thuốc BVTV: 5 lít</p> <p>9. Túi bao trái: 50.000 cái</p> <p><i>II. Năm thứ tư trở đi</i></p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 161 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 88</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 150 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ: 4.000 kg</p> <p>5. Chế phẩm sinh học: 15 kg</p> <p>6. Nấm Trichoderma: 13 kg</p> <p>7. Vôi bột: 1.000 kg</p> <p>8. Thuốc BVTV: 6 lít</p> <p>9. Túi bao trái: 50.000 cái</p> <p>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ</p>		

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			<i>tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)</i>	
<i>đ Định mức triển khai</i>				
<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: 1 - 5 cái</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i></p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần</p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: 1 - 5 cái</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p>
48. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH TÁO THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) – Cây táo	Không quy định	Mô hình cây ăn quả (Cây táo)	Mô hình trồng, thâm canh táo theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng, thâm canh táo theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: cây táo	Không quy định	Đối tượng: cây táo	1. Đối tượng: cây táo	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP năm vào năm		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	Không quy định	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình (Nông dân đối ứng)</u>	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)		2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không quy định	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất) 1. Trụ gỗ: 500 cây 2. Cây choái: 500 cây 3. Dây thép kéo giàn: 1.200 kg 4. Giống trồng mới: 600 cây 5. Giống trồng dặm: 30 cây 6. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 7. Vôi bột: 500 kg		I. Năm thứ nhất 1. Giống - Trồng mới: 555 cây - Trồng dặm: 28 cây 2. N: 120 kg 3. P ₂ O ₅ : 89 kg 4. K ₂ O: 120 kg 5. HCVS: 1.000 tấn 6. Vôi: 500 kg 7. BVTV: 5 kg/lít II. Năm thứ hai 1. N: 138 kg 2. P ₂ O ₅ : 104 kg	I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất) 1. Trụ gỗ: 500 cây 2. Cây choái: 500 cây 3. Dây thép kéo giàn: 1.200 kg 4. Giống trồng mới: 600 cây 5. Giống trồng dặm: 30 cây 6. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 7. Vôi bột: 500 kg	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do hạng mục giống vật tư tối ưu nhất.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>8. Đạm nguyên chất (N): 230 kg</p> <p>6. Lân nguyên chất (P₂O₅): 80 kg</p> <p>7. Kali nguyên chất (K₂O): 210 kg</p> <p>8. Thuốc BVTV: 25 kg/lít (Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình)</p> <p><i>II. Giai đoạn kinh doanh (năm thứ hai trở đi)</i></p> <p>1. Phân hữu cơ sinh học: 3.300 kg</p> <p>2. Vôi bột: 500 kg</p> <p>3. Đạm nguyên chất (N): 276 kg</p> <p>4. Lân nguyên chất (P₂O₅): 120 kg</p> <p>5. Kali nguyên chất (K₂O): 210 kg</p> <p>6. Thuốc BVTV: 30 kg/lít (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali</p>		<p>3. K₂O: 150 kg</p> <p>4. HCVS: 2.000 tấn</p> <p>5. BVTV: 5 kg/lít</p>	<p>8. Đạm nguyên chất (N): 230 kg</p> <p>6. Lân nguyên chất (P₂O₅): 80 kg</p> <p>7. Kali nguyên chất (K₂O): 210 kg</p> <p>8. Thuốc BVTV: 25 kg/lít (Đảm bảo theo quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình)</p> <p><i>II. Giai đoạn kinh doanh (năm thứ hai trở đi)</i></p> <p>1. Phân hữu cơ sinh học: 3.300 kg</p> <p>2. Vôi bột: 500 kg</p> <p>3. Đạm nguyên chất (N): 276 kg</p> <p>4. Lân nguyên chất (P₂O₅): 120 kg</p> <p>5. Kali nguyên chất (K₂O): 210 kg</p> <p>6. Thuốc BVTV: 30 kg/lít (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)</i>			<i>nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)</i>	
<i>đ</i> Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 1 - 5 cái	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: <i>Không quy định</i> 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 4. Biên mô hình: <i>Không</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 1 - 5 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<i>quy định</i>			
49. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH NHO THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) – Cây nho	Không quy định	Mô hình cây ăn quả (Cây nho)	Mô hình trồng, thâm canh nho theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng, thâm canh nho theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” do thể hiện cụ thể đối tượng cây trồng và phù hợp với chủ trương của ngành là tạo ra sản phẩm an toàn.
<i>a. Yêu cầu chung</i>				
1. Đối tượng: cây nho	Không quy định	Đối tượng: cây nho	1. Đối tượng: cây nho	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP năm vào năm		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP	
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
<i>b. Định mức lao động</i>				
1. Công lao động phổ	Không quy định	1. Không quy định Công	1. Công lao động phổ	- Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)		lao động phổ thông	thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của <u>mô hình</u> (Nông dân đối ứng)	và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)		2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không có nội dung	Không quy định	Không quy định		Đề xuất <u>kế thừa bố cục và nội dung</u> theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d. Định mức giống, vật tư				
<i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i> 1. Giống - Trồng mới: 2.000 cây - Trồng dặm: 100 cây 2. Cột bê tông: 800 cột 3. Đạm nguyên chất (N): 220 kg 5. Lân nguyên chất	Không quy định	<i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i> 1. Giống - Trồng mới: 2.000 cây - Trồng dặm: 100 cây 2. Trụ trồng: 800 trụ 3. Đạm nguyên chất (N): 220 kg 5. Lân nguyên chất	<i>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)</i> 1. Giống - Trồng mới: 2.000 cây - Trồng dặm: 100 cây 2. Trụ trồng: 800 trụ 3. Đạm nguyên chất (N): 220 kg 5. Lân nguyên chất	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do hạng mục giống vật tư tối ưu nhất.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>(P₂O₅): 160 kg 6. Kali nguyên chất (K₂O): 300 kg 7. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 8. Vôi bột: 1.000 kg 9. Thuốc BVTV: 2.000.000 đồng <i>II. Giai đoạn kinh doanh (năm thứ ba trở đi)</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 276 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 300 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Vôi bột: 1.000 kg 6. Thuốc BVTV: 2.000.000 đồng <i>(TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi</i></p>		<p>(P₂O₅): 160 kg 6. Kali nguyên chất (K₂O): 300 kg 7. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 8. Vôi bột: 1.000 kg 9. Thuốc BVTV: 4kg/lít <i>II. Giai đoạn kinh doanh (năm thứ ba trở đi)</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 276 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 300 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 4 kg/lit</p>	<p>(P₂O₅): 160 kg 6. Kali nguyên chất (K₂O): 300 kg 7. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 8. Vôi bột: 1.000 kg 9. Thuốc BVTV: 4kg/lít <i>II. Giai đoạn kinh doanh (năm thứ ba trở đi)</i> 1. Đạm nguyên chất (N): 276 kg 2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 160 kg 3. Kali nguyên chất (K₂O): 300 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg 5. Thuốc BVTV: 4 kg/lit</p>	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)</i>				
<i>đ Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biễn mô hình: 1 - 5 cái	Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biễn mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biễn mô hình: 1 - 5 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
50. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH ĐỦ ĐỦ THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Mô hình trồng, thâm canh đu đủ	Mô hình cây ăn quả (cây đu đủ)	Mô hình trồng, thâm canh đu đủ theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh đu đủ theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng sản xuất Đu đủ phù hợp với chủ trương phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững.
<i>a. Yêu cầu chung</i>				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây đu đủ	1. Đối tượng: Cây đu đủ	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất bổ sung nội dung: “ <i>Sản xuất theo quy trình GAP</i> ” tại mục 2 và “ <i>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i> ” tại mục 3 dựa trên tham khảo yêu cầu chung của các mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt tại Quyết định số
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.	
		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				64/2024/QĐ-UBND
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 9 tháng (Ghi chú: Tính 0,5 ha/vụ/người)	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 9 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Giống trồng mới: 2.000 cây (2,5 x 2) 2. Đạm nguyên chất (N): 25 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 24 kg	1. Giống: 2.000 cây 2. Trồng dặm: 100 cây 3. N: 276 kg 4. P ₂ O ₅ : 256 kg 5. K ₂ O: 420 kg 6. Phân hữu cơ vi sinh: 4.000	1. Giống trồng mới: 2.000 cây 2. Giống trồng dặm: 100 cây 3. Đạm nguyên chất (N): 276 kg	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 24 kg 5. Vôi bột: 600 kg 6. Phân chuồng hoai mục: 20.000 kg 7. Phân hữu cơ sinh học: 4.000 kg 8. Thuốc BVTV: 15 kg (Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó)	kg 7. Vôi: 0,6 tấn 8. Thuốc BVTV: 15 kg/lít (Có thể sử dụng phân phức hợp, hỗn hợp và phân bón qua lá (DAP, NPK) để thay thế các loại phân đơn trên cơ sở quy đổi theo thành phần nguyên chất nhưng vẫn đảm bảo số lượng theo định mức)	4. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 256 kg 5. Kali nguyên chất (K ₂ O): 420 kg 6. Phân hữu cơ vi sinh: 4.000 kg 7. Vôi bột: 600 kg 8. Thuốc BVTV: 15 kg/lít (TCCS, Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...))	định mức các hạng mục tối ưu hơn. - Thay thế nội dung: “ <i>Có thể sử dụng phân phức hợp, hỗn hợp và phân bón qua lá (DAP, NPK) để thay thế các loại phân đơn trên cơ sở quy đổi theo thành phần nguyên chất nhưng vẫn đảm bảo số lượng theo định mức</i> ” thành “Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...”
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	(- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: ngày/HN - Hội nghị tổng kết: ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	(- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biển mô hình để phù hợp bố cục.
51. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH BƠ THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng, thâm canh bơ	Mô hình cây ăn quả (cây bơ)	Mô hình trồng, thâm canh bơ theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh bơ theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng sản xuất bơ phù hợp với chủ trương phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây bơ Không quy định	1. Đối tượng: Cây bơ 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP.	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất bổ sung nội dung: “ <i>Sản xuất theo quy trình GAP</i> ” tại mục 2 và “ <i>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i> ” tại mục 3 dựa trên tham khảo yêu cầu chung của các mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.	
		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND và
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 9	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 9	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	tháng (Ghi chú: Tính 5 ha/vụ/người)	- Quy mô: 5 ha	tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	18/2022 QĐ-UBND
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định		
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	<p>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)</p> <p>1. Giống trồng mới: 200 cây</p> <p>2. Giống trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm)</p> <p>3. Đạm nguyên chất (N): 50 kg</p> <p>4. Lân nguyên chất (P_2O_5): 35 kg</p> <p>5. Kali nguyên chất (K_2O): 40 kg</p> <p>6. Phân hữu cơ sinh học: 2.000 kg</p> <p>7. Vôi bột: 200 kg</p>	<p>I. Năm 1</p> <p>1. Giống: 200 cây</p> <p>2. Trồng dặm: 10 cây/ha</p> <p>3. N: 50 kg</p> <p>4. P_2O_5: 35 kg</p> <p>5. K_2O: 40 kg</p> <p>6. Phân hữu cơ sinh học: 2 tấn</p> <p>7. Vôi: 0,5 tấn</p> <p>8. Thuốc BVTV: 3 kg/lít</p> <p>II. Năm 2</p> <p>1. N: 50 kg</p> <p>2. P_2O_5: 35 kg</p> <p>3. K_2O: 40 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 2 tấn</p> <p>5. Vôi: 0,5 tấn</p> <p>6. Thuốc BVTV: 3 kg/lít</p> <p>III. \geq năm 3</p> <p>1. N: 90 kg</p>	<p>I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2)</p> <p>1. Giống trồng mới: 200 cây</p> <p>2. Giống trồng dặm: 10 cây (Cây giống ghép, mầm ghép \geq 30 cm)</p> <p>3. Đạm nguyên chất (N): 50 kg</p> <p>4. Lân nguyên chất (P_2O_5): 35 kg</p> <p>5. Kali nguyên chất (K_2O): 40 kg</p> <p>6. Phân hữu cơ sinh học: 2.000 kg</p> <p>7. Vôi bột: 200 kg</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN. Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất áp dụng định mức theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND nhằm đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<p>8. Thuốc BVTV: 1.500.000 đồng</p> <p>II. Năm thứ 3 trở đi</p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 90 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 70 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 2.500.000 đồng (Giống hỗ trợ năm thứ nhất.</p> <p>Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó.)</p>	<p>2. P₂O₅: 70 kg</p> <p>3. K₂O: 120 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3 tấn</p> <p>5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít (Có thể sử dụng phân phức hợp, hỗn hợp và phân bón qua lá (DAP, NPK) để thay thế các loại phân đơn trên cơ sở quy đổi theo thành phần nguyên chất nhưng vẫn đảm bảo số lượng theo định mức)</p>	<p>8. Thuốc BVTV: 3 kg/lít</p> <p>II. Năm thứ 3 trở đi</p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 90 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 70 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 120 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ sinh học: 3.000 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít (Giống hỗ trợ năm thứ nhất.</p> <p>Phân hữu cơ sinh học khi thay thế sang phân hữu cơ vi sinh hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân đó.)</p>	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: ngày/HN - Hội nghị tổng kết: ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái 	64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND và bổ sung mục biển mô hình để phù hợp với bộ cục.
52. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY VÚ SỮA THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng, thâm canh cây vú sữa	Không quy định	Mô hình trồng, thâm canh cây vú sữa theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh cây vú sữa theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng sản xuất vú

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				sửa phù hợp với chủ trương phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “<i>Sản xuất theo quy trình GAP</i>” và Yêu cầu về kỹ thuật: “<i>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i>” dựa trên tham khảo yêu cầu chung của các mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt tại Quyết định số 64/2024/QĐ-
	a. Định mức lao động		b. Định mức lao động	
	b. Định mức máy móc, thiết bị		c. Định mức máy móc, thiết bị	
	c. Định mức giống, vật tư		d. Định mức giống, vật tư	
	d. Định mức triển khai		đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				UBND - Riêng đối với hạng mục thuốc BVTV đề xuất thay thế số lượng từ “1.500.000 đồng” và “2.000.000 đồng” thành “05 kg/lít” và “07 kg/lít” nhằm bảo đảm đủ lượng vật tư thiết yếu theo quy trình kỹ thuật, đảm bảo tính thực tiễn, ổn định lâu dài và hạn chế tác động tiêu cực từ biến động lạm phát
53. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY BÒN BÓN THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng, thâm canh cây bón bón	Không quy định	Mô hình trồng, thâm canh cây bón bón theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng, thâm canh cây bón bón theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng sản xuất bón bón phù hợp với

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				chủ trương phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “<i>Sản xuất theo quy trình GAP</i>” và Yêu cầu về kỹ thuật: “<i>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i>” dựa trên tham khảo yêu cầu chung của các mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt tại Quyết định số 64/2024/QĐ-
	a. Định mức lao động		b. Định mức lao động	
	b. Định mức máy móc, thiết bị		c. Định mức máy móc, thiết bị	
	c. Định mức giống, vật tư		d. Định mức giống, vật tư	
	d. Định mức triển khai		đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				UBND
54. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH DỪA THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây ăn quả (cây dứa uống nước)	Mô hình trồng, thâm canh dứa theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên mô hình “Mô hình trồng, thâm canh dứa theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng sản xuất dứa phù hợp với chủ trương phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững.
<i>a. Yêu cầu chung</i>				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: dứa uống nước	1. Đối tượng: dứa uống nước	- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “ <i>Sản xuất theo quy trình GAP</i> ” và Yêu cầu về kỹ thuật: “ <i>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i> ” dựa trên tham khảo yêu cầu chung của các mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: <i>Sản xuất theo quy trình GAP</i>	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: <i>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i>	
		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	Không quy định	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
		2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 9 tháng (1 - 2 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
<i>c. Định mức máy móc, thiết bị</i>				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
<i>d. Định mức giống, vật tư</i>				
Không quy định	Không quy định	I. Năm 1, 2 1. Giống: 250 cây 2. N: 37 kg 3. P ₂ O ₅ : 32 kg 4. K ₂ O: 30 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 2 tấn	I. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm 2) 1. Giống trồng mới: 156 cây 2. Giống trồng dặm: 8 cây	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa định mức theo QĐ 726/QĐ-BNN nhằm giúp mô hình đáp ứng các tiêu chí kỹ

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		<p>6. Vôi: 1 tấn 7. Thuốc BVTV: 6 kg/lít II. \geq năm 3</p> <p>1. N: 115 kg 2. P₂O₅: 80 kg 3. K₂O: 150 kg 4. Phân hữu cơ vi sinh: 1 tấn 5. Chế phẩm sinh học: 10 kg/lít 6. Vôi: 1 tấn 7. Thuốc BVTV: 6 kg/lít (Có thể sử dụng phân phức hợp, hỗn hợp và phân bón qua lá (DAP, NPK) để thay thế các loại phân đơn trên cơ sở quy đổi theo thành phần nguyên chất nhưng vẫn đảm bảo số lượng theo định mức)</p>	<p>3. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg 4. Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 110 kg 5. Phân kali nguyên chất (K₂O): 70 kg 6. Phân hữu cơ sinh học: 1.500 kg 7. Vôi bột: 300 kg 8. Thuốc BVTV: 6 kg/lít II. Năm thứ 3</p> <p>1. Phân đạm nguyên chất (N): 70 kg 2. Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 110 kg 3. Phân kali nguyên chất (K₂O): 120 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 1.500 kg 5. Thuốc BVTV: 6 kg/lít III. Thời kỳ kinh doanh (năm thứ 4 trở đi)</p> <p>1. Phân đạm nguyên chất (N): 92 kg</p>	<p>thuật của GAP, tạo tiền đề thuận lợi để sản phẩm được cấp chứng nhận GAP.</p> <p>- Đề xuất kế thừa hạng mục thuốc BVTV theo QĐ 18/2022/QĐ-UBND (tính theo đơn vị khối lượng/thể tích) nhằm bảo đảm đủ lượng vật tư thiết yếu theo quy trình kỹ thuật, đồng thời bảo vệ quyền lợi của hộ dân tham gia mô hình trước các biến động về giá thị trường.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			2. Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 140 kg 3. Phân kali nguyên chất (K ₂ O): 180 kg 4. Phân hữu cơ sinh học: 1.500 kg 5. Thuốc BVTV: 6 kg/lít	
đ. Định mức triển khai				
Không quy định	Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biển mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biển mô hình: ≤10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo QĐ 726/QĐ-BNN-KN và bổ sung mục biển mô hình.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
55. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH DỨA, KHÓM THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây ăn quả (cây dứa, khóm)	Mô hình trồng, thâm canh dứa, khóm theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên mô hình “Mô hình trồng, thâm canh dứa, khóm theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng sản xuất dứa, khóm phù hợp với chủ trương phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “ <i>Sản xuất theo quy trình GAP</i> ” và Yêu cầu về kỹ thuật: “ <i>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP</i> ” dựa trên tham khảo yêu cầu chung của các mô hình trồng,
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				thâm canh cây ăn quả theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
56. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CHANH DÂY THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây ăn quả (cây chanh dây)	Mô hình trồng, thâm canh chanh dây theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất sử dụng tên mô hình “Mô hình trồng, thâm canh chanh dây theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng sản xuất chanh dây phù hợp với chủ trương phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: “ <i>Sản xuất theo quy trình GAP</i> ”
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ	d. Định mức giống, vật	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		thuật	tr	và Yêu cầu về kỹ thuật: “Sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP” dựa trên tham khảo yêu cầu chung của các mô hình trồng, thâm canh cây ăn quả theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	
57. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM LINH CHI				
Tên mô hình				
Mô hình sản xuất nấm (nấm linh chi)	Mô hình sản xuất nấm linh chi	Mô hình nấm ăn (nấm linh chi)	Mô hình sản xuất nấm linh chi	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình sản xuất nấm linh chi” theo Quyết định số 29/2024-UBND do thể hiện cụ thể đối tượng.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: nấm linh chi	Không quy định	1. Đối tượng: nấm linh chi	1. Đối tượng: Nấm linh chi	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn	đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
4. Thời gian thực hiện: 04 tháng		Thời gian triển khai: 4 tháng	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Người dân đối ứng)	1. Không quy định công lao động phổ thông.	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp) Ghi chú: Tính 20 tấn NL/người	2. Cán bộ chỉ đạo, phụ trách: 1 người - Quy mô: 10.000 bịch	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định		
d. Định mức giống, vật tư				
1. Giống: 60 chai. 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Cám và phụ gia: - Cám gạo: 50 kg (5%).	I. Giống: 60 chai. II. Vật tư 1. Nguyên liệu: 1.000 kg.	1. Phôi giống: 10.000 bịch 2. TST: 4kg 3. Vôi: 100 kg 4. Dây treo nilon: 10 kg	1. Giống: 60 chai. 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Cám và phụ gia:	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và 29/2024/QĐ-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<ul style="list-style-type: none"> - Cám ngô: 70 kg (7%). - Bột nhẹ (CaCO₃): 10 kg (1%). - Đường ăn: 50 kg (5%). 4. Túi PE (25 × 35): 10 kg. 5. Nút, bông, chun ...: 12 kg. 6. Giàn giá, dụng cụ: 2.000.000 đồng.	2. Cám và phụ gia: <ul style="list-style-type: none"> - Cám gạo: 50 kg (5%). - Cám ngô: 70 kg (7%). - Bột nhẹ (CaCO₃): 10 kg (1%). - Đường ăn: 50 kg (5%). 3. Túi PE (25 × 35): 10 kg. 4. Nút, bông, chun ...: 12 kg. 5. Giàn giá, dụng cụ: 2.000.000 đồng.	5. Lưới lan giảm nhiệt: 200 m ² 6. Nhiệt kế: 1 cái 7. Ẩm kế: 1 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Cám gạo: 50 kg (5%). - Cám ngô: 70 kg (7%). - Bột nhẹ (CaCO₃): 10 kg (1%). - Đường ăn: 50 kg (5%). 4. Túi PE (25 × 35): 10 kg. 5. Nút, bông, chun ...: 12 kg. 6. Giàn giá, dụng cụ: 2.000.000 đồng.	UBND do phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
<i>d. Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô hình <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) 	1. Tập huấn xây dựng mô hình <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 02 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	1. Tập huấn kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 2 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 	1. Tập huấn xây dựng mô hình <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN 	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
- Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biểu mô hình: 01 cái	- Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biểu mô hình: <i>Không quy định</i>	4. Biểu mô hình: <i>Không quy định</i>	(01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biểu mô hình: 01 cái	
58. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NĂM BÀO NGƯ (SÒ)				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất năm (năm sò)	Mô hình sản xuất năm bào ngư (sò)	Mô hình năm ăn (năm sò)	Mô hình sản xuất năm bào ngư (sò)	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình sản xuất năm bào ngư (sò)” theo Quyết định số 29/2024-UBND do thể hiện cụ thể đối tượng.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: năm sò	Không quy định	1. Đối tượng: năm sò	1. Đối tượng: Năm bào ngư (sò)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn	
4. Thời gian thực hiện: 04		Thời gian triển khai: 4	4. Thời gian thực hiện:	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
tháng		tháng	04 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Người dân đối ứng)	1. Không quy định công lao động phổ thông.	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp) Ghi chú: Tính 20 tấn NL/người	2. Cán bộ chỉ đạo, phụ trách: 1 người - Quy mô: 10.000 bịch	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định		
d. Định mức giống, vật tư				
1. Giống: 45 chai. 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Túi PE (30 x 45): 6 kg. 4. Nút, bông, chun ...: 12 kg. 5. Giàn giá, dụng cụ: 2.000.000 đồng.	I. Giống: 45 chai. II. Vật tư 1. Nguyên liệu: 1.000 kg. 2. Túi PE (30 x 45): 6 kg. 3. Nút, bông, chun ...:	1. Phôi giống: 10.000 bịch 2. TST: 4 kg 3. Vôi: 100 kg 4. Dây treo nilon: 10 kg 5. Lưới lan giảm nhiệt: 200 m ² 6. Nhiệt kế: 1 cái	1. Giống: 45 chai. 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Túi PE (30 x 45): 6 kg. 4. Nút, bông, chun ...: 12 kg.	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	12 kg. 4. Giàn giá, dụng cụ: 2.000.000 đồng.	7. Âm kệ: 1 cái	5. Giàn giá, dụng cụ: 2.000.000 đồng.	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 01 cái	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 02 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 2 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 01 cái	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
59. MÔ HÌNH NUÔI TRỒNG NẤM BÀO NGƯ THEO HƯỚNG HỮU CƠ				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Mô hình nuôi trồng nấm bào ngư theo hướng hữu	Đây là mô hình đề xuất mới. Các nội dung về

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			ơ	<p>ĐMKT KT căn cứ kết quả nhiệm vụ “Cải tiến quy trình nuôi trồng nấm bào ngư xám (Pleurotus ostreatus) theo hướng hữu cơ”. Nhiệm vụ đã được nghiệm thu năm 2023 (giao nộp tại sở KH&CN TPHCM gồm: BC24001777- cải tiến quy trình nuôi trồng nấm bào ngư xám (Pleurotus ostreatus) theo hướng hữu cơ”).</p> <p>- Căn cứ kết quả các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng tại Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao – Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao.</p>
60. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM MỘC NHĨ (NẤM MÈO)				
<i>Tên mô hình</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Mô hình sản xuất nấm (nấm mộc nhĩ)	Mô hình sản xuất nấm mộc nhĩ (nấm mèo)	Mô hình nấm ăn (nấm mèo)	Mô hình sản xuất nấm mộc nhĩ (nấm mèo)	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình sản xuất nấm mộc nhĩ (nấm mèo)” theo Quyết định số 29/2024-UBND do thể hiện rõ cụ thể đối tượng.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: nấm mộc nhĩ	Không quy định	1. Đối tượng: nấm mèo	1. Đối tượng: Nấm mộc nhĩ (nấm mèo)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn	
4. Thời gian thực hiện: 04 tháng		Thời gian triển khai: 4 tháng	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Người dân đối ứng)	1. Không quy định công lao động phổ thông.	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng	2. Cán bộ chỉ đạo,	2. Cán bộ chỉ đạo, phụ	2. Cán bộ chỉ đạo,	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp) Ghi chú: Tính 20 tấn NL/người	trách: 1 người - Quy mô: 10.000 bịch	hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định		
d. Định mức giống, vật tư				
<ol style="list-style-type: none"> Giống: 1.800 que. Nguyên liệu: 1.000 kg. Cám và phụ gia: - Cám gạo: 50 kg (5%). - Bột nhẹ (CaCO₃): 10 kg (1%). - MgSO₄: 1 kg (1,5%) - KH₂PO₄: 0,5 kg (0,5 ‰) Túi PE (19 x 38): 10 kg. Nút, bông, chun ...: 12 kg. Giàn giá, dụng cụ: 1.500.000 đồng 	<ol style="list-style-type: none"> Giống: 1.800 que. Nguyên liệu: 1.000 kg. Cám và phụ gia: - Cám gạo: 50 kg (5%). - Bột nhẹ (CaCO₃): 10 kg (1%). - MgSO₄: 1 kg (1,5%) - KH₂PO₄: 0,5 kg (0,5 ‰) Túi PE (19 x 38): 10 kg. Nút, bông, chun ...: 12 kg. Giàn giá, dụng cụ: 	<ol style="list-style-type: none"> Phôi giống: 10.000 bịch TST: 4 kg Vôi: 100 kg Dây treo nilon: 10 kg Lưới lan giảm nhiệt: 200 m² Nhiệt kế: 1 cái Ấm kế: 1 cái 	<ol style="list-style-type: none"> Giống: 1.800 que. Nguyên liệu: 1.000 kg. Cám và phụ gia: - Cám gạo: 50 kg (5%). - Bột nhẹ (CaCO₃): 10 kg (1%). - MgSO₄: 1 kg (1,5%) - KH₂PO₄: 0,5 kg (0,5 ‰) Túi PE (19 x 38): 10 kg. Nút, bông, chun ...: 12 kg. Giàn giá, dụng cụ: 	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	1.500.000 đồng		1.500.000 đồng	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày <p>(- Theo quy trình kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: 01 cái</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 02 ngày <p>(- Theo quy trình kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN <p>3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 2 lần - Thời gian: Không quy định <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần</p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần <p>4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i></p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày <p>(- Theo quy trình kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) <p>3. Biên mô hình: 01 cái</p>	<p>Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.</p>
61. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM RƠM				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất nấm (nấm rơm)	Mô hình sản xuất nấm rơm	Mô hình nấm ăn (nấm rơm)	Mô hình sản xuất nấm rơm	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình sản xuất nấm rơm” theo Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				định số 29/2024/QĐ-UBND do thể hiện cụ thể đối tượng.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: nấm rơm	Không quy định	1. Đối tượng: nấm rơm	1. Đối tượng: Nấm rơm	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn	
4. Thời gian thực hiện: 04 tháng		Thời gian triển khai: 4 tháng	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Người dân đối ứng)	1. Không quy định công lao động phổ thông.	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	2. Cán bộ chỉ đạo, phụ trách: 1 người - Quy mô: 10.000 bịch	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	Ghi chú: Tính 20 tấn NL/người			
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định		
d. Định mức giống, vật tư				
1. Giống: 15 kg 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Giàn giá, dụng cụ: 1.000.000 đồng	1. Giống: 15 kg 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Giàn giá, dụng cụ: 1.000.000 đồng	1. Phôi giống: 10.000 bịch 2. TST: 4 kg 3. Vôi: 100 kg 4. Dây treo nilon: 10 kg 5. Lưới lan giảm nhiệt: 200 m ² 6. Nhiệt kế: 1 cái 7. Âm kế: 1 cái	1. Giống: 15 kg 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Giàn giá, dụng cụ: 1.000.000 đồng	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN
đ. Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 02 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 2 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
(01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 01 cái	kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 01 cái	
62. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NĂM KIM CHÂM				
Tên mô hình				
Mô hình sản xuất năm (năm kim châm)	Không quy định	Mô hình năm ăn (năm kim châm)	Mô hình sản xuất năm kim châm	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình sản xuất năm kim châm” nhằm thể hiện cụ thể đối tượng.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: năm kim châm	Không quy định	1. Đối tượng: năm kim châm	1. Đối tượng: Năm kim châm	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn	
4. Thời gian thực hiện: 04 tháng		Thời gian triển khai: 4 tháng	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Không quy định	1. Không quy định công lao động phổ thông.	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)		2. Cán bộ chỉ đạo, phụ trách: 1 người - Quy mô: 10.000 bịch	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định		
d. Định mức giống, vật tư				
1. Giống: 60 chai 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Túi PE (25 x 35): 10 kg. 4. Nút, bông, chun ...: 12 kg. 5. Cám và phụ gia: - Cám gạo: 200 kg (20%). - Cám ngô: 50 kg (5%). - Bột đậu tương: 20 kg	Không quy định	1. Phôi giống: 10.000 bịch 2. TST: 4 kg 3. Vôi: 100 kg 4. Dây treo nilon: 10 kg 5. Lưới lan giảm nhiệt: 200 m ² 6. Nhiệt kế: 1 cái 7. Âm kế: 1 cái	1. Giống: 60 chai 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Túi PE (25 x 35): 10 kg. 4. Nút, bông, chun ...: 12 kg. 5. Cám và phụ gia: - Cám gạo: 200 kg (20%).	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
(2%) - Bột nhẹ (CaCO ₃): 10 kg (1%). - Đường ăn: 5 kg (0,5%) 6. Giàn giá, dụng cụ: 2.000.000 đồng			- Cám ngô: 50 kg (5%). - Bột đậu tương: 20 kg (2%) - Bột nhẹ (CaCO ₃): 10 kg (1%). - Đường ăn: 5 kg (0,5%) 6. Giàn giá, dụng cụ: 2.000.000 đồng	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 01 cái	Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 2 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 01 cái	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
63. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM ĐÙI GÀ				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất nấm (nấm đùi gà)	Không quy định	Mô hình nấm ăn (nấm đùi gà)	Mô hình sản xuất nấm đùi gà	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình sản xuất nấm đùi gà” nhằm thể hiện cụ thể đối tượng.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: nấm đùi gà	Không quy định	1. Đối tượng: nấm đùi gà	1. Đối tượng: Nấm đùi gà	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn	
4. Thời gian thực hiện: 04 tháng		Thời gian triển khai: 4 tháng	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Không quy định	1. Không quy định công lao động phổ thông.	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng		2. Cán bộ chỉ đạo, phụ	2. Cán bộ chỉ đạo,	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)		trách: 1 người - Quy mô: 10.000 bịch	hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định		
d. Định mức giống, vật tư				
1. Giống: 60 chai 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Túi PE (25 x 35): 10 kg. 4. Nút, bông, chun ...: 12 kg. 5. Cám và phụ gia: - Cám gạo: 200 kg (20%). - Cám ngô: 50 kg (5%). - Bột đậu tương: 20 kg (2%) - Bột nhẹ (CaCO ₃): 10 kg (1%). - Đường ăn: 5 kg (0,5%) 6. Giàn giá, dụng cụ: 2.000.000 đồng	Không quy định	1. Phôi giống: 10.000 bịch 2. TST: 4 kg 3. Vôi: 100 kg 4. Dây treo nylon: 10 kg 5. Lưới lan giảm nhiệt: 200 m ² 6. Nhiệt kế: 1 cái 7. Âm kế: 1 cái	1. Giống: 60 chai 2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Túi PE (25 x 35): 10 kg. 4. Nút, bông, chun ...: 12 kg. 5. Cám và phụ gia: - Cám gạo: 200 kg (20%). - Cám ngô: 50 kg (5%). - Bột đậu tương: 20 kg (2%) - Bột nhẹ (CaCO ₃): 10 kg (1%). - Đường ăn: 5 kg (0,5%) 6. Giàn giá, dụng cụ:	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			2.000.000 đồng	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 01 cái	Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 2 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 01 cái	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
64. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NĂM MỠ				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất năm (năm mỡ)	Không quy định	Mô hình năm ăn (năm mỡ)	Mô hình sản xuất năm mỡ	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình sản xuất năm mỡ” nhằm thể hiện cụ thể đối tượng.
<i>a. Yêu cầu chung</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
1. Đối tượng: năm mỡ	Không quy định	1. Đối tượng: năm mỡ	1. Đối tượng: Năm mỡ	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình an toàn	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn	
4. Thời gian thực hiện: 04 tháng		Thời gian triển khai: 4 tháng	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Không quy định	1. Không quy định công lao động phổ thông.	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)		2. Cán bộ chỉ đạo, phụ trách: 1 người - Quy mô: 10.000 bịch	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định		
d. Định mức giống, vật tư				
1. Giống: 15 kg	Không quy định	1. Phôi giống: 10.000 bịch	1. Giống: 15 kg	Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Đạm SA (Sulfatamon): 20 kg. Đạm Urê: 5 kg 4. Supe lân: 30 kg. 5. Bột nhẹ (CaCO ₃): 30 kg.		2. TST: 4 kg 3. Vôi: 100 kg 4. Dây treo nilon: 10 kg 5. Lưới lan giảm nhiệt: 200 m ² 6. Nhiệt kế: 1 cái 7. Âm kế: 1 cái	2. Nguyên liệu: 1.000 kg. 3. Đạm SA (Sulfatamon): 20 kg. Đạm Urê: 5 kg 4. Supe lân: 30 kg. 5. Bột nhẹ (CaCO ₃): 30 kg.	và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN.
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 01 cái	Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 2 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: 01 cái	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có bố cục rõ ràng, logic và nội dung đầy đủ, thuận lợi cho việc tổng hợp, kế thừa và áp dụng.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
65. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM HƯƠNG				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất nấm (nấm hương)	Không quy định	Không quy định	Mô hình sản xuất nấm hương	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình sản xuất nấm hương” nhằm thể hiện cụ thể đối tượng.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
a. Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
b. Định mức lao động			b. Định mức lao động	
c. Định mức máy móc, thiết bị			c. Định mức máy móc, thiết bị	
d. Định mức giống, vật tư			d. Định mức giống, vật tư	
đ. Định mức triển khai			đ. Định mức triển khai	
66. MÔ HÌNH NUÔI TRỒNG NẤM HƯƠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO (IoT)				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Mô hình nuôi trồng nấm hương ứng dụng công nghệ cao (IoT)	Mô hình đề xuất mới căn cứ vào: - Kết quả nhiệm vụ: Xây dựng mô hình trồng nấm Hương (<i>Lentinula edodes</i>); Tuyển chọn các chủng nấm hương có nguồn gốc bản địa và các chủng thương mại ngoại

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>nhập làm nguồn vật liệu định hướng lai tạo cải thiện năng suất và chất lượng của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao. Các nhiệm vụ đã được nghiệm thu năm 2022, 2023.</p> <p>- Quy trình đã được áp dụng tại Tổ Hợp tác năm Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM (cũ).</p>
67. MÔ HÌNH TRỒNG NẤM MỐI ĐEN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO (IoT)				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng nấm mối đen ứng dụng IoT	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng nấm mối đen ứng dụng công nghệ cao (IoT)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng nấm mối đen ứng dụng I công nghệ cao (IoT)” nhằm thể hiện rõ đây là mô hình công nghệ cao
Các nội dung theo ĐMKT KT				
				Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				UBND.
68. MÔ HÌNH TRỒNG NĂM CHÂN DÀI ỨNG DỤNG IoT				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng năm chân dài ứng dụng IoT	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng năm chân dài ứng dụng công nghệ cao (IoT)	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình trồng năm chân dài ứng dụng công nghệ cao (IoT)” nhằm thể hiện rõ đây là mô hình công nghệ cao.
<i>Các nội dung theo ĐMKT KT</i>				
				Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
69. MÔ HÌNH TRỒNG NĂM NHỘNG TRÙNG THẢO ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng năm nhộng trùng thảo	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng năm nhộng trùng thảo ứng dụng công nghệ cao.	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình trồng năm nhộng trùng thảo ứng dụng công nghệ cao” nhằm thể hiện rõ đây là mô hình công nghệ cao.
<i>Các nội dung theo ĐMKT KT</i>				
				Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
70. MÔ HÌNH NUÔI TRỒNG NẤM NHỘNG TRÙNG THẢO (<i>Cordycep militaris</i>) TRÊN CƠ CHẤT THỰC VẬT ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Mô hình nuôi trồng nấm nhộng trùng thảo (<i>cordycep militaris</i>) trên cơ chất thực vật ứng dụng công nghệ cao	Mô hình đề xuất mới: - Căn cứ kết quả nhiệm vụ: Nghiên cứu thử nghiệm nuôi trồng nấm nhộng trùng thảo (<i>Cordyceps militaris</i>) trên cơ chất thực vật (2023)” của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao. Nhiệm vụ đã được nghiệm thu năm 2023, đăng ký giao nộp tại Sở KH&CN TP.HCM số BC24001761.
71. MÔ HÌNH NUÔI TRỒNG NẤM SỮA TRÊN MÔI TRƯỜNG KHÔNG SỬ DỤNG NGUỒN ĐẠM VÔ CƠ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Mô hình nuôi trồng nấm sữa trên môi trường	Mô hình đề xuất mới: - Căn cứ dựa trên tiến bộ

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			không sử dụng nguồn đạm vô cơ ứng dụng công nghệ cao.	kỹ thuật: “Quy trình sản xuất nấm sữa (<i>Calocybe indica</i>) trên môi trường không sử dụng nguồn đạm vô cơ” theo Quyết định số 708/QĐ-BNN-KHCN ngày 18/02/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về “Danh mục tiên bộ kỹ thuật trong nông nghiệp”. - Căn cứ kết quả các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng tại Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao - Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao.
72. MÔ HÌNH NUÔI TRỒNG NẤM BÀO NGƯ YÊN TRONG LỌ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Mô hình nuôi trồng nấm bào ngư yên trong lọ ứng dụng công nghệ cao	Mô hình đề xuất mới: - Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ: “Xây dựng quy trình nuôi trồng

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>trong lọ quy mô sản xuất thử nghiệm các giống nấm bào ngư (<i>Pleurotus spp.</i>) ở Thành phố Hồ Chí Minh” của Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao. Đề tài đã giao nộp tại sở KH&CN TPHCM gồm BC23001579</p> <p>- Căn cứ vào tiến bộ kỹ thuật: “Quy trình nuôi trồng nấm bào ngư yếm (<i>Pleurotus ostreatus</i>) trong lọ áp dụng hệ thống điều khiển tự động” (Theo Quyết định số 359/QĐ-TT-CTL ngày 24/07/2024 của Cục Trồng trọt - Bộ NNPTNT).</p>
73. MÔ HÌNH SẢN XUẤT GỪNG				
<i>Tên mô hình</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Mô hình trồng cây gừng	Mô hình cây dược liệu hằng năm (cây gừng)	Mô hình sản xuất Gừng	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình sản xuất Gừng”.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây gừng Không quy định	1. Đối tượng: Cây Gừng. 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình GAP” tại mục 2 và “Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng gừng theo GAP” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn	
		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Phù hợp với quy trình kỹ thuật (Người dân đối ứng)	Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 9 tháng (năm 1: 9 tháng) (Trung cấp trở lên; chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 3-6 ha/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp).	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án).	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án).	- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	1. Củ giống: 1.300 kg (củ không sâu bệnh) 2. Phân bón NPK: + Năm 1: 520 kg + Năm 2: 520 kg + Năm 3: 520 kg (TCCS)	1. Giống: 3.000 kg củ 2. Trồng dặm: 150 kg củ 3. N: 69 kg 4. P ₂ O ₅ : 48 kg 5. K ₂ O: 30 kg 6. Phân hữu cơ vi sinh: 0,2 tấn 7. Vôi: 0,2 tấn 8. Thuốc BVTV: 7 kg/lít	1. Giống: 3.000 kg củ 2. Trồng dặm: 150 kg củ 3. Đạm nguyên chất (N): 69 kg 4. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 48 kg 5. Kali nguyên chất (K ₂ O): 30 kg 6. Phân hữu cơ vi sinh: 200 kg 7. Vôi: 200 kg 8. Thuốc BVTV: 7 kg/lít	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do có mức hỗ trợ tốt hơn cho người tham gia mô hình.
<i>d. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	- Hội nghị sơ kết: ngày/HN - Hội nghị tổng kết: ngày/HN 3. Biểu mô hình: <i>Không quy định</i>	4. Biểu mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biểu mô hình: ≤10 cái	bảo không vượt quá định mức quy định.
74. MÔ HÌNH SẢN XUẤT ĐÌNH LĂNG				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng cây đình lăng	Mô hình cây dược liệu lâu năm (cây đình lăng)	Mô hình sản xuất Đình lăng	Đề xuất sử dụng tên “Mô hình sản xuất Đình lăng”.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Cây đình lăng	1. Đối tượng: Đình lăng. 2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình GAP” tại mục 2 và “- Đối với mô hình trồng mới: Tỷ lệ sống các hom trên 85%. - Đối với mô hình thâm canh: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: - - Đối với mô hình trồng mới: Tỷ lệ sống các hom trên 85%. - Đối với mô hình thâm canh: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.	
		Không quy định	4. Thời gian thực hiện:	
		Thời gian triển khai: 09 tháng	09 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				hình/điểm trình diễn trồng, thâm canh hà thủ ô, đing lăng” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Phù hợp với quy trình kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 20 tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 7 tháng, năm 3: 5 tháng) (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 3-6 ha/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 2 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp).	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án).	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án).	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	<ol style="list-style-type: none"> Giống trồng mới: 25.000 cây Cây giống trồng dặm (5%): 1.250 cây Phân hữu cơ vi sinh + Năm 1, năm 2, năm 3: 2.500 kg/năm Đạm nguyên chất (N) + Năm 1, năm 2, năm 3: 100 kg/năm Lân nguyên chất (P₂O₅) + Năm 1, năm 2, năm 3: 100 kg/năm 	<ol style="list-style-type: none"> Năm 1: <ol style="list-style-type: none"> Giống: 25.000 cây Trồng dặm: 1.250 cây N: 100 kg P₂O₅: 100 kg K₂O: 150 kg Phân hữu cơ vi sinh: 2,5 tấn Thuốc BVTV: 8 kg/lít Năm 2: <ol style="list-style-type: none"> N: 100 kg P₂O₅: 100 kg K₂O: 150 kg 	<ol style="list-style-type: none"> Năm 1: <ol style="list-style-type: none"> Giống trồng mới: 25.000 cây Giống trồng dặm (5%): 1.250 cây Đạm nguyên chất (N): 100 kg Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg Kali nguyên chất (K₂O): 150 kg Phân hữu cơ vi sinh: 2.500 kg 	<ul style="list-style-type: none"> Đề xuất kế thừa bộ cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do có mức hỗ trợ tốt hơn cho người tham gia mô hình.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	6. Kali nguyên chất (K ₂ O) + Năm 1, năm 2, năm 3: 150 kg/năm 7. Chế phẩm sinh học/Thuốc BVTV + Trồng mới: 5 triệu đồng/năm + Năm 2 và năm 3: 1 triệu đồng/năm (Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)	4. Phân hữu cơ vi sinh: 2,5 tấn 5. Thuốc BVTV: 2 kg/lít II. Năm 3 1. N: 100 kg 2. P ₂ O ₅ : 100 kg 3. K ₂ O: 150 kg 4. Phân hữu cơ vi sinh: 2,5 tấn 5. Thuốc BVTV: 2 kg/lít	7. Thuốc BVTV: 8 kg/lít II. Năm 2 1. Đạm nguyên chất (N): 100 kg 2. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 150 kg 4. Phân hữu cơ vi sinh: 2.500 kg 5. Thuốc BVTV: 2 kg/lít III. Năm 3 1. Đạm nguyên chất (N): 100 kg 2. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 100 kg 3. Kali nguyên chất (K ₂ O): 150 kg 4. Phân hữu cơ vi sinh: 2.500 kg 5. Thuốc BVTV: 2 kg/lít	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<ul style="list-style-type: none"> - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: ngày/HN - Hội nghị tổng kết: ngày/HN 3. Biện mô hình: <i>Không quy định</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: ≤10 cái 	<ul style="list-style-type: none"> định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biện mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
75. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NGHỆ				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng cây nghệ thâm canh	Mô hình cây dược liệu hằng năm (cây nghệ)	Mô hình sản xuất Nghệ	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Nghệ”
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây nghệ	1. Đối tượng: Cây Nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP.	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống các hom trên 90%.	dung: “Sản xuất theo quy trình GAP” tại mục 2 và “Tỷ lệ sống các hom trên 90%.” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng nghệ, sả (cây)” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
		Thời gian triển khai: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Phù hợp với quy trình kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 12 tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 4 tháng) (Trung cấp trở lên; chuyên môn)	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp).	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	phù hợp); Ghi chú: Tính 3-6 ha/người			linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án).	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án).	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	I. Áp dụng cho trồng thuần 1. Giống: 50.000 củ (4.000 kg) 2. Phân bón + Phân vi sinh: 2.000 kg + Đạm nguyên chất (N): 200 kg + Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 120 kg	1. Giống: 3.000 kg củ 2. Giống dậm: 150 kg củ 3. Phân hữu cơ sinh học: 4 tấn 4. Phân hữu cơ vi sinh: 2 tấn 5. Thuốc BVTV: 10 kg/lít	I. Áp dụng cho trồng thuần 1. Giống: 50.000 củ (4.000 kg) 2. Phân bón + Phân vi sinh: 2.000 kg + Đạm nguyên chất (N): 200 kg + Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 120 kg	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	+ Kali nguyên chất (K ₂ O): 200 kg II. Áp dụng trồng xen 1. Giống: 25.000 củ (2.000 kg) 2. Phân bón + Phân vi sinh: 2.000 kg + Đạm nguyên chất (N): 100 kg + Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 90 kg + Kali nguyên chất (K ₂ O): 100 kg (TCCS)		+ Kali nguyên chất (K ₂ O): 200 kg II. Áp dụng trồng xen 1. Giống: 25.000 củ (2.000 kg) 2. Phân bón + Phân vi sinh: 2.000 kg + Đạm nguyên chất (N): 100 kg + Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 90 kg + Kali nguyên chất (K ₂ O): 100 kg (TCCS)	
<i>d. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	- Hội nghị sơ kết: ngày/HN - Hội nghị tổng kết: ngày/HN 3. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: ≤10 cái	từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
76. MÔ HÌNH SẢN XUẤT SẢ				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dược liệu hàng năm (cây sả)	Mô hình sản xuất Sả	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Sả”.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống các hom trên 90%”
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng nghệ, sả (cây)” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
77. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NHA ĐAM				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dược liệu hàng năm (cây nha đam)	Mô hình sản xuất Nha đam	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Nha đam”.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” dựa trên tham khảo
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>“Mô hình/điểm trình diễn trồng, thâm canh cây nha đam theo GAP” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
78. MÔ HÌNH SẢN XUẤT GIÁO CỎ LAM				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dược liệu hàng năm (cây giáo cỏ lam)	Mô hình sản xuất Giáo cỏ lam	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Giáo cỏ lam”.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>toàn” dựa trên tham khảo Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt nhóm cây Dược liệu tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
79. MÔ HÌNH SẢN XUẤT DIỆP HẠ CHÂU				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dược liệu hàng năm (cây diệp hạ châu)	Mô hình sản xuất Diệp hạ châu	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Diệp hạ châu”.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” dựa trên tham khảo Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt nhóm cây Dược liệu tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				cải nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
80. MÔ HÌNH SẢN XUẤT KHOAI MÀI (HOÀI SƠN)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dục liệu hàng năm (cây khoai mài/hoài sơn)	Mô hình sản xuất Khoai mài (Hoài sơn)	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Khoai mài (Hoài sơn)”.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng; Sản xuất
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” dựa trên tham khảo Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt nhóm cây Dược liệu tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
81. MÔ HÌNH SẢN XUẤT XẠ ĐEN				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dược liệu hàng năm (Xạ đen)	Mô hình sản xuất xạ đen	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất xạ đen”.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” dựa trên tham khảo Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt nhóm cây Dược liệu tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
82. MÔ HÌNH SẢN XUẤT SÂM (ĐẰNG SÂM, SƯƠNG SÂM, BỔ CHÍNH)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dược liệu hàng năm (đẳng sâm, sương sâm, bổ chính)	Mô hình sản xuất sâm (đẳng sâm, sương sâm, bổ chính)	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất sâm (đẳng sâm, sương sâm, bổ chính)”.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	<p>- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” dựa trên tham khảo Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt nhóm cây Dược liệu tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
83. MÔ HÌNH SẢN XUẤT BA KÍCH				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dược liệu lâu năm (cây ba kích)	Mô hình sản xuất Ba kích	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Ba kích”
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số</p>
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ	d. Định mức giống, vật	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		thuật	tr	18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: - Đối với mô hình trồng mới: Tỷ lệ sống các hom trên 85%. - Đối với mô hình thâm canh: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.” dựa trên tham khảo Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt nhóm cây Dược liệu tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. - Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
84. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NHÀU				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dước liệu lâu năm (cây nhàu)	Mô hình sản xuất Nhàu	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Nhàu”.
<i>Các nội dung theo ĐMKT KT</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.</p> <p>- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” dựa trên tham khảo Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt nhóm cây Dược liệu tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo,</p>
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
85. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CHÙM NGÂY				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dước liệu lâu năm (cây chùm ngây)	Mô hình sản xuất Chùm ngây	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Chùm ngây”.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: - Đối với mô hình trồng mới: Tỷ lệ sống các hom trên 85%. - Đối với mô hình thâm canh: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.” dựa trên tham khảo Định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt nhóm cây Dược liệu tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				định mức quy định.
86. MÔ HÌNH SẢN XUẤT GÁC				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây dược liệu lâu năm (cây gác)	Mô hình sản xuất Gác	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Gác”.
<i>Các nội dung theo ĐMKTKT</i>				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn. Năng suất ≥ 20 tấn/ha/vụ” dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng gác theo GAP” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤ 10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				định mức quy định.
87. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình trồng cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình trồng cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao” theo Quyết định số 64/2024-UBND.
<i>Các nội dung theo ĐMKT KT</i>				
				Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
88. MÔ HÌNH SẢN XUẤT ĐẬU PHỘNG (LẠC) THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình sản xuất đậu (đậu phộng, đậu xanh, đậu nành...)	Mô hình cây công nghiệp ngắn ngày (cây đậu phộng)	Mô hình sản xuất đậu phộng (lạc) theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất đậu phộng (lạc) theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng quy trình canh tác an toàn, đảm bảo chất lượng nông sản và phù hợp với xu thế

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				phát triển bền vững.
<i>Yêu cầu chung</i>				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Cây đậu phộng	1. Đối tượng: Cây đậu phộng (lạc)	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo tiêu chuẩn GAP” tại mục 2 và “Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng đậu phộng theo GAP tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 04 tháng theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo tiêu chuẩn GAP.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.	
		Thời gian triển khai: 5 tháng	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng.	
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	kỹ thuật (Người dân đối ứng)		kỹ thuật (Người dân đối ứng)	64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 4 tháng (Ghi chú: Tính 10 ha/vụ/người)	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 10 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (≤10 ha: cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp).	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Máy làm đất (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án).	Không quy định	Máy làm đất (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án).	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Giống: 220 kg (cấp Xác nhận trở lên)	1. Giống: 240 kg 2. N: 36 kg	1. Giống: 220 kg (cấp Xác nhận trở lên)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	2. Đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 120 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 90 kg 5. Thuốc BVTV: 1.000.000 – 2.000.000 đồng 6. Nilon che phủ: 100 kg 7. Phân hữu cơ sinh học: 1.000 kg 8. Vôi bột: 500 kg (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)	3. P ₂ O ₅ : 96 kg 4. K ₂ O: 120 kg 5. HCVS: 1,5 tấn 6. Vôi: 0,5 tấn 7. Thuốc BVTV: 5 kg/lít	2. Đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 120 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 90 kg 5. Thuốc BVTV: 5 kg/lít 6. Nilon che phủ: 100 kg 7. Phân hữu cơ sinh học: 1.000 kg 8. Vôi bột: 500 kg (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)	64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN. - Đề xuất kế thừa hạng mục thuốc BVTV theo QĐ 18/2022/QĐ-UBND (tính theo đơn vị khối lượng/thể tích) nhằm bảo đảm đủ lượng vật tư thiết yếu theo quy trình kỹ thuật, đồng thời bảo vệ quyền lợi của hộ dân tham gia mô hình trước các biến động về giá thị trường.
đ. Định mức triển khai				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	(- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: ngày/HN - Hội nghị tổng kết: ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	(- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
89. MÔ HÌNH SẢN XUẤT ĐẬU TƯƠNG (ĐẬU NÀNH) THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình sản xuất đậu (đậu phộng, đậu xanh, đậu nành...)	Mô hình cây công nghiệp ngắn ngày (cây đậu tương)	Mô hình sản xuất đậu tương (đậu nành) theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất đậu tương (đậu nành) theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng quy trình canh tác an toàn, đảm bảo chất lượng nông sản

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				và phù hợp với xu thế phát triển bền vững.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Cây đậu tương	1. Đối tượng: Cây đậu tương (đậu nành)	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo tiêu chuẩn GAP” tại mục 2 và “Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng đậu xanh, đậu đỏ, đậu đen và đậu nành theo GAP” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 05 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo tiêu chuẩn GAP.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.	
		Thời gian triển khai: 5 tháng	4. Thời gian thực hiện: 05 tháng	
b. Định mức lao động				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 4 tháng (Ghi chú: Tính 10 ha/vụ/người)	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 10 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 05 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Máy làm đất (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Máy làm đất (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	1. Giống: 90 kg (cấp Xác nhận trở lên) 2. Đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 90 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 80 kg 5. Thuốc BVTV: 1.000.000 – 2.000.000 đồng (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)	1. Giống: 90 kg 2. N: 40 kg 3. P ₂ O ₅ : 90 kg 4. K ₂ O: 80 kg 5. CVS: 1,5 tấn 6. Vôi: 0,5 tấn 7. Thuốc BVTV: 4 kg/lít	1. Giống: 90 kg (cấp Xác nhận trở lên) 2. Đạm nguyên chất (N): 40 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 90 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 80 kg 5. Thuốc BVTV: 4 kg/lít 6. Phân hữu cơ vi sinh: 1.500 kg 7. Vôi bột: 500 kg (Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)).	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do có mức hỗ trợ tốt hơn cho người tham gia mô hình.
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	(- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: ngày/HN - Hội nghị tổng kết: ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	(- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
90. MÔ HÌNH SẢN XUẤT ĐẬU XANH THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình sản xuất đậu (đậu phộng, đậu xanh, đậu nành...)	Mô hình cây công nghiệp ngắn ngày (cây đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ)	Mô hình sản xuất đậu xanh theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất đậu xanh theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng quy trình canh tác an toàn, đảm bảo chất lượng nông sản và phù hợp với xu thế phát triển bền vững.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ	1. Đối tượng: Cây đậu xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo tiêu chuẩn GAP” tại mục 2 và “Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng đậu xanh, đậu đỏ, đậu đen và đậu nành theo GAP” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. - Đề xuất thời gian thực hiện: 4 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo tiêu chuẩn GAP.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.	
		Thời gian triển khai: 4 tháng	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	kỹ thuật (Người dân đối ứng)		kỹ thuật (Người dân đối ứng)	64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 4 tháng (Ghi chú: Tính 10 ha/vụ/người)	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 04 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Máy làm đất (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Máy làm đất (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Giống: 30 kg (cấp Xác nhận trở lên)	1. Giống: 30 kg 2. N: 46 kg	1. Giống: 30 kg (cấp Xác nhận trở lên)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	2. Đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 66 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 72 kg 5. Thuốc BVTV: 1.000.000 – 2.000.000 đồng (TCCS, Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)	3. P ₂ O ₅ : 64 kg 4. K ₂ O: 60 kg 5. HCVS: 1,5 tấn 6. Vôi: 0,5 tấn 7. Thuốc BVTV: 6 kg/lít	2. Đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 64kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg 5. Thuốc BVTV: 6 kg/lít 6. Phân hữu cơ vi sinh: 1.500 kg 7. Vôi bột: 500 kg (Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)).	64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do có mức hỗ trợ tốt hơn cho người tham gia mô hình.
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật)	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND và

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: ngày/HN - Hội nghị tổng kết: ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	bổ sung mục biên mô hình.
91. MÔ HÌNH SẢN XUẤT ĐẬU ĐEN, ĐẬU ĐỎ THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây công nghiệp ngắn ngày (cây đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ)	Mô hình sản xuất đậu đen, đậu đỏ theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất đậu đen, đậu đỏ theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng quy trình canh tác an toàn, đảm bảo chất lượng nông sản và phù hợp với xu thế phát triển bền vững.
Các nội dung theo ĐMKTKT				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.</p> <p>- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo tiêu chuẩn GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” dựa trên tham khảo “Mô hình/điểm trình diễn trồng đậu xanh, đậu đỏ, đậu đen và đậu nành theo GAP” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo,</p>
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
92. MÔ HÌNH SẢN XUẤT MÈ THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây công nghiệp ngắn ngày (cây mè)	Mô hình sản xuất Mè theo quy trình thực hành	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Mè theo

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) “ nhằm định hướng quy trình canh tác an toàn, đảm bảo chất lượng nông sản và phù hợp với xu thế phát triển bền vững.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo tiêu chuẩn GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” dựa trên tham khảo “Mô hình/điểm trình diễn
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>nhân giống mè/trồng mè theo GAP” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
93. MÔ HÌNH SẢN XUẤT MÍA THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây công nghiệp ngắn ngày (Cây Mía)	Mô hình sản xuất Mía theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Mía theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng quy trình canh tác an toàn, đảm bảo chất lượng nông sản và phù hợp với xu thế phát triển bền vững.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	<p>- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” dựa trên tham khảo “Mô hình/điểm trình diễn trồng, thâm canh mía theo GAP” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
94. MÔ HÌNH SẢN XUẤT HỒ TIÊU THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình Sản xuất Hồ tiêu	Mô hình cây công nghiệp dài ngày (Cây hồ tiêu)	Mô hình Sản xuất Hồ tiêu theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP).	Đề xuất sử dụng tên mô hình “Mô hình Sản xuất Hồ tiêu theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng quy trình canh tác an toàn, đảm bảo chất lượng nông sản

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				và phù hợp với xu thế phát triển bền vững
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây hồ tiêu	1. Đối tượng: cây Hồ tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình GAP” tại mục 2 và “- Đối với mô hình trồng mới: tỷ lệ sống các hom trên 90%. - Đối với mô hình thâm canh: sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng, thâm canh cây công nghiệp lâu năm theo GAP tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. - Đề xuất kế thừa thời
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Đối với mô hình trồng mới: tỷ lệ sống các hom trên 90%. - Đối với mô hình thâm canh: sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn. 	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng Ghi chú: Tính 3-5ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Hệ thống tưới nhỏ giọt (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Không quy định	Hệ thống tưới nhỏ giọt (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	TCCS; Tưới nước kết hợp bón phân.)		TCCS; Tưới nước kết hợp bón phân.)	nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	<p>I. Giống</p> <p>1. Trồng mới: 1.800 hom</p> <p>2. Trồng dặm: 5-10%</p> <p>II. Vật tư</p> <p>1. Năm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 100 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 60 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 90 kg - Phân HCVS: 3.600 kg - Phân chuồng: 18.000 kg - Chế phẩm Trichoderma: 80 kg - Vôi bột: 500 kg - Thuốc BVTV sinh học: 3 triệu đồng <p>2. Năm thứ 2-3:</p>	<p>1. Năm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống: 4.800 cây - N: 96 kg - P₂O₅: 40 kg - K₂O: 72 kg - Phân HCVS: 1,6 tấn - Vôi: 0,8 tấn - Thuốc BVTV sinh học: 11 kg/lít - Trụ trồng: 1.600 trụ <p>2. Năm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - N: 152 kg - P₂O₅: 65 kg - K₂O: 102 kg - Phân HCVS: 2,4 tấn - Vôi: 0,5 tấn - CPSH: 80 kg/lít - Thuốc BVTV sinh học: 6 kg/lít <p>3. Năm 3:</p>	<p>1. Năm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống: 4.800 cây - Đạm nguyên chất (N): 96 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 40 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 72 kg - Phân HCVS: 1.600 kg - Vôi: 800 kg - Thuốc BVTV sinh học: 11 kg/lít - Trụ trồng: 1.600 trụ <p>2. Năm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 152 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 65 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 102 kg 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND vì nội dung quy định chi tiết định mức vật tư theo lộ trình từng năm, giúp thuận tiện cho việc triển khai mô hình.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 200 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 100 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 150 kg - Phân HCVS: 5.400 kg - Phân chuồng: 27.000 kg - Chế phẩm Trichoderma: 80 kg - Vôi bột: 500 kg - Thuốc BVTV sinh học: 3 triệu đồng <p>3. Từ năm thứ 4 trở đi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 350 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 200 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 250 kg - Phân HCVS: 27.000 kg - Phân chuồng: 9.000 kg - Chế phẩm Trichoderma: 80 kg 	<ul style="list-style-type: none"> - N: 198 kg - P₂O₅: 80 kg - K₂O: 150 kg - Phân HCVS: 2,4 tấn - Vôi: 0,5 tấn - CPSH: 80 kg/lít - Thuốc BVTV sinh học: 6 kg/lít <p>4. ≥ năm 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - N: 300 kg - P₂O₅: 120 kg - K₂O: 180 kg - Phân HCVS: 3,2 tấn - Vôi: 1 tấn - CPSH: 80 kg/lít - Thuốc BVTV sinh học: 6 kg/lít 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân HCVS: 2.400 kg - Vôi: 500 kg - CPSH: 80 kg/lít - Thuốc BVTV sinh học: 6 kg/lít <p>3. Năm 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 198 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 80 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 150 kg - Phân HCVS: 2.400 kg - Vôi: 500 kg - CPSH: 80 kg/lít - Thuốc BVTV sinh học: 6 kg/lít <p>4. ≥ năm 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 300 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 120 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 180 kg 	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	- Vôi bột: 500 kg - Thuốc BVTV sinh học: 3 triệu đồng (TCCS, có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)		- Phân HCVS: 3.200 kg - Vôi: 1.000 kg - CPSH: 80 kg/lít - Thuốc BVTV sinh học: 6 kg/lít (TCCS, có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)	
đ. Định mức triển khai				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 –	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>		HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	
95. MÔ HÌNH SẢN XUẤT ĐIỀU THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình Thâm canh Điều	Mô hình cây công nghiệp dài ngày (Cây điều)	Mô hình Sản xuất Điều theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP).	Đề xuất tên mô hình “Mô hình Sản xuất Điều theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng quy trình canh tác an toàn, đảm bảo chất lượng nông sản và phù hợp với xu thế phát triển bền vững.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây Điều	1. Đối tượng: cây Điều	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình GAP” tại mục 2 và “- Đối với mô hình trồng mới: Tỷ lệ sống các hom
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: - Đối với mô hình trồng mới: tỷ lệ sống các hom trên 90%.	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			- Đối với mô hình thâm canh: sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.	trên 90%. - Đối với mô hình thâm canh: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng, thâm canh cây công nghiệp lâu năm theo GAP tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	- Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng Ghi chú: Tính 3-	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: cán bộ -	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	5ha/vụ/người		Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp).	hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Hệ thống tưới (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án).	Không quy định	Hệ thống tưới (Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án).	Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	I. Giống -. Giống điều ghép: 208 cây - Trồng dặm (5%): 10 cây II. Vật tư 1. Năm thứ nhất trồng	1. Năm 1: - Giống: 400 cây - Trồng dặm: 20 cây - N: 60 kg - P ₂ O ₅ : 24 kg - K ₂ O: 24 kg - Phân HCVS: 3,6 tấn	I. Giống -. Giống điều ghép: 208 cây - Trồng dặm (5%): 10 cây II. Vật tư 1. Năm thứ nhất trồng	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND vì nội dung quy định chi tiết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<p>mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 12 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 5 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 4 kg - Phân chuồng hoai/HCVS: 1.040 kg - Vôi bột: 208 kg - Thuốc BVTV: 1 triệu đồng <p>2. Năm thứ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 27 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 10 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 7 kg - Thuốc BVTV: 1 triệu 500 nghìn đồng <p>3. Năm thứ 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 53 kg 	<ul style="list-style-type: none"> - Vôi: 0,4 tấn - Thuốc BVTV: 4 kg/lít <p>2. Năm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - N: 72 kg - P₂O₅: 24 kg - K₂O: 24 kg - Phân HCVS: 4,2 tấn - Thuốc BVTV: 6 kg/lít <p>3. Năm 3,4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - N: 72 kg - P₂O₅: 24 kg - K₂O: 48 kg - Phân HCVS: 5 tấn - Thuốc BVTV: 6 kg/lít <p>4. ≥ năm 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - N: 127 kg - P₂O₅: 35 kg - K₂O: 68 kg - Phân HCVS: 5 tấn - Phân BL, RH: 6 kg - Thuốc BVTV sinh học: 6 kg/lít 	<p>mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 12 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 5 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 4 kg - Phân chuồng hoai/HCVS: 1.040 kg - Vôi bột: 208 kg - Thuốc BVTV: 4 kg/lít <p>2. Năm thứ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 27 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 10 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 7 kg - Thuốc BVTV: 6 kg/lít <p>3. Năm thứ 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 53 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 17 kg 	<p>định mức vật tư theo lộ trình từng năm, giúp thuận tiện cho việc triển khai mô hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa hạng mục thuốc BVTV theo Quyết định 18/2022/QĐ-UBND (tính theo đơn vị khối lượng/thể tích) nhằm bảo đảm đủ lượng vật tư thiết yếu theo quy trình kỹ thuật, đồng thời bảo vệ quyền lợi của hộ dân tham gia mô hình trước các biến động về giá thị trường.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<ul style="list-style-type: none"> - Lân nguyên chất (P₂O₅): 17 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 15 kg - Thuốc BVTV: 2 triệu đồng 4. Năm thứ 4: <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 104 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 47 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 19 kg 5. Năm thứ 5: <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 130 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 58,8 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 24 kg 6. Năm thứ 6: <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 162,5 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 		<ul style="list-style-type: none"> - Kali nguyên chất (K₂O): 15 kg - Thuốc BVTV: 6 kg/lít 4. Năm thứ 4: <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 104 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 47 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 19 kg 5. Năm thứ 5: <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 130 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 58,8 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 24 kg 6. Năm thứ 6: <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 162,5 kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 73,5 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 30 kg 	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	73,5 kg - Kali nguyên chất (K ₂ O): 30 kg 7. Năm thứ 7 trở đi: - Đạm nguyên chất (N): 203 kg - Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 92 kg - Kali nguyên chất (K ₂ O): 37,5 kg (TCCS, có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)		7. Năm thứ 7 trở đi: - Đạm nguyên chất (N): 203 kg - Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 92 kg - Kali nguyên chất (K ₂ O): 37,5 kg (TCCS, có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P ₂ O ₅ , K ₂ O tương ứng)	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình)	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	<i>quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: ≤10 cái	hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
96. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CAO SU KIẾN THIẾT CƠ BẢN				
Tên mô hình				
Không quy định	- Mô hình Sản xuất Cao su kiến thiết cơ bản	Mô hình cây công nghiệp dài ngày (Cây Cao su)	Mô hình Sản xuất Cao su kiến thiết cơ bản	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình Sản xuất Cao su kiến thiết cơ bản” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây cao su	1. Đối tượng: cây Cao su	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình” tại mục 2 và “- Đối với mô hình trồng mới: Tỷ lệ sống các hom trên 90%.”
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: - Đối với mô hình trồng mới: Tỷ lệ sống các hom trên 90%.	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			- Đối với mô hình thâm canh: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn TCVN 3769:2016.	90%. - Đối với mô hình thâm canh: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn TCVN 3769:2016.”
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng, thâm canh cao su tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh và Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3769:2016 Cao su thiên nhiên SVR - Quy định kỹ thuật. - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng Ghi chú: Tính 3-5 ha/vụ/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤ 10 ha: cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp).	bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “ ≤ 10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định		
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	I. Giống 1. Trồng mới (Mật độ 3mx6m): 555 cây 2. Trồng dặm: 5-10% II. Vật tư 1. Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ 1) - Đạm nguyên chất (N): 22kg	1. Năm 1 - Giống: 555 cây - Trồng dặm: 25 cây - N: 28 kg - P ₂ O ₅ : 39 kg - K ₂ O: 20 kg - Phân HCVS: 832 tấn - Vôi: 250 tấn - Thuốc BVTV: 14 kg/lít	I. Năm thứ nhất 1. Giống trồng mới: (Mật độ 3mx6m): 555 cây Giống trồng dặm: 5-10% 2. Đạm nguyên chất (N): 22 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅):	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<ul style="list-style-type: none"> - Lân nguyên chất (P₂O₅): 22 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 11 kg - Phân hữu cơ vi sinh: 2.550 kg <p>2. Năm thứ 2 đến năm thứ 6</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạm nguyên chất (N): 45kg - Lân nguyên chất (P₂O₅): 45 kg - Kali nguyên chất (K₂O): 22 kg - Phân hữu cơ vi sinh: 2.550 kg - Thuốc BVTV: 1 triệu đồng <p><i>(TCCS. Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P₂O₅)</i></p>	<p>2. Năm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - N: 56 kg - P₂O₅: 50 kg - K₂O: 40 kg - Phân HCVS: 832 tấn - Thuốc BVTV: 10 kg/lít <p>3. Năm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - N: 67 kg - P₂O₅: 83 kg - K₂O: 40 kg - Phân HCVS: 1.110 tấn - Thuốc BVTV: 10 kg/lít <p>4. Năm 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - N: 111 kg - P₂O₅: 111 kg - K₂O: 83 kg - Phân HCVS: 1.665 tấn - Vôi: 500 tấn - Thuốc BVTV: 10 kg/lít 	<p>22 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất (K₂O): 11 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ vi sinh: 2.550 kg</p> <p>II. Năm thứ 2 đến năm thứ 6</p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 45kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 45 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 22 kg</p> <p>4. Phân hữu cơ vi sinh: 2.550 kg</p> <p>5. Thuốc BVTV: 10 kg/lít</p> <p>(Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)).</p>	<p>- Đề xuất kế thừa hạng mục thuốc BVTV theo QĐ 18/2022/QĐ-UBND (tính theo đơn vị khối lượng/thể tích) nhằm bảo đảm đủ lượng vật tư thiết yếu theo quy trình kỹ thuật, đồng thời bảo vệ quyền lợi của hộ dân tham gia mô hình trước các biến động về giá thị trường.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định 64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
97. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CAO SU KINH DOANH				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình Sản xuất Cao su kinh doanh	Không quy định	Mô hình Sản xuất Cao su kinh doanh	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình Sản xuất Cao su kinh doanh” theo

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				QĐ số 29/2024/QĐ-UBND.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	a. Định mức lao động	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn TCVN 3769:2016.” dựa trên tham khảo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3769:2016 Cao su thiên nhiên SVR - Quy định kỹ thuật. - Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo,
	b. Định mức máy móc, thiết bị		b. Định mức lao động	
	c. Định mức giống, vật tư		c. Định mức máy móc, thiết bị	
	d. Định mức triển khai		d. Định mức giống, vật tư	
			đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm d. Định mức giống, vật tư, đề xuất hạng mục Thuốc BVTV và kích mủ: 4-6 kg/lít dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn “Trồng, thâm canh cao su” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh và Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG).</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
98. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây công nghiệp dài ngày (Cây Cà phê vối)	Mô hình Sản xuất Cà phê	Đề xuất tên mô hình “Mô hình Sản xuất Cà phê” nhằm đảm bảo tính linh hoạt, thuận lợi theo điều kiện thực tế sản xuất.
<i>a. Yêu cầu chung</i>				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cây cà phê vối	1. Đối tượng: Cây cà phê	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật:	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.	trình” tại mục 2 và “Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.” tại mục 3 dựa trên cơ sở tham khảo các quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc cà phê (bao gồm cả phê chè và cà phê vối) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các cơ quan chuyên ngành ban hành, hướng dẫn. - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022//QĐ-UBND.
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				
Không quy định	Không quy định	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực
		2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			- Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	Không quy định	1. Năm 1 - Giống: 111 cây - Trồng dặm: 55 cây - N: 70 kg - P ₂ O ₅ : 90 kg - K ₂ O: 40 kg - Phân HCVS: 17 tấn - Chế phẩm sinh học: 44 kg/lít - Thuốc BVTV: 8 kg/lít 2. Năm 2 - N: 110 kg	I. Năm thứ nhất 1. Giống: Giống trồng mới: 1.110 - 4.600 cây Giống trồng dặm: 5% 2. Cây che bóng: 100 cây 3. Đạm nguyên chất (N): 40 - 60 kg 4. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 88 - 150 kg	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung trên cơ sở tổng hợp từ 02 định mức gồm ‘Mô hình trồng mới, tái canh cà phê vối’ và ‘Mô hình trồng mới, tái canh cà phê chè’ ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		<ul style="list-style-type: none"> - P₂O₅: 90 kg - K₂O: 90 kg - Phân HCVS: 22 tấn - Chế phẩm sinh học: 44 kg/lít - Thuốc BVTV: 11 kg/lít <p>3. Năm 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - N: 145 kg - P₂O₅: 90 kg - K₂O: 120 kg - Phân HCVS: 22 tấn - Chế phẩm sinh học: 44 kg/lít - Thuốc BVTV: 14 kg/lít <p>4. ≥ Năm 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - N: 260 kg - P₂O₅: 90 kg - K₂O: 120 kg - Phân HCVS: 22 tấn - Chế phẩm sinh học: 44 kg/lít - Thuốc BVTV: 4 kg/lít 	<p>5. Kali nguyên chất (K₂O): 30 - 42 kg</p> <p>6. Phân hữu cơ vi sinh: 4.000 - 4.500 kg</p> <p>7. Vôi bột: 1.000 kg</p> <p>8. Thuốc xử lý môi/côn trùng: 10 - 20 kg</p> <p>9. Thuốc xử lý nấm: 102 kg</p> <p>10. Thuốc BVTV: 6 - 83 kg</p> <p>II. Năm thứ 2</p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 70 - 115 kg</p> <p>2. Lân nguyên chất (P₂O₅): 80 - 88 kg</p> <p>3. Kali nguyên chất (K₂O): 50 - 60 kg</p> <p>4. Phân bón lá: 04 kg/lít</p> <p>5. Thuốc BVTV: 8 - 10 kg/lít</p> <p>III. Năm thứ 3</p> <p>1. Đạm nguyên chất (N): 100 - 130 kg</p>	<p>KN, nhằm đảm bảo tính linh hoạt khi áp dụng phù hợp điều kiện sản xuất thực tế của nông hộ.</p> <p>- Đề xuất hạng mục thuốc bảo vệ thực vật tính theo đơn vị khối lượng/thể tích nhằm bảo đảm đủ lượng vật tư thiết yếu theo quy trình kỹ thuật, đồng thời bảo vệ quyền lợi của hộ dân tham gia mô hình trước biến động giá thị trường; số lượng tham khảo theo các quy trình kỹ thuật đã được ban hành.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			2. Lân nguyên chất (P_2O_5): 80 - 88 kg 3. Kali nguyên chất (K_2O): 120 - 180 kg 4. Phân hữu cơ vi sinh: 3.000 kg 5. Phân bón lá: 04 kg/lít 6. Thuốc BVTV: 10 - 12 kg/lít (Các loại phân đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỉ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)).	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
99. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CA CAO THEO QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (GAP)				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây công nghiệp dài ngày (Cây Ca cao)	Mô hình trồng cây Ca cao	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Ca cao theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)” nhằm định hướng quy trình canh tác an toàn, đảm bảo chất lượng nông sản và phù hợp với xu thế phát triển bền vững.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	<p>theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.</p> <p>- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP” và “Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <p>- Đối với mô hình trồng mới: Tỷ lệ sống các hom trên 90%.</p> <p>- Đối với mô hình thâm canh: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.” dựa trên tham khảo dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng, thâm canh cây công nghiệp lâu năm theo GAP tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND</p>
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>tỉnh Tây Ninh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤ 10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương. - Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
100. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CHÈ				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây công nghiệp dài ngày (Cây Chè)	Mô hình Sản xuất Chè	Đề xuất tên mô hình “Mô hình sản xuất Chè”.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn” dựa trên tham khảo Tiêu chuẩn ngành 10TCN 446:2001 Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè. - Tại điểm b. Định mức
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
101. MÔ HÌNH TRỒNG HOA VẠN THỌ				
Tên mô hình				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Mô hình sản xuất hoa vụn thọt trồng đất	Không quy định	Mô hình trồng hoa vụn thọt	Đề xuất theo tên “Mô hình trồng hoa vụn thọt” do tên ngắn gọn, đầy đủ ý nghĩa, trồng đã có ý nghĩa trồng đất.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Đối tượng: Vụn thọt	Không quy định	1. Đối tượng: Vụn thọt	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung “ yêu cầu về kỹ thuật” theo thực tế sản xuất.
	Không quy định		2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây trồng dưới đất, mật độ trồng 65.000 cây/ha	
	Không quy định		3. Yêu cầu về kỹ thuật: Bấm ngọn và phòng trừ sâu bệnh. Cây đạt yêu cầu 8 – 12 hoa/cây.	
	Thời gian thực hiện: 04 tháng		4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	
b) Định mức lao động				
Không quy định	Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số
	Cán bộ chỉ đạo, hướng		2. Cán bộ chỉ đạo,	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	dẫn KT: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (Tính 1 ha/vụ/người)		hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	29/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất thay đổi “Tính 1 ha/vụ/người” thành “1 - 2 cán bộ” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do dễ bố trí nhân lực nếu quy mô mô hình thay đổi.
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Giống: 65 000 cây 2. Đạm nguyên chất (N): 120-150 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 700-1 000 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 50-60 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 5 000-6 000 kg 6. Vôi bột: 900-1000 kg 7. Thuốc xử lý đất: 10-15 kg	Không quy định	1. Giống: 6.500 cây 2. Đạm nguyên chất (N): 12-15 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 70-100 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 5-6 kg 5. Phân hữu cơ sinh học: 500 - 600 kg 6. Vôi bột: 90 - 100 kg 7. Thuốc xử lý đất: 1-1,5 kg 8. Thuốc trừ sâu: 05	- Đề xuất kế thừa bộ cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất đổi đơn vị tấn sang kg. đơn vị kg,lít sang kg/lít cho thống nhất như Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất định mức tính cho diện tích 1.000 m ² .

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	8. Thuốc trừ sâu: 50 kg (lit) 9. Thuốc trừ bệnh: 50 kg (lit) 10. Phân bón lá: 5 kg (lit) 11. Bánh dầu: 420 kg 12. Chế phẩm Trichoderma: 30-60 kg Định mức cho 1ha		kg/lít 9. Thuốc trừ bệnh: 05 kg/lít 10. Phân bón lá: 0,5 kg/lít 11. Bánh dầu: 42 kg 12. Chế phẩm Trichoderma: 3-6 kg Tính cho 1.000 m ²	- Đề xuất bổ sung nội dung: "Các loại đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)." để người dân có thể sử dụng linh hoạt các loại phân bón.
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình Số lần: Thời gian: 1 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết Hội nghị sơ kết: Hội nghị tổng kết: 3. Biên mô hình: không quy định	Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung "số lần tập huấn", "hội nghị sơ kết, tổng kết" theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung "biên mô hình: ≤ 10 cái" do phù hợp với quy mô, diện tích triển khai mô hình.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
102. MÔ HÌNH TRỒNG HOA CÚC PHA LÊ, KIM CƯƠNG, ĐẠI ĐOÁ, MÂM XÔI				
Tên mô hình				
Không quy định	Không quy định	Mô hình hoa chậu, hoa thảm cúc (pha lê, kim cương, đại đoá, mâm xôi)	Mô hình trồng hoa cúc pha lê, kim cương, đại đoá, mâm xôi.	Đề xuất thay đổi tên mô hình: “Mô hình trồng hoa cúc pha lê, kim cương, đại đoá, mâm xôi” quy định cụ thể đối tượng cây trồng.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: cúc pha lê, kim cương, đại đoá, mâm xôi	1. Đối tượng: Cúc pha lê, kim cương, đại đoá, mâm xôi.	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung “yêu cầu về kỹ thuật” theo thực tế sản xuất.
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây trồng trong chậu, trên giàn, mật độ 600 chậu/1.000 m ² .	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây cho chất lượng đẹp với tỷ lệ $\geq 80\%$	
		Thời gian thực hiện: 06 tháng	4. Thời gian thực hiện: 06 tháng	
b) Định mức lao động				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND tại mô hình cùng thuộc nhóm hoa, cây cảnh do phù hợp với yêu cầu sản xuất.
		Cán bộ chỉ đạo phụ trách 1 người	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	Không quy định	1. Giống: 12.000 cây 2. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 24 kg 4. Phân kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 0,4 tấn 6. Phân bón lá: 5 kg,lít 7. Chế phẩm sinh học: 1 kg	1. Giống: 12.000 cây/hạt 2. Chậu : 600 cái 3. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg 4. Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 24 kg 5. Phân kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg 6. Phân hữu cơ vi sinh: 400 kg 7. Phân bón lá: 5 kg/lít 8. Chế phẩm sinh học: 1	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Đề xuất đổi đơn vị tấn sang kg; đơn vị kg,lít sang kg/lít cho thống nhất như Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		8. Vôi bột: 100 kg 9. Thuốc BVTV: 3 kg,lít 10. Giá thể : 4 tấn 11. Chậu : 600 cái 12. Đường kính chậu: 60 cm 13. Kích thích sinh trưởng: 2 kg,lít Tính cho 1.000 m ²	kg 9. Vôi bột: 100 kg 10. Thuốc bảo vệ thực vật: 3 kg/lít 11. Giá thể : 4.000 kg 12. Kích thích sinh trưởng: 2 kg/lít Tính cho 1.000 m ²	dung:”Các loại đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)” để người dân có thể sử dụng linh hoạt các loại phân bón.
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: 01 lần Tham quan, hội thảo đầu bờ: 01 lần 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: không quy định - Hội nghị tổng kết: 01 lần 3. Biên mô hình: không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Đề xuất lược bỏ nội dung “hội thảo đầu bờ”, bổ sung nội dung “số lần tập huấn”, “hội nghị sơ kết, tổng kết” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				- Đề xuất nội dung “biên mô hình: ≤ 10 cái” do phù hợp với quy mô, diện tích triển khai mô hình.
103. MÔ HÌNH TRỒNG LAN MOKARA VÀ LAN ĐƠN THÂN KHÁC				
Tên mô hình				
Mô hình trồng lan <i>mokara</i> và lan đơn thân khác	Mô hình sản xuất Hoa lan Mokara cắt cành	Không quy định	Mô hình trồng lan <i>mokara</i> và lan đơn thân khác	Đề xuất kế thừa theo tên “Mô hình trồng lan <i>mokara</i> và lan đơn thân khác” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình quy định chi tiết đối tượng và có phạm vi áp dụng bao quát hơn.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
a) Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: Lan <i>Mokara</i> và lan đơn thân khác	Đối tượng: lan Mokara	Không quy định	1. Đối tượng: Lan <i>Mokara</i> và lan đơn thân khác	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây lan trồng trên luống giá thể trong nhà lưới, mật độ trồng 4.000 cây/0,1 ha	Không quy định		2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây lan trồng trên luống giá thể trong nhà lưới, mật độ trồng 5.000 - 6.500 cây/0,1 ha.	- Đề xuất mật độ trồng 5.000 - 6.500 cây/0,1 ha theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây ra hoa \geq 70% năm thứ nhất	Không quy định		3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây ra hoa \geq 70% năm thứ nhất	phù hợp mô hình thâm canh cao, tối ưu hóa sản lượng trên cùng một diện tích. - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 12 tháng theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do thời gian phù hợp để cây trồng sinh trưởng, phát triển, ra hoa.
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	Thời gian thực hiện: 09 tháng		4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b) Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Nông dân đối ứng)	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (Tính 0,1 ha/vụ/người)		2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
1. Luồng trồng 2. Trụ đỡ	1. Hệ thống nhà lưới, nhà màng: Phù hợp với	Không quy định	1. Luồng trồng 2. Trụ đỡ	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
3. Nhà lưới 4. Hệ thống tưới - Bộ điều khiển trung tâm - Máy bơm - Bồn chứa nước - Đầu phun, ống, dây tưới và phụ kiện khác. 5. Bình phun thuốc	quy trình kỹ thuật, quy mô dự án 2. Hệ thống tưới phun mưa		3. Nhà lưới 4. Hệ thống tưới - Bộ điều khiển trung tâm - Máy bơm - Bồn chứa nước - Đầu phun, ống, dây tưới và phụ kiện khác. 5. Bình phun thuốc	định số 64/2024/QĐ-UBND do quy định đầy đủ, chi tiết hơn.
d) Định mức giống, vật tư				
1. Giống: 4.000 cây 2. Phân vô cơ: 6 - 8 kg 3. Thuốc bảo vệ thực vật: 06 kg (lít) 4. Giá thể: 3.000 kg 5. Vật tư bảo quản hoa cắt cành sau thu hoạch: 05 kg Tính cho 1.000 m ²	1. Trồng mới: 5 000 - 6 500 Cây - Trồng dặm 2-3 % 2. Phân NPK: 80 - 100 Kg 2. Vitamin B1: 30 - 60 Lít 4. Phân cá: 40 - 60 Lít 5. Phân bón lá: 40 - 60 Lít 6. Vôi bột: 150 - 200 Kg 7. Thuốc kích thích ra rễ: 10,8 Lít 8. Thuốc xử lý đất: 8-10	Không quy định	1. Trồng mới: 5.000 – 6.500 cây - Trồng dặm: 2 - 3 % 2. Phân NPK: 80 - 100 kg 2. Vitamin B1: 30 - 60 lít 4. Phân cá: 40 - 60 lít 5. Phân bón lá: 40 - 60 lít 6. Vôi bột: 150 - 200 kg 7. Thuốc kích thích ra rễ: 10,8 Lít 8. Thuốc xử lý đất: 8-10	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do quy định chi tiết, phù hợp đối tượng cây trồng. - Đề xuất lược bỏ hạng mục “nẹp cây và cọc đỡ cây” do đã có hạng mục “trụ đỡ” ở phần máy móc thiết bị. - Đề xuất bổ sung “vật tư bảo quản hoa cắt cành sau thu hoạch: 05 kg”

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	Kg 9. Thuốc trừ sâu: 2.4 - 4.8 Kg(lít) 10. Thuốc trừ bệnh: 14.2 - 19.2 Kg(lít) 11. Cát (xơ dừa, vỏ đậu): 60 m ³ 12. Nẹp cây: 90 000 m 13. Cọc đỡ cây: 10 000 cọc Tính cho 1.000 m ²		kg 9. Thuốc trừ sâu: 2,4 - 4,8 kg/lít 10. Thuốc trừ bệnh: 14,2 - 19,2 kg/lít 11. Giá thể: 3.000 kg 12. Vật tư bảo quản hoa cắt cành sau thu hoạch: 05 kg Tính cho 1.000 m ²	theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất điều chỉnh đơn vị kg/lít; điều chỉnh “cát (xơ dừa, vỏ đậu)” thành “giá thể” thống nhất theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
đ) Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biên mô hình: ≤ 02 cái	1. Tập huấn xây dựng mô hình Số lần: Thời gian: 1 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết Hội nghị sơ kết: 1 Hội nghị tổng kết: 1 ≤ 40 người/hội nghị/ngày (cho qui mô ≤ 01 ha) 3. biên mô hình: Không	Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biên mô hình: ≤ 02 cái	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	quy định			
104. MÔ HÌNH TRỒNG LAN MOKARA VÀ LAN ĐƠN THÂN KHÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
Tên mô hình				
Mô hình trồng lan Mokara và lan đơn thân khá ứng dụng công nghệ cao	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng lan Mokara và lan đơn thân khác ứng dụng công nghệ cao	Đề xuất kế thừa theo tên “Mô hình trồng lan Mokara và lan đơn thân khác ứng dụng công nghệ cao” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
a) Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung	Đề xuất kế thừa bộ cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
b) Định mức lao động			b) Định mức lao động	
c) Định mức máy móc, thiết bị			c) Định mức máy móc, thiết bị	
d) Định mức giống, vật tư			d) Định mức giống, vật tư	
đ) Định mức triển khai			đ) Định mức triển khai	
105. MÔ HÌNH TRỒNG LAN DENDROBIUM, RHYNCHOTYLIS (NGỌC ĐIỂM), PHALAEENOPSIS (HỒ ĐIỆP) VÀ LAN ĐƠN THÂN KHÁC				
Tên mô hình				
Mô hình trồng lan <i>dendrobiumm, rhynchostylis</i> (ngọc điểm), <i>phalaenopsis</i> (hồ điệp) và	Mô hình sản xuất Hoa lan <i>Dendrobium</i> cắt cành	Mô hình hoa lan	Mô hình trồng lan <i>dendrobiumm, rhynchostylis</i> (ngọc điểm), <i>phalaenopsis</i> (hồ điệp)	Đề xuất kế thừa theo tên “Mô hình trồng lan <i>dendrobiumm, rhynchostylis</i> (ngọc

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
lan đa thân khác)			và lan đa thân khác	điểm), <i>phalaenopsis</i> (hồ điệp) và lan đa thân khác” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình quy định chi tiết đối tượng và có phạm vi áp dụng bao quát hơn.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
a) Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: Lan <i>Dendrobium</i> , <i>Rhynchostylis</i> (Ngọc điệp), <i>Phalaenopsis</i> (Hồ điệp) và lan đa thân khác	Đối tượng: lan dendrobium	Đối tượng: hoa lan	1. Đối tượng: Lan <i>Dendrobium</i> , <i>Rhynchostylis</i> (Ngọc điệp), <i>Phalaenopsis</i> (Hồ điệp) và lan đa thân khác	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do có phạm vi áp dụng bao quát hơn. - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 12 tháng theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do thời gian phù hợp để cây trồng sinh trưởng, phát triển, ra hoa.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây lan trồng trong chậu, đặt trên giàn trong nhà lưới, mật độ trồng 10.000 - 15.000 cây/0,1 ha	Không quy định	Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây lan trồng trong chậu, đặt trên giàn trong nhà lưới, mật độ trồng 10.000 - 15.000 cây/0,1 ha	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ cây ra hoa $\geq 80\%$ vào năm thứ nhất	Không quy định	Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ cây ra hoa $\geq 80\%$ vào năm thứ nhất	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	Thời gian thực hiện: 9 tháng	Thời gian thực hiện: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b) Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Nông dân đối ứng)		1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (Tính 0,15 ha/vụ/người)	Cán bộ chỉ đạo phụ trách 1 người	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
1. Nhà lưới 2. Hệ thống tưới - Bộ điều khiển trung tâm - Máy bơm - Bồn chứa nước - Đầu phun, ống, dây tưới và phụ kiện khác 3. Giàn đỡ chậu 4. Màng phủ nông nghiệp 5. Bình phun thuốc	Hệ thống nhà lưới, nhà màng Hệ thống tưới phun mưa	Không quy định	1. Nhà lưới 2. Hệ thống tưới - Bộ điều khiển trung tâm - Máy bơm - Bồn chứa nước - Đầu phun, ống, dây tưới và phụ kiện khác 3. Giàn đỡ chậu 4. Màng phủ nông nghiệp	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do quy định đầy đủ, chi tiết hơn.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			5. Bình phun thuốc	
d) Định mức giống, vật tư				
Giống: 10.000 - 15.000 cây Phân bón vô cơ: 6 – 8 kg Thuốc bảo vệ thực vật: 06 kg (lít) Chậu: 10.000 - 15.000 cái Giá thể: 1.000 - 1.500 kg Vi ễ chậu: 670 - 1.875 cái Tính cho 1.000 m ²	Giống 25.000 Cây NPK 80 - 100 Kg Vitamin B 1 30 - 60 Lít Phân cá 40 - 60 Lít Phân bón lá 40 - 60 Lít Thuốc trừ sâu 2,4 - 4,8 Kg(lít) Thuốc trừ bệnh 7,2 - 14,4 Kg(lít) Chậu 25.000 Cái Than 2.500 – 3.000 Kg Tính cho 1.000 m ²	Giống 3.000 cây Bón lá 10 (kg,lít) BVTV 2 (kg,lít) KTST 2 (kg,lít) Giá thể: 1.5 tấn Chậu 3000 cái (đường kính 12 cm) Tính cho 1.000 m ²	1. Giống: 10.000 - 15.000 cây 2. Phân bón vô cơ: 6 – 8 kg 3. Thuốc bảo vệ thực vật: 06 kg/lít 4. Chậu: 10.000 - 15.000 cái 5. Giá thể: 1.000 - 1.500 kg 6. Vi ễ chậu: 670 - 1.875 cái Tính cho 1.000 m ²	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mật độ phù hợp, hạn chế sâu bệnh, tiết kiệm chi phí bảo vệ thực vật cho người dân. - Đề xuất đổi đơn vị kg,lít sang kg/lít cho thống nhất như Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
đ) Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01	1. Tập huấn xây dựng mô hình Số lần: Thời gian: 1 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết Hội nghị sơ kết: 1 Hội nghị tổng kết: 1	1. Tập huấn kỹ thuật: 01 lần Tham quan, hội thảo đầu bờ: 01 lần 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
HN 3. Biện mô hình: ≤ 02 cái	≤ 40 người/hội nghị/ngày (cho qui mô ≤ 01 ha) 3. Biện mô hình: Không quy định	- Hội nghị tổng kết: 01 lần 3. Biện mô hình: Không quy định	HN 3. Biện mô hình: ≤ 02 cái	
106. MÔ HÌNH TRỒNG LAN <i>DENDROBIUM</i>, <i>RHYNCHOSTYLIS</i> (NGỌC ĐIỂM), <i>PHALAEENOPSIS</i> (HỒ ĐIỆP) VÀ LAN ĐA THÂN KHÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
Tên mô hình				
Mô hình trồng lan <i>dendrobiumm</i> , <i>rhynchostylis</i> (ngọc điểm), <i>phalaenopsis</i> (hồ điệp) và lan đa thân khác ứng dụng công nghệ cao	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng lan <i>Dendrobiumm</i> , <i>Rhynchostylis</i> (Ngọc điểm), <i>Phalaenopsis</i> (Hồ điệp) và lan đa thân khác ứng dụng công nghệ cao.	Đề xuất kế thừa theo tên “Mô hình trồng lan <i>Dendrobiumm</i> , <i>Rhynchostylis</i> (Ngọc điểm), <i>Phalaenopsis</i> (Hồ điệp) và lan đa thân khác ứng dụng công nghệ cao” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
a) Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
b) Định mức lao động			b) Định mức lao động	
c) Định mức máy móc, thiết bị			c) Định mức máy móc, thiết bị	
d) Định mức giống, vật tư			d) Định mức giống, vật tư	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
đ) Định mức triển khai			đ) Định mức triển khai	
107. MÔ HÌNH TRỒNG MAI				
Tên mô hình				
Mô hình trồng mai	Mô hình trồng, thâm canh Mai	Không quy định	Mô hình trồng mai	Đề xuất kế thừa theo tên “Mô hình trồng mai” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phạm vi áp dụng bao quát hơn.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
a) Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: Mai	Đối tượng: Mai	Không quy định	1. Đối tượng: Mai	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do quy định đầy đủ, chi tiết hơn.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây trồng dưới đất, mật độ trồng 6.000 - 7.000 cây/ha, khi cây đạt 03 năm tuổi (năm thứ tư) di chuyển trồng trong chậu để nâng cao giá trị	Không quy định		2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây trồng dưới đất, mật độ trồng 6.000 - 7.000 cây/ha, khi cây đạt 03 năm tuổi (năm thứ tư) di chuyển trồng trong chậu để nâng cao giá trị	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây cho chất lượng đẹp với tỷ lệ $\geq 80\%$	Không quy định		3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây cho chất lượng đẹp với tỷ lệ $\geq 80\%$	
4. Thời gian thực hiện: 12	Thời gian thực hiện: 12		4. Thời gian thực hiện:	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
tháng	tháng		12 tháng	
b) Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (Tính 2 ngày/tuần)		2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Hệ thống tưới tiết kiệm: Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Không quy định	Không quy định	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d) Định mức giống, vật tư				
I. Năm thứ nhất: 1. Giống: 6.300 - 7.350 cây 2. Phân hữu cơ sinh học: 2.500 kg 3. Vôi: 2.000 kg 4. Đạm nguyên chất (N):	Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất) Giống trồng mới: 6.300 - 7.350 cây Phân hữu cơ sinh học: 2.500 kg Vôi bột: 2.000 kg	Không quy định	I. Năm thứ nhất: 1. Giống: 6.300 - 7.350 cây 2. Phân hữu cơ sinh học: 2.500 kg 3. Vôi: 2.000 kg 4. Đạm nguyên chất (N):	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do các chỉ tiêu định mức trùng nhau. - Đề xuất bổ sung nội dung: "Các loại đạm, lân,

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>123 kg</p> <p>5. Lân nguyên chất (P₂O₅): 234 kg</p> <p>6. Thuốc bảo vệ thực vật: 13,5 lít/kg</p> <p>II. Năm thứ hai, ba:</p> <p>1. Phân hữu cơ sinh học: 5000 kg</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 328 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 576 kg</p> <p>4. Thuốc bảo vệ thực vật: 15 lít/kg</p> <p>III. Năm thứ tư:</p> <p>Đối với 90% cây ngoài đồng:</p> <p>1. Phân hữu cơ sinh học: 13.500 kg</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 347 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 877 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất</p>	<p>Phân đạm nguyên chất (N): 123 kg</p> <p>Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 234 kg</p> <p>Thuốc BVTV: 13,5 Kg/lit</p> <p>Năm thứ hai , năm thứ ba</p> <p>Phân hữu cơ sinh học: 5000 kg</p> <p>Phân đạm nguyên chất (N): 328 kg</p> <p>Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 576 kg</p> <p>Thuốc BVTV: 15 kg/lit</p> <p>Năm thứ tư</p> <p>Đối với 90% cây ngoài đồng:</p> <p>Phân hữu cơ: 13.500 kg</p> <p>Đạm nguyên chất (N): 347 kg</p> <p>Lân nguyên chất (P₂O₅): 877 kg</p> <p>Kali nguyên chất (K₂O):</p>		<p>123 kg</p> <p>5. Lân nguyên chất (P₂O₅): 234 kg</p> <p>6. Thuốc bảo vệ thực vật: 13,5 kg/lít</p> <p>II. Năm thứ hai, ba:</p> <p>1. Phân hữu cơ sinh học: 5.000 kg</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 328 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 576 kg</p> <p>4. Thuốc bảo vệ thực vật: 15 kg/lít</p> <p>III. Năm thứ tư:</p> <p>Đối với 90% cây ngoài đồng:</p> <p>1. Phân hữu cơ sinh học: 13.500 kg</p> <p>2. Đạm nguyên chất (N): 347 kg</p> <p>3. Lân nguyên chất (P₂O₅): 877 kg</p> <p>4. Kali nguyên chất</p>	<p>kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)” để người dân có thể sử dụng linh hoạt các loại phân bón.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
(K ₂ O): 72 kg 5. Thuốc bảo vệ thực vật: 15 lít/kg Chăm sóc 10% số cây trồng chậu: 6. Giá thể: 9 m ³ 7. Phân hữu cơ sinh học: 300 kg 8. Đạm nguyên chất (N): 39 kg 9. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 98 kg 10. Kali nguyên chất (K ₂ O): 8 kg 11. Thuốc bảo vệ thực vật: 2 lít/kg 12. Chậu: 600 - 700 cái 13. Nhà lưới: 1 cái Tính cho 10.000 m ²	72 kg Thuốc bảo vệ thực vật: 15 lít/kg Chăm sóc 10% số cây trồng chậu: Giá thể: 9 m ³ Chậu: 600 - 700 cái Phân hữu cơ sinh học: 300 kg Đạm nguyên chất (N): 39 kg Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 98 kg Kali nguyên chất (K ₂ O): 8 kg Thuốc bảo vệ thực vật: 2 lít/kg Nhà lưới: 1 cái Định mức cho 1ha		(K ₂ O): 72 kg 5. Thuốc bảo vệ thực vật: 15 kg/lít Chăm sóc 10% số cây trồng chậu: 6. Giá thể: 9 m ³ 7. Phân hữu cơ sinh học: 300 kg 8. Đạm nguyên chất (N): 39 kg 9. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 98 kg 10. Kali nguyên chất (K ₂ O): 8 kg 11. Thuốc bảo vệ thực vật: 2 kg/lít 12. Chậu: 600 - 700 cái 13. Nhà lưới: 1 cái Tính cho 10.000 m ²	
đ) Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày	1. Tập huấn xây dựng mô hình Số lần: Thời gian: 1 ngày	Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biện mô hình: ≤ 06 cái	2. Hội nghị sơ kết, tổng kết Hội nghị sơ kết: Hội nghị tổng kết: 3. Biện mô hình: Không quy định		2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biện mô hình: ≤ 06 cái	
108. MÔ HÌNH TRỒNG MAI TRONG CHẬU				
Tên mô hình				
Mô hình trồng mai trong chậu	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng mai trong chậu	Đề xuất kế thừa theo tên “Mô hình trồng mai trong chậu” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
a) Yêu cầu chung	Không quy định	Không quy định	a) Yêu cầu chung	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
b) Định mức lao động			b) Định mức lao động	
c) Định mức máy móc, thiết bị			c) Định mức máy móc, thiết bị	
d) Định mức giống, vật tư			d) Định mức giống, vật tư	
đ) Định mức triển khai			đ) Định mức triển khai	
109. MÔ HÌNH TRỒNG HOA CẮT CÀNH				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình sản xuất hoa	- Mô hình hoa cắt cành	Mô hình trồng hoa cắt	Đề xuất theo tên “Mô

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	cúc	hoa cúc - Mô hình hoa cắt cành cát tường, cẩm chương	cành	hình trồng hoa cắt cành” do tên mô hình có phạm vi áp dụng rộng, các loại hoa trồng đất, cắt cành.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	1. Đối tượng: hoa cúc	1. Đối tượng: hoa cúc, cát tường, cẩm chương - hoa hồng và một số loại hoa cắt cành khác	1. Đối tượng: Hồng, cúc, cát tường, cẩm chương, một số loại hoa cắt cành khác	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất thời gian thực hiện là 4 - 6 tháng do kế thừa thời gian thực hiện của từng loại hoa cắt cành.
Không quy định	Không quy định	Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây trồng dưới đất, mật độ trồng 50.000 - 400.000 cây/1ha	
Không quy định	Không quy định	Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây cho chất lượng đẹp với tỷ lệ $\geq 80\%$	
Không quy định	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	4. Thời gian thực hiện: - MH hoa cắt cành hoa cúc, cát tường, cẩm chương: 06 tháng. - Mô hình hoa cắt cành hoa hồng và một	4. Thời gian thực hiện: 4 - 6 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		số loại hoa cắt cành khác: 06 tháng		
b) Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (Tính 1 ha/vụ/người)	Cán bộ chỉ đạo phụ trách 1 người	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	Mô hình sản xuất hoa cúc 1. Giống: 400 000 cây 2. Đạm nguyên chất (N): 140 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 175 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 150 kg	Mô hình hoa cắt cành hoa cúc: 1. Giống: 40.000 cây 2. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 24 kg 4. Phân kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg	Hoa cúc: 1. Giống: 40.000 cây 2. Đạm nguyên chất (N): 14 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 17,5 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 15kg 5. Phân hữu cơ sinh học:	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung hạng mục hoa cắt tường, cắm chướng, hồng và một số loại hoa cắt cành khác theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	5. Phân hữu cơ sinh học: 3 000 kg 6. Phân bón lá: 3 000 x 1.000đ 7. Thuốc BVTV: 3 000 x 1.000đ 8. Vôi bột: 800 kg 9. Vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất: Định mức cho 1ha	Hữu cơ vi sinh: 0.4 tấn Bón lá: 2 kg,lít Vôi: 0.1 tấn BVTV: 3 kg,lít CPSH: 5kg Tính cho 0,1 ha Mô hình hoa cắt cành cát tường, cắm chướng: 1. Giống: 35.000 cây 2. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 24 kg 4. Phân kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 0,4 tấn 6. Phân bón lá: 5 kg,lít 7. Thuốc BVTV: 3 kg,lít Tính cho 1.000 m ² Hoa hồng: 1. Giống: 5000 cây 2. Phân đạm nguyên chất	300 kg 6. Phân bón lá: 5 kg/lít 7. Thuốc BVTV: 3 kg/lít 8. Vôi bột: 80 kg Định mức cho 1.000 m ² Cát tường, cắm chướng: 1. Giống: 35.000 cây 2. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 24 kg 4. Phân kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 400 kg 6. Phân bón lá: 5 kg/lít 7. Thuốc BVTV: 3 kg/lít Tính cho 1.000 m ² Hoa hồng: 1. Giống: 5000 cây 2. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 40 kg	18/2022/QĐ-UBND do phù hợp với đối tượng và thực tế sản xuất. - Đề xuất kế thừa nội dung hạng mục hoa cúc theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với quyết định 726/2022/QĐ-BNN-KN. - Đề xuất đổi đơn vị tấn sang kg. đơn vị kg,lít sang kg/lít cho thông nhất như Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung:”Các loại đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)” để người dân có thể sử dụng linh hoạt các loại phân bón.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		(N): 46 kg 3. Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 40 kg 4. Phân kali nguyên chất (K ₂ O): 48 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 0,5 tấn 6. Phân bón lá: 2 kg, lít 7. Thuốc BVTV: 3 kg, lít Tính cho 1.000 m ²	4. Phân kali nguyên chất (K ₂ O): 48 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh: 500 kg 6. Phân bón lá: 2 kg/lít 7. Thuốc BVTV: 3 kg/lít Tính cho 1.000 m ²	
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình Số lần: Thời gian: 1 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết Hội nghị sơ kết: Hội nghị tổng kết: 3. Biễn mô hình: không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: 01 lần Tham quan, hội thảo đầu bờ: 01 lần 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: không quy định - Hội nghị tổng kết: 01 lần 3. Biễn mô hình: không quy định.	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biễn mô hình: ≤ 10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung “số lần tập huấn”, “hội nghị sơ kết, tổng kết” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “biễn mô hình: ≤ 10 cái” do

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				phù hợp với quy mô, diện tích triển khai mô hình.
110. MÔ HÌNH TRỒNG HOA LAY ƠN, LOA KÈN, HUỆ				
Tên mô hình				
Mô hình trồng hoa lay ơn	Mô hình sản xuất Hoa Huệ	Mô hình hoa trồng từ củ lay ơn, loa kèn, huệ	Mô hình trồng hoa lay ơn, loa kèn, huệ	Đề xuất kế thừa theo tên “Mô hình trồng hoa lay ơn, loa kèn, huệ” do gom 03 đối tượng hoa trồng từ củ vào mô hình.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
a) Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: Lay ơn	Đối tượng: huệ	Đối tượng: lay ơn, loa kèn, huệ	1. Đối tượng: lay ơn, loa kèn, huệ	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “kỹ thuật, công nghệ ứng dụng” theo mật độ giống. - Đề xuất kế thừa nội dung “Yêu cầu kỹ thuật” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND cho nhóm hoa trồng bằng củ.
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây trồng dưới đất, mật độ trồng 250.000 - 300.0000 củ/ha	Không quy định	Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây trồng dưới đất, mật độ trồng 60.000 - 300.0000 củ/ha	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây cho chất lượng đẹp với tỷ lệ $\geq 80\%$	Không quy định	Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây cho chất lượng đẹp với tỷ lệ $\geq 80\%$	
4. Thời gian thực hiện: 05 tháng	Thời gian thực hiện: 09 tháng	Thời gian thực hiện: 06 tháng	4. Thời gian thực hiện: 5 - 9 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				- Đề xuất nội dung thực hiện: 5 – 9 tháng do phù hợp với từng đối tượng trồng.
b) Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (Tính 1 ha/vụ/người)	Cán bộ chỉ đạo phụ trách 1 người	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	1. Hệ thống tưới: Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Không quy định	1. Hệ thống tưới: Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.
d) Định mức giống, vật tư				
1. Giống: 2.500 - 3.000 củ 2. Phân đạm nguyên chất (N): 15 kg	Mô hình sản xuất Hoa Huệ: 1. Giống: 10 000 - 12 000 Củ	1. Giống: 6.000 -25.000 củ 2. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg	Lay on: 1. Giống: 2.500 - 3.000 củ 2. Phân đạm nguyên	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>3. Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 12 kg</p> <p>4. Phân kali nguyên chất (K₂O): 15 kg</p> <p>5. Magiê sulphat: 10 kg</p> <p>6. Phân hữu cơ sinh học: 250 kg</p> <p>7. Phân vi sinh: 30 kg</p> <p>8. Vôi bột: 100 kg</p> <p>9. Thuốc BVTV: 6 lít/kg Tính cho 1.000 m²</p>	<p>2. N: 13 - 18 Kg</p> <p>3. P₂O₅: 6-10 Kg</p> <p>4. K₂O: 16 - 20 Kg</p> <p>5. Thuốc xử lý đất: 0,8 - 1 Kg</p> <p>6. Thuốc trừ sâu: 0,15 - 0,3 Kg(lít)</p> <p>7. Thuốc trừ bệnh: 0,25 - 0,5 Kg(lít)</p> <p>8. Phân bón lá: 0,3 - 0,5 Kg(lít)</p> <p>9. Vôi: 80 - 100 Kg</p> <p>10. Phân hữu cơ vi sinh: 400 - 500 Kg Định mức tính cho 1000 m²</p>	<p>3. Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 24 kg</p> <p>4. Phân kali nguyên chất (K₂O): 60 kg</p> <p>Hữu cơ vi sinh: 0.4 tấn</p> <p>Bón lá: 2 kg,lít</p> <p>Vôi: 0.1 tấn</p> <p>BVTV: 3 kg,lít</p> <p>CPSH: 5kg</p> <p>Tính cho 0,1 ha</p>	<p>chất (N): 15 kg</p> <p>3. Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 12 kg</p> <p>4. Phân kali nguyên chất (K₂O): 15 kg</p> <p>5. Magiê sulphat: 10 kg</p> <p>6. Phân hữu cơ sinh học: 250 kg</p> <p>7. Phân vi sinh: 30 kg</p> <p>8. Vôi bột: 100 kg</p> <p>9. Thuốc bảo vệ thực vật: 6 kg/lít Tính cho 1.000 m²</p> <p>Loa kèn:</p> <p>1. Giống: 6.000 -25.000 củ</p> <p>2. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg</p> <p>3. Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 24 kg</p> <p>4. Phân kali nguyên chất (K₂O): 60 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ vi sinh: 400 kg</p>	<p>dung hạng mục hoa lay ơn theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung hạng mục hoa loa kèn theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung hạng mục hoa huệ theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất đổi đơn vị tấn sang kg. đơn vị kg,lít sang kg/lít cho thống nhất như Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất bổ sung nội dung:”Các loại đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua,</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			<p>6. Phân bón lá: 2 kg/lít</p> <p>7. Chế phẩm sinh học: 5 kg</p> <p>8. Vôi bột: 100 kg</p> <p>9. Thuốc BVTV: 3 kg/lít</p> <p>Tính cho 1.000 m²</p> <p>Huệ:</p> <p>1. Giống: 10.000 – 12.000 củ</p> <p>2. Phân đạm nguyên chất (N): 13 - 18 kg</p> <p>3. Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 6 - 10 kg</p> <p>4. Phân kali nguyên chất (K₂O): 16 - 20 kg</p> <p>5. Thuốc xử lý đất: 0,8 - 1 kg</p> <p>6. Thuốc trừ sâu: 1,15 – 0,3 kg/lít</p> <p>7. Thuốc trừ bệnh: 0,25 - 0,5 kg/lít</p> <p>8. Phân bón lá: 0,3 - 0,5 kg/lít</p> <p>9. Vôi bột: 80 - 100 kg</p>	DAP, NPK...)” để người dân có thể sử dụng linh hoạt các loại phân bón.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			10. Phân hữu cơ vi sinh: 400 - 500 kg Tính cho 1.000 m ²	
đ) Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biên mô hình: 1 - 6 cái	Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: 01 lần Tham quan, hội thảo đầu bờ: 01 lần 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: không quy định - Hội nghị tổng kết: 01 lần 3. Biên mô hình: không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biên mô hình: 1 - 6 cái	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
111. MÔ HÌNH HOA, CÂY KIỂNG TRỒNG CHẬU				
Tên mô hình				
Mô hình trồng hoa, cây kiểng	- Mô hình sản xuất hoa đồng tiền chậu - Mô hình sản xuất hoa lily chậu	- Mô hình hoa chậu, hoa thảm dứa cạn, dạ yến thảo, cúc, vạn thọ; - Mô hình hoa chậu, hoa thảm đồng tiền. - Mô hình hoa chậu, hoa thảm lily	Mô hình hoa, cây kiểng trồng chậu	Đề xuất theo tên “Mô hình hoa, cây kiểng trồng chậu” do tên mô hình có phạm vi áp dụng rộng, quy định cụ thể cách thức trồng chậu.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Các nội dung theo ĐMKTKT				
a) Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: Dạ yến thảo, cúc, dừa cạn hoặc hoa, cây kiểng khác	1. Đối tượng: đồng tiền lily	1. Đối tượng: dừa cạn, dạ yến thảo, cúc, vạn thọ, đồng tiền	1. Đối tượng: Dạ yến thảo, cúc, dừa cạn, vạn thọ, đồng tiền, cát tường, lily hoặc hoa, cây kiểng khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND, bổ sung vạn thọ, đồng tiền, cát tường, lily do cùng là hoa, cây kiểng trồng chậu. - Đề xuất bổ sung kỹ thuật, công nghệ ứng dụng mật độ ≥ 4.000 chậu/0,1ha dựa trên lượng giống của các đối tượng trồng. - Đề xuất kế thừa nội dung hạng mục hoa đồng tiền theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với quyết định 726/2022/QĐ-BNN-KN. - Đề xuất kế thừa nội dung hạng mục hoa vạn thọ theo Quyết định số
2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây trồng trong chậu, trên giàn, mật độ 4.000 chậu/0,1ha	Không quy định	Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Cây trồng trong chậu, trên giàn, mật độ ≥ 4.000 chậu/0,1ha	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây cho chất lượng đẹp với tỷ lệ $\geq 80\%$	Không quy định	Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây cho chất lượng đẹp với tỷ lệ $\geq 80\%$	
4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	4. Thời gian thực hiện: - MH hoa dừa cạn, dạ yến thảo, cúc, vạn thọ: 06 tháng. - MH hoa đồng tiền: 04 tháng.	4. Thời gian thực hiện: 04 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>18/2022/QĐ-UBND.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa nội dung hạng mục hoa lily theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với quyết định 726/2022/QĐ-BNN-KN. - Đề xuất kế thừa hạng mục hoa dạ yên thảo, cúc, dừa cạn, cát tường, hoa và kiếng lá khác theo nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất thời gian thực hiện là 04 tháng do phù hợp với thời gian sinh trưởng phát triển của các loại hoa cây kiếng trồng chậu.
b) Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
(Nông dân đối ứng)	ứng)		(Nông dân đối ứng)	UBND.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (Tính 1 ha/vụ/người)	Cán bộ chỉ đạo phụ trách 1 người	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Giàn đỡ chậu: 480 – 590 m	Không quy định	Không quy định	Giàn đỡ chậu: 480 – 590 m	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
d) Định mức giống, vật tư				
1. Giống: - Dạ yên thảo, đồng tiền, hoa và kiếng lá khác (01 chậu trồng 01 cây): 4.400 cây/hạt - Dừa cạn, hoa và kiếng lá khác (01 chậu trồng 03 cây): 13.200 cây/hạt 2. Giá thể: 60 m ³ 3. Đạm nguyên chất (N): 120 kg		Mô hình hoa chậu hoa thảm dừa cạn, dạ yên thảo, cúc, vạn thọ: 1. Giống: 8000 cây 2. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg 3. Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 24 kg 4. Phân kali nguyên chất (K ₂ O): 60 kg 5. Phân hữu cơ vi sinh:	1. Giống: - Dạ yên thảo, cúc, hoa và kiếng lá khác (01 chậu trồng 01 cây): 4.400 cây/hạt - Dừa cạn, cát tường, cúc, hoa và kiếng lá khác (01 chậu trồng 03 cây): 13.200 cây/hạt 2. Chậu: 4.000 cái 3. Giá thể: 60 m ³	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung thêm nội dung giống với tỷ lệ trồng dặm 10% . - Đề xuất kế thừa nội dung hạng mục hoa dạ yên thảo, cúc, dừa cạn, cát tường, hoa và kiếng lá

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<p>4. Lân nguyên chất (P₂O₅): 20 kg</p> <p>5. Kali nguyên chất (K₂O): 180 kg</p> <p>6. Thuốc bảo vệ thực vật: 6 lít/kg</p> <p>7. Phân hữu cơ sinh học: 300 kg</p> <p>8. Chậu trồng: 4.000 cái Tính cho 1.000 m²</p>		<p>0,4 tấn</p> <p>6. Phân bón lá: 5 kg,lít</p> <p>7. Chế phẩm sinh học: 1 kg</p> <p>8. Vôi bột: 100 kg</p> <p>9. Thuốc BVTV: 3 kg,lít</p> <p>10. Giá thể : 4 tấn</p> <p>11. Chậu : 8000 cái</p> <p>12. Đường kính chậu: 20 cm</p> <p>13. Kích thích sinh trưởng: 2 kg,lít Tính cho 1.000 m²</p>	<p>4. Đạm nguyên chất (N): 120 kg</p> <p>5. Lân nguyên chất (P₂O₅): 20 kg</p> <p>6. Kali nguyên chất (K₂O): 180 kg</p> <p>7. Thuốc bảo vệ thực vật: 6 kg/lít</p> <p>8. Phân hữu cơ sinh học: 300 kg Tính cho 1.000 m² Vạn thọ:</p> <p>1. Giống: 8.800 cây</p> <p>2. Chậu : 8.000 cái</p> <p>3. Giá thể : 4.000 kg (40 m³)</p> <p>4. Phân đạm nguyên chất (N): 46 kg</p> <p>5. Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 24 kg</p> <p>6. Phân kali nguyên chất (K₂O): 60 kg</p> <p>7. Thuốc bảo vệ thực vật: 3 kg/lít</p>	<p>khác theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do phù hợp với các đối tượng cây trồng.</p> <p>- Đề xuất đổi đơn vị tấn sang kg. đơn vị kg,lít sang kg/lít cho thống nhất như Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất bổ sung nội dung: “Các loại đạm, lân, kali nguyên chất có thể được quy đổi ra phân hỗn hợp hoặc phân đơn khác có tỷ lệ tương ứng (Urê, Lân super, Kali Clorua, DAP, NPK...)” để người dân có thể sử dụng linh hoạt các loại phân bón.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			8. Phân bón lá: 5 kg/lít 9. Kích thích sinh trưởng: 2 kg/lít 10. Chế phẩm sinh học: 1 kg 11. Phân hữu cơ vi sinh: 400 kg 12. Vôi bột: 100 kg Tính cho 1.000 m ²	
	Mô hình sản xuất hoa đồng tiền chậu 1. Giống (1 chậu trồng 1 cây): 80 000 cây 2. Đạm nguyên chất (N): 500 kg 3. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 500 kg 4. Kali nguyên chất (K ₂ O): 375 kg 5. Phân bón lá + Kích thích sinh trưởng: 5 000 1.000đ 6. Thuốc BVTV: 3 000 1.000đ	Mô hình hoa chậu, hoa thảm đồng tiền: 1. Giống: 8000 cây 2. Chậu : 8000 cái 3. Phân đạm nguyên chất (N): 50 kg 4. Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 50 kg 5. Phân kali nguyên chất (K ₂ O): 37 kg 6. Phân hữu cơ vi sinh: 0,3 tấn 7. Phân bón lá: 2 kg,lít 8. Thuốc BVTV: 2 kg,lít 9. Giá thể : 3,5 tấn	Đồng tiền: 1. Giống (1 chậu trồng 1 cây): 8.800 cây/hạt 2. Chậu trồng cây (đường kính x chiều cao): 20cm x 22cm: 8.000 cái 3. Giá thể (Phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa): 50 m ³ 4. Đạm nguyên chất (N): 50 kg 5. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 50 kg 6. Kali nguyên chất	- Đề xuất kế thừa nội dung hạng mục hoa đồng tiền theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với quyết định 726/2022/QĐ-BNN-KN. - Đề xuất hạng mục Phân bón lá + Kích thích sinh trưởng và thuốc bảo vệ thực vật của hoa đồng tiền theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do đơn vị kg/lít thuận tiện theo dõi, thực hiện MH so với đơn vị 1.000 đồng.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<p>7. Chậu trồng cây (đường kính x chiều cao): 20cm x 22cm: 80 000 cái</p> <p>8. Giá thể (Phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa): 65 000 kg</p> <p>9. Lưới đen che nắng 60%: 10 000 m²</p> <p>10. Màng che nilon (diện tích x 1,3): 13 000 m²</p> <p>Định mức cho 01 ha</p>	<p>10. Kích thích sinh trưởng: 2 kg/lít</p> <p>Tính cho 1.000 m²</p>	<p>(K₂O): 37,5 kg</p> <p>7. Thuốc bảo vệ thực vật: 2 kg/lít</p> <p>8. Phân bón lá: 2 lít/kg</p> <p>9. Kích thích sinh trưởng: 2 kg/lít</p> <p>10. Lưới đen che nắng 60%: 1.000 m²</p> <p>11. Màng che nilon (diện tích x 1,3): 1.300 m²</p> <p>Tính cho 1.000 m²</p>	
	<p>Mô hình sản xuất hoa lily chậu:</p> <p>1. Giống Lily (1 chậu trồng 3 cây): 150 000 Củ</p> <p>2. Giống Lily (1 chậu trồng 5 cây): 150 000 Củ</p> <p>3. Đạm nguyên chất (N): 500 kg</p> <p>4. Lân nguyên chất (P₂O₅): 500 kg</p>	<p>Mô hình hoa chậu, hoa thảm lily:</p> <p>1. Giống: 15000 cây</p> <p>2. Chậu : 5000 cái</p> <p>3. Phân đạm nguyên chất (N): 50 kg</p> <p>4. Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 50 kg</p> <p>5. Phân kali nguyên chất (K₂O): 37 kg</p>	<p>Lily:</p> <p>1. Giống Lily (1 chậu trồng 3 cây): 15.150 Củ</p> <p>Giống Lily (1 chậu trồng 5 cây): 15.150 Củ</p> <p>2. Chậu: 3.000 (chậu 5 cây) - 5.000 (chậu 3 cây)</p> <p>3. Giá thể (Phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa): 5.000 kg</p>	<p>- Đề xuất kế thừa nội dung hạng mục hoa đồng tiền theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/2022/QĐ-BNN-KN.</p> <p>- Đề xuất hạng mục Phân bón lá, thuốc kích thích sinh trưởng và thuốc bảo vệ thực vật của hoa lily</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	5. Kali nguyên chất (K ₂ O): 375 kg 6. Phân bón lá + Kích thích sinh trưởng: 15 000 x1.000đ 7. Thuốc BVTV: 7 500 x1.000đ 8. Hoa Lily 3 cây/chậu (đường kính x chiều cao): 22cm x 25cm: 50 000 cái 9. Hoa Lily 5 cây/chậu (đường kính x chiều cao): 32cm x 30cm: 30 000 cái 10. Giá thể (Phân chuồng hoai mục + đất + xơ dừa/mùn cưa): 50 000 kg 11. Lưới đen che nắng 60%: 1000 m ² Định mức cho 01 ha	6. Phân hữu cơ vi sinh: 0,3 tấn 7. Phân bón lá: 6 kg,lít 8. Thuốc BVTV: 3 kg,lít 9. Giá thể : 2 tấn 10. Kích thích sinh trưởng: 6 kg,lít Tính cho 1.000 m ²	(31,5 m ³) 4. Đạm nguyên chất (N): 50 kg 5. Lân nguyên chất (P ₂ O ₅): 50 kg 6. Kali nguyên chất (K ₂ O): 37,5 kg 7. Thuốc bảo vệ thực vật: 3 kg/lít 8. Phân bón lá: 6 lít/kg 9. Kích thích sinh trưởng: 6 kg/lít 10. Lưới đen che nắng 60%: 1000 m ² Tính cho 1.000 m ²	theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND do đơn vị kg/lít thuận tiện theo dõi, thực hiện MH so với đơn vị 1.000 đồng.
đ) Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô	1. Tập huấn xây dựng	1. Tập huấn kỹ thuật: 01	1. Tập huấn xây dựng	Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biểu mô hình: ≤ 06 cái	mô hình Số lần: Thời gian: 1 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết Hội nghị sơ kết: Hội nghị tổng kết: 3. biểu mô hình: không quy định	lần Tham quan, hội thảo đầu bờ: 01 lần 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: không quy định - Hội nghị tổng kết: 01 lần 3. Biểu mô hình: không quy định.	mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biểu mô hình: ≤ 06 cái	và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
112. MÔ HÌNH CÂY CẢNH BONSAI				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình cây cảnh Bonsai	Mô hình cây cảnh, bonsai	Mô hình cây cảnh bonsai.	Đề xuất kế thừa tên mô hình: “Mô hình cây cảnh bonsai” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND với từ bonsai viết liền.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
a) Yêu cầu chung				
Không quy định	Đối tượng: mai chiếu thủy, sam núi, nguyệt quý, linh sam.	Đối tượng: các loại cây thân gỗ như mai, tùng, linh sam, mai chiếu thủy, sanh, si, hoa giấy, hoa sứ.	1. Đối tượng: mai chiếu thủy, sam núi, nguyệt quý, linh sam, hoa giấy và các loại cây khác.	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số
	Không quy định	Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			ứng dụng: Cây trồng chậu, cắt tỉa và uốn tạo dáng cây, mật độ trồng 100 cây/1.000 m ² .	29/2024/QĐ-UBND do quy định chi tiết, phạm vi áp dụng bao quát hơn. - Đề xuất bổ sung đối tượng: hoa giấy và các loại cây khác để phạm vi áp dụng rộng hơn. - Đề xuất thời gian thực hiện: 12 tháng phù hợp với đối tượng cây trồng.
	Không quy định	Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Cây cho hình thể đẹp.	
	Thời gian thực hiện: 12 tháng	Thời gian thực hiện: 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 12 tháng	
b) Định mức lao động				
Không quy định	Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (Tính 1 ha/vụ/người)	Cán bộ chỉ đạo phụ trách 1 người	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (1 - 2 cán bộ)	- Đề xuất bổ sung nội dung “1 - 2 cán bộ” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
c) Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Hệ thống tưới phun mưa: Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô	Không quy định	1. Hệ thống tưới phun mưa: Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	dự án.		dự án.	UBND.
d) Định mức giống, vật tư				
Không quy định	<p>I. Năm thứ nhất</p> <p>1. Cây phôi căn bản (mai chiếu thủy, sam núi, nguyệt quý, linh sam) : 100 Cây</p> <p>2. Chậu (40cm x 40cm x 40cm): 100 Cái</p> <p>3. Xơ dừa: 1 000 Kg</p> <p>4. NPK (chuyên dụng cho cây kiềng): 20-25 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ vi sinh (dạng viên): 400 kg</p> <p>6. Bánh dầu: 20 kg</p> <p>7. Phân bón lá 301 HPV: 4 lít</p> <p>8. Thuốc trừ sâu bệnh: 2 lít/kg</p> <p>9. Dây nhôm uốn cành: 20 kg</p> <p>10. Vỏ trấu sống: 330 kg</p> <p>II. Năm thứ hai</p> <p>1. NPK (chuyên dụng</p>	<p>1. Giống: 100 cây</p> <p>2. Chậu : 100 cái</p> <p>3. Phân đạm nguyên chất (N): 16 kg</p> <p>4. Phân lân nguyên chất (P₂O₅): 8 kg</p> <p>5. Phân kali nguyên chất (K₂O): 15 kg</p> <p>6. Phân hữu cơ vi sinh: 0,2 tấn</p> <p>7. Phân bón lá: 10 kg,lít</p> <p>8. Thuốc BVTV: 5 kg,lít</p> <p>9. đường kính chậu: 60 cm</p> <p>10. Kích thích sinh trưởng: 2 kg,lít</p> <p>Tính cho1.000 m²</p>	<p>I. Năm thứ nhất</p> <p>1. Cây phôi căn bản (mai chiếu thủy, sam núi, nguyệt quý, linh sam, hoa giấy và các loại cây khác) : 100 Cây</p> <p>2. Chậu (40cm x 40cm x 40cm): 100 Cái</p> <p>3. Xơ dừa: 1 000 Kg</p> <p>4. NPK (chuyên dụng cho cây kiềng): 20-25 kg</p> <p>5. Phân hữu cơ vi sinh (dạng viên): 400 kg</p> <p>6. Bánh dầu: 20 kg</p> <p>7. Phân bón lá 301 HPV: 4 lít</p> <p>8. Thuốc trừ sâu bệnh: 2 kg/lít</p> <p>9. Dây nhôm uốn cành: 20 kg</p> <p>10. Vỏ trấu sống: 330 kg</p> <p>II. Năm thứ hai</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do quy định chi tiết, phạm vi áp dụng bao quát hơn.</p> <p>- Đề xuất đổi đơn vị kg,lít sang kg/lít cho thống nhất như Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	cho cây kiềng): 25-30 kg 2. Phân hữu cơ vi sinh (dạng viên): 600 kg 3. Bánh dầu: 20 kg 4. Phân bón lá 301 HPV: 4 lít 5. Thuốc trừ sâu bệnh: 2 lít/kg 6. Dây nhôm uốn cành: 50 kg Đơn vị tính 100 cây		1. NPK (chuyên dụng cho cây kiềng): 25-30 kg 2. Phân hữu cơ vi sinh (dạng viên): 600 kg 3. Bánh dầu: 20 kg 4. Phân bón lá 301 HPV: 4 lít 5. Thuốc trừ sâu bệnh: 2 kg/lít 6. Dây nhôm uốn cành: 50 kg Tính cho 100 cây	
đ) Định mức triển khai				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình Số lần: Thời gian: 1 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết Hội nghị sơ kết: Hội nghị tổng kết: 3. Biên mô hình: hông quy định	Tập huấn kỹ thuật: 01 lần Tham quan, hội thảo đầu bờ: 01 lần 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: không quy định - Hội nghị tổng kết: 01 lần 3. Biên mô hình: không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN - Hội nghị tổng kết: 01 HN 3. Biên mô hình: ≤ 10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung “số lần tập huấn”, “hội nghị sơ kết, tổng kết” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “biên mô hình: ≤ 10 cái” do

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				phù hợp với quy mô, diện tích triển khai mô hình.
113. MÔ HÌNH TRỒNG HOA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
Tên mô hình				
Mô hình trồng hoa ứng dụng công nghệ cao	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng hoa ứng dụng công nghệ cao	Đề xuất kế thừa tên và nội dung ĐMKT KT của mô hình theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
114. MÔ HÌNH TRỒNG LAN HẬU CÂY MÔ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO				
Tên mô hình				
Mô hình trồng lan hậu cây mô	Không quy định	Không quy định	Mô hình trồng lan hậu cây mô	- Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình trồng lan hậu cây mô ứng dụng công nghệ cao” nhằm thể hiện rõ đây là mô hình công nghệ cao. - Đề xuất kế thừa nội dung ĐMKT KT của mô hình theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
115. MÔ HÌNH TRỒNG RỪNG BẠCH ĐÀN THÂM CANH				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng rừng Bạch đàn thâm canh	Mô hình cây lâm nghiệp, trồng rừng (keo tai tượng,	Mô hình trồng rừng Bạch đàn thâm canh	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng rừng

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		keo lá trà, keo lai, bạch đàn)		Bạch đàn thâm canh” theo QĐ số 29/2024-UBND.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: bạch đàn	1. Đối tượng: cây Bạch đàn	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình” tại mục 2 và “Tỷ lệ sống trên 85%” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022//QĐ-UBND.
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	kỹ thuật (Người dân đối ứng)		kỹ thuật (Người dân đối ứng)	64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 20 tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 7 tháng, năm 3: 5 tháng) (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10-15 ha/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Giống trồng mới: 1.660 cây (giống được	1. Giống: 1.660 cây 2. Trồng dặm: 166 cây	1. Giống trồng mới: 1.660 cây (giống được	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<p>công nhận)</p> <p>2. Giống trồng dặm: 166 cây (giống được công nhận)</p> <p>3. Phân bón NPK (5:10:3):</p> <p>+ Trồng mới: 332 kg</p> <p>+ Chăm sóc năm 2: 332 kg</p> <p>+ Chăm sóc năm 3: 332 kg</p> <p>(TCCS)</p>	<p>3. N: 20 kg</p> <p>4. P₂O₅: 35 kg</p> <p>5. K₂O: 10 kg</p> <p>6. Thuốc BVTV: 5 kg/lít</p>	<p>công nhận)</p> <p>2. Giống trồng dặm: 166 cây (giống được công nhận)</p> <p>3. Phân bón NPK (5:10:3):</p> <p>+ Trồng mới: 332 kg</p> <p>+ Chăm sóc năm 2: 332 kg</p> <p>+ Chăm sóc năm 3: 332 kg</p> <p>(TCCS)</p>	<p>64/2024/QĐ-UBND - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN.</p>
<i>d. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <p>- Số lần:</p> <p>- Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật</p> <p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình)</p> <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p>	<p>1. Tập huấn kỹ thuật:</p> <p>- Số lần: 1 lần</p> <p>- Thời gian: Không quy định</p> <p>2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần</p> <p>3. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p> <p>- Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i></p> <p>- Hội nghị tổng kết: 1 lần</p>	<p>1. Tập huấn xây dựng mô hình</p> <p>- Số lần: 1-2 lần</p> <p>- Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật</p> <p>- Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình)</p> <p>2. Hội nghị sơ kết, tổng kết</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	- Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: ≤10 cái	bảo không vượt quá định mức quy định.
116. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY DẦU CON RÁI				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng cây Dầu con rái	Không quy định	Mô hình trồng cây Dầu con rái	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Dầu con rái” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	a. Định mức lao động	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất
	b. Định mức máy móc, thiết bị		b. Định mức lao động	
	c. Định mức giống, vật tư		c. Định mức máy móc, thiết bị	
	d. Định mức triển khai		d. Định mức giống, vật tư	
			đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>theo quy trình” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.” dựa trên tham khảo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. (Mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại).</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
117. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY GÁO				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng cây Gáo	Không quy định	Mô hình trồng cây Gáo	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Gáo” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	a. Định mức lao động	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu
	b. Định mức máy móc, thiết bị		b. Định mức lao động	
	c. Định mức giống, vật tư		c. Định mức máy móc, thiết bị	
	d. Định mức triển khai		d. Định mức giống, vật tư	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			đ. Định mức triển khai	<p>chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.” dựa trên tham khảo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. (Mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại).</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
118. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY KEO LAI				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng cây Keo lai	Mô hình cây lâm nghiệp, trồng rừng (keo tai tượng, keo lá tràm, keo lai, bạch đàn)	Mô hình trồng cây keo lai	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây keo lai” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: keo lai	1. Đối tượng: cây Keo lai	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất bổ sung nội</p>
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			quy trình.	dung: “Sản xuất theo quy trình” tại mục 2 và “Tỷ lệ sống trên 85%” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022//QĐ-UBND.
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 20 tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 7 tháng, năm 3: 5 tháng)	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	(Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10-15 ha/người			linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp). 2. Giống trồng dặm: 166 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp)	1. Giống: 1.660 cây 2. Trồng dặm: 166 cây 3. N: 20 kg 4. P ₂ O ₅ : 35 kg 5. K ₂ O: 10 kg 6. Thuốc BVTV: 5 kg/lít	1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp). 2. Giống trồng dặm: 166 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 332 kg + Chăm sóc năm 2: 332 kg + Chăm sóc năm 3: 332 kg (TCCS)		3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 332 kg + Chăm sóc năm 2: 332 kg + Chăm sóc năm 3: 332 kg (TCCS)	
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			3. Biên mô hình: ≤10 cái	
119. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY KEO LÁ TRÀM				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng cây Keo lá tràm	Mô hình cây lâm nghiệp, trồng rừng (keo tai tượng, keo lá tràm, keo lai, bạch đàn)	Mô hình trồng cây Keo lá tràm	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Keo lá tràm” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.
<i>a. Yêu cầu chung</i>				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: keo lá tràm	1. Đối tượng: cây Keo lá tràm	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình” tại mục 2 và “Tỷ lệ sống trên 85%” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. - Đề xuất kế thừa thời
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông.	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 20 tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 7 tháng, năm 3: 5 tháng) (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10-15 ha/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình)	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình)	Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	kỹ thuật, quy mô dự án)		kỹ thuật, quy mô dự án)	số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	<p>1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp).</p> <p>2. Giống trồng dặm: 166 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp)</p> <p>3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 332 kg + Chăm sóc năm 2: 332 kg + Chăm sóc năm 3: 332 kg (TCCS)</p> <p>4. Thuốc mỗi (DM): 33,2 cây (TCCS)</p>	<p>1. Giống: 1.660 cây</p> <p>2. Trồng dặm: 166 cây</p> <p>3. N: 20 kg</p> <p>4. P₂O₅: 35 kg</p> <p>5. K₂O: 10 kg</p> <p>6. Thuốc BVTV: 5 kg/lít</p>	<p>1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp).</p> <p>2. Giống trồng dặm: 166 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp)</p> <p>3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 332 kg + Chăm sóc năm 2: 332 kg + Chăm sóc năm 3: 332 kg (TCCS)</p> <p>4. Thuốc mỗi (DM): 33,2 cây (TCCS)</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
120. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY KEO TẠI TƯỢNG				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng cây Keo tai tượng	Mô hình cây lâm nghiệp, trồng rừng (keo tai tượng, keo lá trầm, keo lai, bạch đàn)	Mô hình trồng cây Keo tai tượng	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Keo tai tượng” theo QĐ số 29/2024/QĐ-UBND.
<i>a. Yêu cầu chung</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Keo tai tượng	1. Đối tượng: cây Keo tai tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình” tại mục 2 và “Tỷ lệ sống trên 85%” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ
	2. Cán bộ chỉ đạo,	2. Cán bộ chỉ đạo: 01	2. Cán bộ chỉ đạo,	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	hướng dẫn kỹ thuật: 20 tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 7 tháng, năm 3: 5 tháng) (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10-15 ha/người	người - Quy mô: 5 ha	hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤ 10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “ ≤ 10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp).	1. Giống: 1.660 cây 2. Trồng dặm: 166 cây 3. N: 20 kg 4. P ₂ O ₅ : 35 kg 5. K ₂ O: 10 kg	1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp).	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	2. Giống trồng dặm: 166 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp) 3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 332 kg + Chăm sóc năm 2: 332 kg + Chăm sóc năm 3: 332 kg (TCCS)	6. Thuốc BVTV: 5 kg/lít	2. Giống trồng dặm: 166 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp) 3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 332 kg + Chăm sóc năm 2: 332 kg + Chăm sóc năm 3: 332 kg (TCCS)	29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
<i>d. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	<i>quy định</i>	4. Biện mô hình: <i>Không quy định</i>	- Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: ≤5 cái	bảo không vượt quá định mức quy định.
121. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY SAO ĐEN				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng cây Sao đen	Mô hình cây lâm nghiệp, trồng rừng (Sưa, sao, thông, tếch)	Mô hình trồng cây Sao đen	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Sao đen” theo Quyết định số 29/2024-UBND.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Sao	1. Đối tượng: cây Sao đen	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình” tại mục 2 và “Tỷ lệ sống trên 85%” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 20 tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 7 tháng, năm 3: 5 tháng) (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10-15 ha/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN-KN
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Giống trồng mới: 500 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp). 2. Giống trồng dặm: 50 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp) 3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 100 kg + Chăm sóc năm 2: 100 kg + Chăm sóc năm 3: 100 kg (TCCS)	1. Giống: 1.660 cây 2. Trồng dặm: 166 cây 3. N: 25 kg 4. P ₂ O ₅ : 50 kg 5. K ₂ O: 15 kg	1. Giống trồng mới: 500 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp). 2. Giống trồng dặm: 50 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp) 3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 100 kg + Chăm sóc năm 2: 100 kg + Chăm sóc năm 3: 100 kg (TCCS)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN.
đ. Định mức triển khai				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1 lần - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
122. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY SỪA				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng cây Sừa	Mô hình cây lâm nghiệp, trồng rừng (Sừa, sao, thông, tếch)	Mô hình trồng cây Sừa	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Sừa” theo Quyết định số 29/2024-UBND.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Sừa	1. Đối tượng: cây Sừa	- Đề xuất kế thừa bố cục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình.	theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình” tại mục 2 và “Tỷ lệ sống trên 85%” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022//QĐ-UBND.
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 20	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 7 tháng, năm 3: 5 tháng) (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10-15 ha/người	- Quy mô: 5 ha	tháng (≤ 10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp).	nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô " ≤ 10 ha: 1 cán bộ" nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp). 2. Giống trồng dặm: 166	1. Giống: 1.660 cây 2. Trồng dặm: 166 cây 3. N: 25 kg 4. P ₂ O ₅ : 50 kg 5. K ₂ O: 15 kg	1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp). 2. Giống trồng dặm: 166	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp) 3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 332 kg + Chăm sóc năm 2: 332 kg + Chăm sóc năm 3: 332 kg (TCCS)		cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp) 3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 332 kg + Chăm sóc năm 2: 332 kg + Chăm sóc năm 3: 332 kg (TCCS)	nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
đ. Định mức triển khai				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1 lần - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		<i>quy định</i>	(1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	mức quy định.
123. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY TẾCH				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng cây Téch	Mô hình cây lâm nghiệp, trồng rừng (Sưa, sao, thông, tếch)	Mô hình trồng cây Téch	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Téch” theo Quyết định số 29/2024-UBND.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Téch	1. Đối tượng: cây Téch	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình” tại mục 2 và “Tỷ lệ sống trên 85%” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				tỉnh Tây Ninh - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022//QĐ-UBND.
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	1. Không quy định Công lao động phổ thông.	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (<u>Người dân đối ứng</u>)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 20 tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 7 tháng, năm 3: 5 tháng) (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10-15 ha/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp).	
<i>c. Định mức máy móc, thiết bị</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.
<i>d. Định mức giống, vật tư</i>				
Không quy định	<p>1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp).</p> <p>2. Giống trồng dặm: 160 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp)</p> <p>3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 498 kg + Chăm sóc năm 2: 498kg + Chăm sóc năm 3: 498 kg (TCCS)</p>	<p>1. Giống: 1.660 cây</p> <p>2. Trồng dặm: 166 cây</p> <p>3. N: 25 kg</p> <p>4. P₂O₅: 50 kg</p> <p>5. K₂O: 15 kg</p>	<p>1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp).</p> <p>2. Giống trồng dặm: 160 cây (Tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp)</p> <p>3. Phân bón NPK (5:10:3): + Trồng mới: 498 kg + Chăm sóc năm 2: 498 kg + Chăm sóc năm 3: 498 kg (TCCS)</p>	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/QĐ-BNN-KN.</p>
<i>đ. Định mức triển khai</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
124. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY TRÀM LÁ DÀI				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng cây Tràm lá dài	Không quy định	Mô hình trồng cây Tràm lá dài	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Tràm lá dài” theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.
Các nội dung theo ĐMKTKT				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	a. Định mức lao động	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<p>- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND.</p> <p>- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.” dựa trên tham khảo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. (Mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại).</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10</p>
	b. Định mức máy móc, thiết bị		b. Định mức lao động	
	c. Định mức giống, vật tư		c. Định mức máy móc, thiết bị	
	d. Định mức triển khai		d. Định mức giống, vật tư	
			đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
125. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY DÓ TRÀM				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng cây Dó Tràm	Mô hình cây lâm nghiệp, trồng rừng (Dó bầu)	Mô hình trồng cây Dó Tràm	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				Dó Trâm” theo Quyết định số 29/2024-UBND.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Dó bầu	1. Đối tượng: cây Dó Trâm	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình” tại mục 2 và “Tỷ lệ sống trên 85%” tại mục 3 dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022//QĐ-UBND.
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	
b. Định mức lao động				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	kỹ thuật (Người dân đối ứng)		kỹ thuật (Người dân đối ứng)	định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội dung cụ thể, đầy đủ hơn.
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 20 tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 7 tháng, năm 3: 5 tháng) (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp); Ghi chú: Tính 10-15 ha/người	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤ 10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp).	- Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “ ≤ 10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				do phù hợp với Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Cây giống: 1.660 cây (Cây không sâu bệnh). 2. Cây giống trồng dặm: 166 cây (Cây không sâu bệnh). 3. Phân bón NPK: + Năm 1: 498 kg + Năm 2: 498kg + Năm 3: 498 kg (TCCS)	I. Trồng mới: 1. Giống: 1.660 cây 2. Trồng dặm: 166 cây 3. N: 25 kg 4. P ₂ O ₅ : 50 kg 5. K ₂ O: 15 kg II. Thâm canh: 1. N: 25 kg 2. P ₂ O ₅ : 50 kg 3. K ₂ O: 15 kg	1. Giống trồng mới: 1.660 cây (Cây không sâu bệnh). 2. Giống trồng dặm: 166 cây (Cây không sâu bệnh). 3. Phân bón NPK: + Trồng mới: 498 kg + Chăm sóc năm 2: 498 kg + Chăm sóc năm 3: 498 kg (TCCS)	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội dung cụ thể, đầy đủ hơn. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN.
đ. Định mức triển khai				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do hạng mục được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội dung cụ thể, đầy

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤10 cái	đủ hơn. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
126. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY ĐÀN HƯƠNG				
Tên mô hình				
Không quy định	Mô hình trồng cây Đàn hương	Không quy định	Mô hình trồng cây Đàn hương	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Đàn hương” theo QĐ số 29/2024-UBND.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	a. Định mức lao động	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội
	b. Định mức máy móc, thiết bị		b. Định mức lao động	
	c. Định mức giống, vật tư		c. Định mức máy móc, thiết bị	
	d. Định mức triển khai		d. Định mức giống, vật	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			tr	<p>dung cụ thể, đầy đủ hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.” dựa trên tham khảo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. (Mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại). - Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân
			đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
127. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY TRE LẤY MĂNG (ĐIỀN TRÚC, BÁT ĐỘ)				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng cây Tre điền trúc	Mô hình Trồng Tre lấy măng (điền trúc, bát độ)	Mô hình Trồng Tre lấy măng (điền trúc, bát độ)	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng Tre lấy măng (điền trúc, bát độ)” theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				18/2022/QĐ-UBND nhằm đa dạng hóa đối tượng sản xuất, đồng thời thống nhất định mức kỹ thuật cho các nhóm cây có cùng quy trình canh tác.
a. Yêu cầu chung				
Không quy định	Không quy định	Đối tượng: Tre điền trúc, bát độ	1. Đối tượng: cây Tre điền trúc, bát độ	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội dung cụ thể, đầy đủ hơn. - Đề xuất bổ sung nội dung: “Sản xuất theo quy trình GAP” tại mục 2 và “- Đối với mô hình trồng mới: tỷ lệ sống các hom trên 85%.” - Đối với mô hình thâm canh: sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.” tại mục 3
		Không quy định	2. Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình GAP.	
		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: - Đối với mô hình trồng mới: tỷ lệ sống các hom trên 85%. - Đối với mô hình thâm canh: sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn.	
		Thời gian triển khai: 9 tháng	4. Thời gian thực hiện: 09 tháng	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				dựa trên tham khảo mô hình/điểm trình diễn trồng, thâm canh cây neem (xoan Ấn Độ), tre, trúc, tầm vông” tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh - Đề xuất kế thừa thời gian thực hiện: 09 tháng theo Quyết định số 18/2022//QĐ-UBND.
<i>b. Định mức lao động</i>				
Không quy định	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	1. Không quy định Công lao động phổ thông	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (Người dân đối ứng)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội dung cụ thể, đầy đủ hơn. - Đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng” để thống
	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 20 tháng (năm 1: 8 tháng, năm 2: 7 tháng, năm 3: 5 tháng) (Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp);	2. Cán bộ chỉ đạo: 01 người - Quy mô: 5 ha	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 09 tháng (≤10 ha: 1 cán bộ - Trung cấp trở lên. Chuyên môn phù hợp)	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	Ghi chú: Tính 10-15 ha/người			nhất theo thời gian thực hiện; đề xuất quy mô “≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.
c. Định mức máy móc, thiết bị				
Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Không quy định	Làm đất bằng cơ giới (phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án)	Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do phù hợp với Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN.
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	1. Cây giống: 500 cây (Cây giống phải tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp.). 2. Cây giống trồng dặm:	I. Trồng mới: 1. Giống: 500 cây 2. Trồng dặm: 50 cây 3. N: 24 kg 4. P ₂ O ₅ : 24 kg 5. K ₂ O: 12 kg	1. Cây giống: 500 cây (Cây giống phải tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp.). 2. Cây giống trồng dặm:	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	50 cây (Cây giống phải tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp). 3. Phân bón NPK (0,3 kg/cây) + Năm 1: 150 kg + Năm 2: 150 kg + Năm 3: 150 kg (TCCS)	6.HCVS, HCSH: 3.000 tấn II. Thâm canh: 1. N: 24 kg 2. P ₂ O ₅ : 24 kg 3. K ₂ O: 12 kg 4. HCVS, HCSH: 3.000 tấn	50 cây (Cây giống phải tuân thủ các quy định về quản lý giống cây trồng Lâm nghiệp). 3. Phân bón NPK (0,3 kg/cây) + Năm 1: 150 kg + Năm 2: 150 kg + Năm 3: 150 kg (TCCS)	dung cụ thể, đầy đủ hơn. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND do nội dung quy định trên cơ sở Quyết định 726/ QĐ-BNN-KN.
<i>đ. Định mức triển khai</i>				
Không quy định	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: - Thời gian: 01 ngày 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 1 ngày/HN - Hội nghị tổng kết: 1 – 2 ngày/HN 3. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 1 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 01 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình từ mô hình) 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (1 ngày/HN)	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do hạng mục được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội dung cụ thể, đầy đủ hơn. - Đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			- Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 – 2 ngày/HN) 3. Biện mô hình: ≤10 cái	hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
128. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY XÀ CÙ				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng cây Xà cù	Không quy định	Mô hình trồng cây Xà cù	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Xà cù” theo QĐ số 29/2024-UBND.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	a. Định mức lao động	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội dung cụ thể, đầy đủ hơn. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung
	b. Định mức máy móc, thiết bị		b. Định mức lao động	
	c. Định mức giống, vật tư		c. Định mức máy móc, thiết bị	
	d. Định mức triển khai		d. Định mức giống, vật tư	
			đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.” dựa trên tham khảo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. (Mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại).</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10 ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
129. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY TRẮC				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Mô hình trồng cây Trắc	Không quy định	Mô hình trồng cây Trắc	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình trồng cây Trắc” theo Quyết định số 29/2024-UBND.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	a. Định mức lao động	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình được quy định chi
	b. Định mức máy móc, thiết bị		b. Định mức lao động	
	c. Định mức giống, vật		c. Định mức máy móc,	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
	tư		thiết bị	<p>tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội dung cụ thể, đầy đủ hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.” dựa trên tham khảo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. (Mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại). - Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: ≤10
	d. Định mức triển khai		d. Định mức giống, vật tư	
			đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>ha: 1 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
130. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY TRÀM TRÀ				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây lâm nghiệp, trồng rừng (Tràm trà)	Mô hình trồng cây Tràm trà	Đề xuất tên mô hình “Mô hình trồng cây Tràm trà”.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội dung cụ thể, đầy đủ hơn. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.” dựa trên tham khảo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. (Mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				loại). - Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
131. MÔ HÌNH TRỒNG CÂY THÔNG				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cây lâm nghiệp, trồng rừng (Sưa, sao, thông, tếch)	Mô hình trồng cây Thông	Đề xuất tên mô hình “Mô hình trồng cây Thông”.
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND do mô hình được quy định chi tiết, có phạm vi áp dụng bao quát và nội dung cụ
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	<p>thể, đầy đủ hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng: Sản xuất theo quy trình” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Tỷ lệ sống trên 85%.” dựa trên tham khảo Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh. (Mô hình/điểm trình diễn trồng cây lâm nghiệp các loại). - Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 10 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
132. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA ỨNG DỤNG GIEO HẠT, MẠ KHAY, MÁY CẮY TRONG SẢN XUẤT LÚA				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cơ giới hóa ứng dụng gieo hạt, mạ khay, máy cấy trong sản xuất lúa	Mô hình cơ giới hóa ứng dụng gieo hạt, mạ khay, máy cấy trong sản xuất lúa	Đề xuất kế thừa “Mô hình cơ giới hóa ứng dụng gieo hạt, mạ khay, máy cấy trong sản xuất lúa” theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. - Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Trang thiết bị: Máy cấy, máy trộn đất, máy
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>gieo hạt” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Giảm tối thiểu 20% công lao động trong quá trình sản xuất” dựa trên tham khảo Định mức kinh tế kỹ thuật mô hình Cơ giới hóa, công nghệ cao và các mô hình khác tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 1-2 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p>

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biến mô hình ≤ 03 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.
133. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA ỨNG DỤNG MÁY GIEO HẠT TRONG SẢN XUẤT RAU, HOA				
<i>Tên mô hình</i>				
Không quy định	Không quy định	Mô hình cơ giới hóa ứng dụng máy gieo hạt sản xuất rau, hoa	Mô hình cơ giới hóa ứng dụng máy gieo hạt sản xuất rau, hoa	Đề xuất kế thừa tên mô hình “Mô hình cơ giới hóa ứng dụng máy gieo hạt trong sản xuất rau, hoa” theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.
Các nội dung theo ĐMKT KT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	- Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	<p>dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND.</p> <p>- Tại điểm a. Yêu cầu chung, đề xuất bổ sung nội dung “Trang thiết bị: Máy gieo hạt” và “Yêu cầu về kỹ thuật: Giảm tối thiểu 20% công lao động trong quá trình sản xuất” dựa trên tham khảo Định mức kinh tế kỹ thuật mô hình Cơ giới hóa, công nghệ cao và các mô hình khác tại Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh.</p> <p>- Tại điểm b. Định mức lao động đề xuất nội dung “Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 1-2 cán bộ” nhằm linh hoạt trong việc phân công nhân sự dựa trên diện tích triển khai</p>
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				<p>thực tế của từng mô hình, đảm bảo phù hợp với nguồn lực cán bộ chuyên môn hiện có tại địa phương.</p> <p>- Tại điểm đ. Định mức triển khai, đề xuất số lượng biên mô hình ≤ 03 cái nhằm tạo sự linh hoạt trong triển khai; tùy theo quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia thực tế của từng mô hình để điều tiết số lượng phù hợp, đảm bảo không vượt quá định mức quy định.</p>
134. MÔ HÌNH CƠ GIỚI HÓA TRONG CÂY TRỒNG				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình cơ giới hóa trong cây trồng	Không quy định	- Mô hình cơ giới hóa trồng trọt - Mô hình Hệ thống tưới	Mô hình cơ giới hóa trong cây trồng	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình cơ giới hóa trong cây trồng” theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND của UBND Thành phố. Tên gọi này giúp

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				nhấn mạnh việc ứng dụng đồng bộ máy móc thiết bị vào từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng.
a. Yêu cầu chung				
1. Đối tượng: Cho các loại cây trồng theo định hướng của Thành phố.	Không quy định	Nhóm, đối tượng: 1. Nhóm mô hình cơ giới hóa Cơ giới hóa trồng trọt 2. Mô hình hệ thống tưới a. Hệ thống tưới phun mưa cho các loại rau ăn lá b. Hệ thống tưới phun mưa cho nhóm cây ăn quả có khoảng cách trồng 6x6m (nhãn, xoài, bưởi, mít, măng cụt) Hệ thống tưới phun mưa cho nhóm cây ăn quả có khoảng cách trồng 3x3m (mãng cầu ta, thanh long, cà phê). c. Hệ thống tưới tiết kiệm	1. Đối tượng: Cho các loại cây trồng theo định hướng của Thành phố.	- Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất bổ sung nội dung yêu cầu kỹ thuật đối với Thiết bị bay không người lái vào định mức: Đây là nội dung kế thừa từ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. Việc bổ sung này phù hợp áp dụng với các vùng sản xuất tập trung, giải quyết bài toán thiếu hụt lao động và nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư nông nghiệp (thuộc, phân

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		cho các loại cây trồng (phương pháp tưới bằng dây tưới lưu lượng thấp dưới gốc) d. Hệ thống tưới nhỏ giọt.		bón, giống).
2. Trang thiết bị: Máy xới, máy gieo hạt, máy móc, thiết bị phun thuốc, bón phân, hệ thống tưới và các loại máy móc, thiết bị trong các khâu làm đất, gieo ươm, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản trong cây trồng.		Không quy định	2. Trang thiết bị: Máy xới, máy móc, thiết bị phun thuốc, bón phân, hệ thống tưới và các loại máy móc, thiết bị trong các khâu làm đất, gieo ươm, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản trong cây trồng.	
3. Yêu cầu về kỹ thuật: - Tiết kiệm công lao động/ha/vụ: ≥ 10 công đối với máy xới, ≥ 05 công đối với máy phun thuốc, ≥ 15 công đối với máy gieo hạt. - Tiết kiệm nước $\geq 40\%$ đối với hệ thống tưới		Không quy định	3. Yêu cầu về kỹ thuật: - Tiết kiệm công lao động/ha/vụ: ≥ 10 công đối với máy xới, ≥ 05 công đối với máy phun thuốc, ≥ 15 công đối với máy gieo hạt, ≥ 12 công (đối với tổng các khâu gieo sạ, bón phân, phun thuốc) đối với thiết bị	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
			bay không người lái. - Tiết kiệm nước $\geq 40\%$ đối với hệ thống tưới	
4. Thời gian thực hiện: 03 tháng		Thời gian triển khai: 04 - 09 tháng	4. Thời gian thực hiện: 03 tháng	
b. Định mức lao động				
1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng).	Không quy định	1. Không quy định công lao động phổ thông.	1. Công lao động phổ thông: Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình (Nông dân đối ứng).	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp).		2. Cán bộ chỉ đạo, phụ trách: 1 người - Quy mô: + Cơ giới hóa trồng trọt: 1 bộ. + Hệ thống tưới (HTT): HTT phun mưa cho các loại rau ăn lá: 2 ha HTT phun mưa cho nhóm cây ăn quả có khoảng cách trồng 6x6m (nhãn, xoài, bưởi, mít, măng cụt); HTT phun mưa cho nhóm cây ăn quả	2. Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật: 03 tháng (1-2 cán bộ - Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp).	

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
		<p>có khoảng cách trồng 3x3m (mãng cầu ta, thanh long, cà phê): 5 ha.</p> <p>HTT tiết kiệm cho các loại cây trồng (phương pháp tưới bằng dây tưới lưu lượng thấp dưới gốc): 2-5 ha.</p> <p>HTT nhỏ giọt: 5 ha.</p>		
c. Định mức máy móc, thiết bị				
<p>1. Máy xới: 01 cái (Có động cơ) (Diện tích sản xuất $\geq 0,2$ ha ứng dụng trong canh tác rau, hoa)</p> <p>2. Máy gieo hạt: 01 cái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gieo trên khay; Công suất gieo: ≥ 26.000 hạt/giờ (Diện tích sản xuất $\geq 0,5$ ha ứng dụng trong canh tác rau, hoa) - Gieo tự hành; Công suất: ≥ 100 m²/giờ (Diện tích sản xuất $\geq 0,5$ ha Ứng dụng trong canh tác 		<p>I. Cơ giới hóa trồng trọt:</p> <p>1. Máy móc/thiết bị làm đất, xới đất: 01 bộ/mô hình</p> <p>2. Thiết bị phun thuốc có động cơ: 01 bộ/mô hình</p> <p>3. Thiết bị phun thuốc đeo vai: 01 bộ/mô hình</p> <p>4. Thiết bị bón phân: 01 bộ/mô hình</p> <p>5. Thiết bị, dụng cụ cắt tỉa cành nhánh: 01 bộ/mô hình</p> <p>6. Máy móc/thiết bị gieo</p>	<p>1. Máy xới: 01 cái (có động cơ) (Diện tích sản xuất $\geq 0,2$ ha)</p> <p>2. Máy gieo hạt: 01 cái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gieo trên khay; Công suất gieo: ≥ 26.000 hạt/giờ (Diện tích sản xuất $\geq 0,5$ ha) - Gieo tự hành; Công suất: ≥ 100 m²/giờ (Diện tích sản xuất $\geq 0,5$ ha.) <p>3. Máy nén giá thể vào khay: 01 cái (Công suất: ≥ 700 khay/giờ) (Diện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa hạng mục thiết bị, dụng cụ cắt tỉa cành nhánh; thiết bị bay không người lái phục vụ nông nghiệp theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND. Việc kế thừa này nhằm đa dạng hóa thiết bị hỗ trợ, phù hợp đặc thù sản xuất tập trung, giải quyết

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỀ KIỂM TRA VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
rau) 3. Máy nén giá thể vào khay: 01 cái (Công suất \geq 700 khay/giờ) (Diện tích sản xuất \geq 0,5 ha Ứng dụng trong canh tác rau, hoa) 4. Máy móc, thiết bị phun thuốc, bón phân: 01 cái (Có động cơ) (Diện tích sản xuất \geq 0,2 ha Ứng dụng trong canh tác rau, hoa) 5. Hệ thống tưới phun trong trồng rau, hoa, cây ăn trái (tính cho diện tích tưới 1.000 m ²) (Diện tích sản xuất \geq 0,1 ha) 6. Hệ thống tưới nhỏ giọt trong trồng rau, hoa, cây ăn trái (tính cho diện tích tưới 1.000 m ²) (Diện tích sản xuất \geq 0,1 ha) 7. Hệ thống thu hoạch, sơ		hạt, thiết bị cây con: 01 bộ/mô hình 7. Máy móc/thiết bị thu hoạch: 01 bộ/mô hình 8. Máy móc/thiết bị tích hợp nhiều chức năng (làm đất, gieo sạ, bón phân, phun thuốc, thu hoạch): 01 bộ/mô hình 9. Thiết bị bay không người lái phục vụ nông nghiệp: 01 bộ/mô hình II. Hệ thống tưới: 1. HTT phun mưa cho các loại rau ăn lá: 2 ha/1MH. 2. HTT phun mưa cho nhóm cây ăn quả: 5 ha/1MH. 3. HTT tiết kiệm cho các loại cây trồng (phương pháp tưới bằng dây tưới lưu lượng thấp dưới gốc): 2-5 ha/1MH. 4. HTT nhỏ giọt: 5	tích sản xuất \geq 0,5 ha). 4. Máy móc, thiết bị phun thuốc, bón phân: 01 cái (Diện tích sản xuất \geq 0,2 ha) 5. Hệ thống tưới phun (Diện tích sản xuất \geq 0,1 ha) 6. Hệ thống tưới nhỏ giọt (Diện tích sản xuất \geq 0,1 ha). 7. Thiết bị dụng cụ cắt tỉa cành nhánh (Diện tích sản xuất \geq 0,2 ha) 8. Thiết bị bay không người lái phục vụ nông nghiệp (Diện tích sản xuất \geq 5 ha) 9. Hệ thống thu hoạch, sơ chế, đóng gói, bảo quản nông sản (Diện tích sản xuất \geq 0,5 ha) (Ứng dụng trong canh tác các loại cây trồng có	bài toán thiếu hụt lao động và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vật tư nông nghiệp.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKT KT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
chế, đóng gói, bảo quản rau, quả (Diện tích sản xuất $\geq 0,5$ ha)		ha/1MH.	quy trình kỹ thuật tương ứng)	
d. Định mức giống, vật tư				
Không quy định	Không quy định	Không quy định		
đ. Định mức triển khai				
1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤ 03 cái	Không quy định	1. Tập huấn kỹ thuật: - Số lần: 2 lần - Thời gian: Không quy định 2. Tham quan, hội thảo đầu bờ: 1 lần 3. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: <i>Không quy định</i> - Hội nghị tổng kết: 1 lần 4. Biên mô hình: <i>Không quy định</i>	1. Tập huấn xây dựng mô hình - Số lần: 1-2 lần - Thời gian: 1 ngày (- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi từ mô hình 2. Hội nghị sơ kết, tổng kết - Hội nghị sơ kết: 01 HN (01 ngày/HN) - Hội nghị tổng kết: 01 HN (1 - 2 ngày/HN) 3. Biên mô hình: ≤ 03 cái	Đề xuất kế thừa bố cục và nội dung theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND.
135. MÔ HÌNH Ủ PHÂN HỮU CƠ				
<i>Tên mô hình</i>				

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
Không quy định	Không quy định	Mô hình ủ phân hữu cơ	Mô hình ủ phân hữu cơ	Đề xuất kế thừa tên “Mô hình ủ phân hữu cơ” theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND
Các nội dung theo ĐMKTKT				
Không quy định	Không quy định	Không quy định	a. Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế thừa bố cục theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND. - Đề xuất kế thừa nội dung theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND - Đề xuất bổ sung nội dung: “<i>Trồng bằng củ, mật độ 40.000 cây/ha</i>” tại mục 2 và “<i>Năng suất 15 – 20 tấn/ha</i>” tại mục 3 của điểm a dựa trên quy trình kỹ thuật của Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND
		II. Định mức triển khai	b. Định mức lao động	
		Không quy định	c. Định mức máy móc, thiết bị	
		I. Định mức kinh tế kỹ thuật	d. Định mức giống, vật tư	
		II. Định mức triển khai	đ. Định mức triển khai	
136. MÔ HÌNH SẢN XUẤT GIỐNG RAU ĂN LÁ				
Tên mô hình				
Mô hình sản xuất giống rau ăn lá	Không quy định	Không quy định	Mô hình sản xuất giống rau ăn lá	Đề xuất kế thừa tên và toàn bộ nội dung

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				ĐMKTKT của mô hình theo Quyết định số 64/2024-UBND.
137. MÔ HÌNH SẢN XUẤT GIỐNG RAU ĂN QUẢ				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất giống rau ăn quả	Không quy định	Không quy định	Mô hình sản xuất giống rau ăn quả	Đề xuất kế thừa tên và <u>toàn bộ nội dung ĐMKTKT của mô hình</u> theo Quyết định số 64/2024/UBND.
138. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÁC GIỐNG HOA NỀN VÀ KIẾNG LÁ THEO PHƯƠNG PHÁP NUÔI CÂY MÔ TẾ BÀO THỰC VẬT				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất các giống hoa nền và kiếng lá theo phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật	Không quy định	Không quy định	Mô hình sản xuất các giống hoa nền và kiếng lá theo phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật	Đề xuất kế thừa tên và <u>toàn bộ nội dung ĐMKTKT của mô hình</u> theo Quyết định số 64/2024/UBND.
139. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÁC GIỐNG LAN BẰNG PHƯƠNG PHÁP NUÔI CÂY MÔ TẾ BÀO THỰC VẬT				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất các giống lan bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật	Không quy định	Không quy định	Mô hình sản xuất các giống lan bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật	Đề xuất kế thừa tên và <u>toàn bộ nội dung ĐMKTKT của mô hình</u> theo Quyết định số

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
				64/2024/UBND.
140. MÔ HÌNH SẢN XUẤT GIỐNG LAN HẬU CÂY MÔ				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất giống lan hậu cây mô	Không quy định	Không quy định	Mô hình sản xuất giống lan hậu cây mô	Đề xuất kế thừa tên và toàn bộ nội dung ĐMKTKT của mô hình theo Quyết định số 64/2024/UBND.
141. MÔ HÌNH SẢN XUẤT GIỐNG CÂY DƯỢC LIỆU				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất giống cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao	Không quy định	Không quy định	Mô hình sản xuất giống cây dược liệu	Đề xuất sử dụng tên: “Mô hình sản xuất giống cây dược liệu” để phân biệt rõ đây là mô hình sản xuất giống chứ không phải mô hình công nghệ cao. - Đề xuất kế thừa toàn bộ nội dung ĐMKTKT của mô hình theo Quyết định số 64/2024/UBND.
142. MÔ HÌNH SẢN XUẤT MEO GIỐNG NẤM				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất meo	Không quy định	Không quy định	Mô hình sản xuất meo	Đề xuất kế thừa tên và

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH			DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐMKTKT VỀ KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM (Sau sáp nhập)	THUYẾT MINH
QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM	QUYẾT ĐỊNH SỐ 29/2024/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	QUYẾT ĐỊNH SỐ 18/2022/QĐ-UBND CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU		
giống nấm			giống nấm	<u>toàn bộ nội dung ĐMKTKT của mô hình theo Quyết định số 64/2024/UBND.</u>
143. MÔ HÌNH SẢN XUẤT PHÔI NẤM NHỌNG TRÙNG THẢO				
<i>Tên mô hình</i>				
Mô hình sản xuất phôi nấm nhộng trùng thảo	Không quy định	Không quy định	Mô hình sản xuất phôi nấm nhộng trùng thảo	<u>Đề xuất kế thừa tên và toàn bộ nội dung ĐMKTKT của mô hình theo Quyết định số 64/2024/UBND.</u>

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG